

VĂN HỌC

LỚP

PHỔ THÔNG

10

Tập II



Nhà xuất bản Giáo dục

* 1988

VĂN HỌC

LỚP MƯỜI PHỔ THÔNG
Hệ 12 năm

(In lần thứ 14 chỉnh lý năm 1979)

Tập II



Nhà xuất bản Giáo dục
* 1988

PHẦN THỨ BA
VĂN HỌC CỔ (liếp theo)

CHƯƠNG II
**VĂN HỌC VIỆT TỪ THẾ KỈ XVI
ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XVIII**

KHÁI QUÁT VỀ GIAI ĐOẠN VĂN HỌC

HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

Từ đầu thế kỉ XVI trở đi, chế độ phong kiến nước ta đã lần dần bước đến chỗ suy vong. Vua thì ăn chơi xa hoa, trụy lạc, quan lại thì tham nhũng, đục khoét nhân dân. Nội bộ giai cấp phong kiến lục đục, tranh giành địa vị lẫn nhau, gây ra những cuộc nội chiến phi nghĩa như cuộc xung đột Lê Mạc, cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn kéo dài hàng thế kỉ, làm cho nhân dân ta xiết bao khổ cực. Sống trong tình trạng rối ren đó và càng ngày càng mâu thuẫn sâu sắc với giai cấp bóc lột, thống trị, nông dân và các tầng lớp bị áp bức khác buộc phải vùng dậy đấu tranh. Nhiều cuộc bạo động đã nổ ra như cuộc bạo động Trần Cao ở đầu thế kỉ XVI, cuộc bạo động Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu ở nửa đầu thế kỉ XVIII. Nhân loạn lạc, bọn con buôn có dịp làm giàu và tung tiền ra làm những điều bất nghĩa. Mặt khác, từ đầu thế kỉ XVII, tư bản phương

Tây cùng với đạo Gia Tô xâm nhập nước ta. Thế lực đồng tiền đã trở nên quan trọng, ảnh hưởng đến mọi tầng lớp và làm cho đạo đức phong kiến càng mau đến chỗ suy đồi. Nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm đã phải than thở:

*Đạo nọ, nghĩa này trăm tiếng
Nghe bui, thỉnh thỉnh lại đồng tiền!*

Thấy cuộc đời như vậy, một số sĩ phu có khí tiết như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hàng, Nguyễn Dữ... (1) chán ghét triều đình phong kiến, rút lui đi ẩn dật, sáng tác thơ văn.

Tất cả những sự kiện trên đây đều được phản ánh trong văn thơ của mấy thế kỉ này.

TÌNH HÌNH VĂN HỌC

So với văn thơ thời Hồng Đức, văn thơ thời kì này có nhiều điểm khác biệt do tình trạng phức tạp của xã hội chi phối. Có thể nói văn thơ thời này có ba điểm nổi bật như sau:

I — Sự phân chia thành những xu hướng khác biệt.

Lúc này không còn thuần một loại thơ văn ca ngợi triều đại phong kiến như ở thời Hồng Đức nữa. Bên cạnh những nhà thơ như Bùi Vịnh (2) xu nịnh nhà Mạc, như Hoàng Sĩ Khải tán dương nhà Trịnh, có những kẻ nghĩa khí không chịu khom lưng uốn gối, đã dám hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp tố cáo bộ mặt thối nát của xã hội lúc đó như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ hay một số tác giả khuyết danh khác. Cũng như Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ, nhiều nhân sĩ của thế kỉ XVI như Nguyễn Hàng đã tỏ thái độ chống đối, tuy là chống đối tiên cực bằng cách đi ẩn dật, mà không chịu tham gia vào bộ máy chính quyền thối nát thời bấy giờ. Nguyễn Hàng đã làm bài phú *Tịch cư nhĩn thể* (yên sống ẩn dật) để nói lên chí hướng của mình, như ưa sống với cỏ cây, không ham giàu sang. Ông đã sống trong một gian nhà nhỏ, mái tranh, phen sậy, ăn mặc như nông dân miền núi địa phương, thậm chí cảnh nghèo nàn của họ như mặc thì «vấn khăn gốc đen sì, vận quần nâu đỏ quạch...» và ăn thì «tương hạnh chua lòn; muối vầu nhạt thềch...».

Riêng có những người như Phùng Khắc Khoan (3) lại tỏ ra tích cực hơn. Phùng là một trong những học trò giỏi của Nguyễn Bình Khiêm, thậm chí nghe lời thầy, theo phía Lê Trịnh giúp dân trừ loạn. Phùng thường làm nhiều thơ chữ Hán, mạnh dạn tố cáo xã hội đầy rẫy sự cấu xé, đầy rẫy sự giết chóc dưới triều nhà Mạc, vạch mặt bọn «cúi đầu xu nịnh» để sát hại nhân dân. Phùng tự ví như cây tùng, cây bách «chẳng ngại sống trong cảnh nhà tranh nghèo khó», mà «chỉ mừng gặp được mây xanh nhẹ bước...». Sống giữa thời loạn, nhưng ý thơ của ông rắn rỏi, vui tươi, biểu lộ một tinh thần lạc quan yêu đời và không sợ gian nguy, để tất cả tâm trí cứu dân giúp nước.

Từ thế kỉ XVII, ngoài việc phân chia thành những xu hướng khác biệt, văn thơ nước ta lại còn chia ra làm văn thơ Đảng Ngoài và văn thơ Đảng Trong do cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh tạm thời quy định. Văn thơ tuy chia ra Nam, Bắc sông Gianh, tuy có khía cạnh khác nhau nhưng căn bản vẫn có nội dung tư tưởng phong kiến. Có một điều đáng chú ý, là ở Đảng Ngoài hay Đảng Trong, văn nôm thời này phát triển khá mạnh.

II — Sự phát triển văn nôm chứng tỏ ý thức dân tộc ngày càng cao

Thơ văn nôm xuất hiện từ đời Trần đến đời Hồng Đức, được nâng lên một mức. Từ thế kỉ XVI về sau, nhiều tác giả nổi tiếng như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Hàng, Đào Duy Từ, Nguyễn Cư Trinh, Mạc Thiên Tích... (4) đều làm thơ văn nôm. Trước hết phải kể những khúc ca, khúc ngâm như: bài *Tứ thời khúc* của Hoàng Sĩ Khải (5), bài *Tư dung văn* của Đào Duy Từ, những bài phú của Nguyễn Hàng, hay những tập sử ca như *Thiên Nam ngữ lục* chưa rõ tác giả (6). Tiếp nữa, phải kể đến những truyện thơ như truyện *Tô Công phụng sứ*, truyện *Lâm tuyền kì ngộ*, truyện *Song Tinh Bát Dạ* của Nguyễn Hữu Hào, v.v... (7) Ngay tác phẩm *Thiên Nam ngữ lục* bao gồm một số chương mà nếu tách ra cũng có thể coi như những truyện thơ hoàn chỉnh, thí dụ truyện *Mị Châu Trọng Thủy*, truyện *Hai Bà Trưng*, v.v... Có thể nói thế kỉ XVI và XVII đã mở đầu cho phong trào phát triển truyện thơ bằng chữ nôm.

Qua thơ văn nôm, ngôn ngữ văn chương của dân tộc, dần dần thêm phong phú, nhuần nhị và đặc biệt qua truyện thơ, yếu tố trữ tình được thể hiện rõ rệt.

Việc phát triển văn nôm đặc biệt là việc phát triển của truyện thơ nôm chứng tỏ ý thức dân tộc ngày càng cao.

III — Khayn hướng trữ tình nổi bật trong thơ văn thời này

Văn thơ viết ở những thế kỉ trước thường ít nói đến những tình cảm sâu kín của con người, nhất là tình yêu lứa đôi, tình yêu vợ chồng. Văn thơ thời kì này đã phần nào đi sâu vào nhiều mặt của cuộc sống, đã phân tích cảnh và tình một cách đậm đà. Tác phẩm *Truyện kì mạn lục* bằng chữ Hán của Nguyễn Dữ đã phản ánh được khá nhiều nỗi éo le của cuộc đời. Thi dụ như truyện *Người con gái Nam Xương*. Truyện thơ *Lâm tuyền kì ngộ* (khuyết danh) hay truyện thơ *Song Tinh Bất Dạ* của Nguyễn Hữu Hào đã miêu tả tình yêu bằng những nét đậm đà. Những truyện thơ này đã dọn đường cho các truyện thơ *Sơ kinh tân trang* của Phạm Thái. Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du ra đời từ nửa sau thế kỉ XVIII (8).

Qua hai thế kỉ rưỡi, nếu như ít nhiều thơ văn chữ Hán có kèm đi, thì thơ văn quốc âm lại phát triển. Đây là một bước tiến về ngôn ngữ văn chương dân tộc, bước tiến nhịp nhàng với khí thế đấu tranh của các cuộc nông dân khởi nghĩa chống phong kiến.

Chú thích :

(1) Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Dữ sẽ nói ở sau, Nguyễn Hào ở thế kỉ XVI, người xã Xuân Lũng, huyện Sơn Vi (nay là huyện Lâm Thao, Vĩnh Phú), đỗ hương cống (cử nhân), bỏ đi ẩn ở Tuyên Quang năm 1527 khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. Ông là tác giả nhiều bài phú nôm trong đó có *Tịch cư ninh thể phú*.

(2) Bùi Vịnh (1508 — 1545): người làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì (ngoại thành Hà Nội), đỗ bảng nhãn đời Mạc Đăng Doanh; ông có hai cháu gái lấy vua Mạc.

(3) Phùng Khắc Khoan (1528 — 1613): người làng Phùng Xá (tục gọi làng Bùng) huyện Thạch Thất (ngoại thành Hà Nội). Ông đỗ hoàng giáp (tức tiến sĩ) có đức độ, đã từng đi sứ Trung Quốc và xướng họa với sứ giả Triều Tiên ở Trung Quốc. Người đời gọi tôn ông là Trạng Bùng (Trạng ở làng Bùng).

(4) Đào Duy Từ (1572 — 1634): vốn người Thanh Hóa, sau vào Đàng Trong giúp chúa Nguyễn. Ông đã chỉ đạo việc xây dựng lũy Trường Dục và lũy Nhật Lệ (Duy Thầy). Bài *Tư Dung văn* của ông bằng thể thơ lục bát, ca ngợi phong cảnh cửa biển Tư Dung (tức cửa Tư Hiền ở Thừa Thiên). Nguyễn Cư Trinh, tác giả truyện *Sãi vãi và Mạc Thiên Tích*, tác giả *Hà Tiên thập vịnh* (vịnh 10 cảnh ở Hà Tiên) là hai nhà văn Đàng Trong ở nửa đầu thế kỉ XVIII.

(5) Hoàng Sĩ Khải (thế kỉ XVI): người làng Lai Xá, huyện Lương Tài (Hà Bắc), đỗ tiến sĩ đời Mạc Phúc Hải. Ông làm nhiều thơ nôm, trong đó có bài *Tức thời khúc* (vịnh bốn mùa).

(6) Ở thế kỉ XVII có hai tập điển ca lịch sử *Thiên Nam minh giám* bằng song thất lục bát ở nửa đầu thế kỉ và *Thiên Nam ngữ lục* bằng lục bát ở nửa sau thế kỉ. *Thiên Nam ngữ lục* sẽ nói ở sau.

(7) Truyện thơ có từ thế kỉ XV như truyện thơ *Hương miết hành* (chiếc giày thom) bằng chữ Hán. Sau đó, thì có những truyện thơ quốc âm bằng thất ngôn Đường luật như truyện *Vương Tường* (tích Chiêu Quân cống Hồ), truyện *Tô Công phụng sứ* (tích ông Tô Vũ ở Trung Quốc), truyện *Lâm tuyền kì ngộ* (cũng gọi là *Bạch Viên Tôn Các*) nói cuộc tình duyên giữa nàng Viên Thị và chàng Tôn Các. Trong thế kỉ XVII, xuất hiện nhiều truyện thơ bằng lục bát, hầu hết là khuyết danh (một phần là vì sợ chúa Trịnh đàn áp nên tác giả không dám ghi tên); những truyện này một phần bị thất lạc, một phần không rõ thời điểm xuất hiện. Truyện thơ có tên tác giả còn lại hiện nay ở đầu thế kỉ XVIII, đó là truyện *Song Tinh Bất Dạ* của Nguyễn Hữu Hào (? — 1713), một nhà văn Đàng Trong. Truyện này kể lại cuộc tình duyên giữa chàng *Song Tinh*, tên tự là *Bất Dạ* với nàng *Nhụy Châu*.

(8) *Sơ kinh tân trang* (lược gương kiều mới) của Phạm Thái tác giả ở thế kỉ XVIII, *Đoạn trường tân thanh* (tức *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du, là những truyện sẽ nói ở lớp 11.

1. Tình hình phát triển văn thơ thời kì này so với thời kì trước như thế nào? Tìm hiểu nguyên nhân xã hội đã đưa đến tình hình phát triển đó.

2. Tại sao lại nói: Văn nôm phát triển chứng tỏ ý thức dân tộc ngày càng cao? Hiện tượng văn thơ đi sâu phản ánh nhiều mặt của cuộc sống, phân tích tình và cảnh một cách đậm đà có ý nghĩa như thế nào?

THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Bình Khiêm (1491 — 1585), người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay thuộc xã Lí Học, huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng). Ông lớn lên trong một gia đình nho sĩ bình dân. Từ nhỏ ông nổi tiếng học giỏi, nhưng gặp thời loạn lạc, mãi đến năm 45 tuổi mới đỗ đầu thi hương, năm sau đó lại đỗ đầu thi hội và thi đình (trạng nguyên) dưới triều Mạc Đăng Doanh. Làm quan 8 năm, nhân thấy triều đình đổ nát, nhiều người căn thù ông đứng sớ vạch tội và xin chém mười mấy người lòng thù. Không được vua nghe theo ông liền trả áo mũ, xin về vui thú điền viên. Ông về quê dạy học, dựng am Bạch Vân lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Ông đã coi nhẹ công danh mà tìm đời sống ẩn dật. Tuy nhiên, ông vẫn quan tâm đến cuộc đời, nên bề vua Mạc hay phe cánh Trịnh, Nguyễn có hỏi việc gì, ông đều mách bảo kín đáo (1), mục đích làm thế nào cho dân bớt được nạn chiến tranh chết chóc.

Học trò ông có nhiều người tài giỏi như Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ, Lương Hữu Khánh... Lúc mất, ông được vua Mạc truy phong tước Trình quốc công, nên người ta thường gọi ông là Trình Trình.

Ông còn để lại khoảng một nghìn bài thơ chữ Hán trong *Bạch Vân am tập* và khoảng trên một trăm bài thơ quốc âm trong *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*.

Trong thơ Nguyễn Bình Khiêm, nhất là trong thơ quốc âm có hai điểm nổi bật:

Trước hết thơ ông ca ngợi chí khí nhà nho và ca ngợi thủ nhân tẩn.

Ông thường nói ông làm thơ để tả cái chí (2). Cái chí của ông là cái chí sống một cuộc đời trong sạch, thanh thoát. Ông khinh thường danh lợi, khinh thường bọn đua chen nịnh hót, và ông cố ý lãng tránh không nhúng tay vào những việc phi nghĩa. Xã hội thời ông là xã hội loạn li, ông hi vọng thi đỗ, ra làm quan để giúp đời, cứu nước, nhưng ông đã thất vọng, nên phải tìm đến con đường ẩn dật, tìm đến thú nhân tẩn, cái thú « một mai, một cuộc, một căn câu »...

Am Bạch Vân, rồi nhân hứng

Dậm hồng trần, biếng ngại chen... (3)

Đương nhiên, đây cũng chưa phải là thái độ chống đối tích cực. Nhưng sống dưới nanh vuốt nhà Mạc, ông đã tỏ ra có nghĩa khí: « Một cây thông chót vót cao trăm thước, ngay thẳng không giống các cây khác... » (4)

Có điều, Nguyễn Bình Khiêm rút lui về quê nhà, không có nghĩa là quay lưng với thực tế, mà ông vẫn luôn luôn lo lắng đến vận mệnh nước nhà: « Mới hay nhân, bồng phải lo » và ông vẫn « ước một tôi hiền, chúa thánh minh ». Ông tích cực dạy học, đương nhiên cũng có phần cho khuấy khuấy nỗi lòng, nhưng mặt khác là để gây dựng nhân tài và hi vọng học trò mình sẽ thay mình ra giúp đời cứu nước (5). Chính vì vậy mà ông đã lấy văn chương mà phê phán những điều ngang trái của cuộc đời, đề vạch cho học trò một cái hướng ra giúp đời cứu nước.

Quả vậy, điểm thứ hai nổi bật trong thơ ông là tính chất tố cáo bộ mặt thối nát của xã hội nước ta ở thế kỉ XVI.

Ông sống lâu, đã chứng kiến nhiều cuộc xâu xé trong nội bộ giai cấp phong kiến, gây tang tóc cho nhân dân, nên ông rất chán ghét cảnh chiến tranh phi nghĩa đó: « Buồn làm biếng thấy cái đao binh... ». Nhân loạn li, bọn tham quan ô lại đã thừa cơ đục khoét nhân dân, làm cho nhân dân kiệt bao khốn

khô. Cũng như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm đã chú trọng đến dân, cho rằng phải «lấy dân làm gốc». Ông phản đối cảnh «cá lớn nuốt cá bé», coi bọn quấy nhiễu dân như những con chuột lớn «gặm khoét thật thâm độc». Ông miệt thị bọn chạy theo tiền tài, danh vị, coi chúng như loài ruồi bắt hơi tanh, như loài kiến bắt hơi mỡ.

Để diễn đạt những ý nghĩ sâu kín đó, Nguyễn Bình Khiêm đã sử dụng một lối thơ quốc âm có tính chất triết lý. Lời thơ có khi khô khan nhưng có ưu điểm là bình dị và mang màu sắc của tục ngữ dân gian. Tuy nhiên, không phải là ông không có những câu thơ thật thâm thúy. Thí dụ như khi nói đến giá trị đồng tiền và phê phán tư tưởng chạy theo đồng tiền, ông đã kết luận một câu thật là mỉa mai:

Người của lấy cân ta thử nhắc.

Mới hay rằng của nặng hơn người!

Bạch Vân cư sĩ quả là một nhà triết lý sâu sắc và đồng thời là một nhà thơ có tâm hồn cao cả.

Chú thích:

(1) Tương truyền ông hay làm ra những câu sấm để đoán trước cuộc đời. Thí dụ như khi nhà Mạc sắp mất, có hỏi ông thì ông nói: «Cao Bằng tuy tiểu, khả dung sở thế» (Cao Bằng tuy nhỏ, có thể ở được vài đời nữa).

(2) Ông có nói rõ ý đó trong bài tựa của *Bạch Vân am tập*.

(3) Rồi: nhân rồi, tiếng cò, có thể dùng một mình. Hồng trần (chữ Hán): bụi hồng, chỉ cuộc đời.

(4) Dịch từ chữ Hán.

(5) Ý của ông sau được các học trò giỏi như Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh... thực hiện.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cuộc đời của Nguyễn Bình Khiêm đem lại cho em những suy nghĩ gì về thời đại ông và bản thân ông?

2. Thơ Nguyễn Bình Khiêm có đặc điểm gì về nội dung và hình thức?

THÔI ĐỜI (1)

Vụng khéo nào ai chả có nghề
Khó khăn phải lụy đến thê nhi (2)
Được thời, thân thích (3) chen chân đến,
Thất thế, hương lư (4) ngoảnh mặt đi!
Thớt có tanh tao, ruồi đồ đến,
Gang không mặt mỡ, kiến bò chi!
Đời nay những trọng người nhiều của,
Bằng đến tay không ai kể vì (5)!

Thế gian biến cải vũng nên đời (6).

Mặn nhạt, chua cay, lẫn ngọt bùi.

Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử (7)

Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.

Xưa, nay đều trọng người chân thực (8).

Ai nấy nào ưa kẻ dãi bôi (9)

Ở thế mới hay người bạc ác (10).

Giàu thì tìm đến, khó thì lui (11).

Chú thích:

(1) Trích từ *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*. Thơ Nguyễn Bình Khiêm không có đề, đề ở đây do người soạn sách đặt ra.

(2) Thê nhi (chữ Hán): vợ con.

(3) Thân thích (chữ Hán): bà con bên nội bên ngoại.

(4) Hương lư (chữ Hán): hương: làng, lư: cổng làng. Đây chỉ người cùng làng với mình.

(5) Vì (tiếng cò): nay dùng trong tiếng vì nê, yêu vì. Câu này ý nói: nhờ bằng đến tay không, thì chẳng ai nê vì, chẳng ai chú ý.

(6) Thế gian biến cải: mặt đất thay đổi... Câu này rút ý từ một câu sách cổ: biển xanh hóa làm ruộng dâu (thương hải biến vi tang điền, ý nói cuộc đời thay đổi, cao thành thấp, thấp thành cao).

(7) Đệ tử (chữ Hán): học trò, cũng có khi chữ này dùng theo nghĩa rộng là một người trẻ tuổi theo hầu hạ một người khác hoặc một người theo cầu cúng ở một ngôi đền nào đó. (Chú ý không lầm với chữ tử đệ là con em).

(8) Chân thực: thẳng thắn, thật thà.

(9) *Đãi bôi*: hoặc cũng có nơi nói là *đãi buổi*: đối xử có tính cách vượt vẻ bề ngoài, để được lòng kẻ khác.

(10) *Bạc ác* (chữ Hán): *bạc*: mỏng, đây nói mỏng đức độ, không có lòng tốt; *ác*: trái với thiện, nghĩa là chỉ gây những điều không hay cho kẻ khác.

(11) Câu này rút từ một câu nói xưa: nghèo thì dù ở thành thị cũng không ai hỏi đến, giàu thì dù ở rừng núi cũng có người tìm đến. (*Bần cư thành thị vô nhân vấn, phú tại sơn lâm hữu khách tầm*).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hai bài thơ đã phản ánh tình trạng xã hội phong kiến thời kì Nguyễn Bình Khiêm như thế nào? (phân tích qua một số hình ảnh, từ ngữ trong hai bài).

2. Em có nhận xét gì về hình thức nghệ thuật của bài thơ? (cách dùng ngôn ngữ, hình ảnh, lối đối ý, đối thanh, màu sắc dân gian trong các câu thơ có ý nghĩa triết lí).

PHẦN THỨ TƯ

VĂN THƠ HIỆN ĐẠI

(Chủ đề về cách mạng và kháng chiến chống Pháp)

CÒN SỐNG CÒN LÀM VIỆC

Khi tôi đến xà lim án chém khám lớn Sài Gòn, xà lim đã có ba người thường phạm cũng án xử tử. Thanh. Rõ bị án lưu ngoài Côn Đảo, sau giết người bị lên án xử tử. Một Dậm thì can tội giết người ở Gia Định.

Tôi vào, họ biết tôi là tù chính trị. Ngay từ phút đầu đã cảm tình với tôi. Họ bảo tôi: « Ngày trước ông Nhỏ ở đây. Còn quyền *Kiều* của ông Nhỏ đó ». Trong xà lim án chém, tù thường và cả ma tà, gác-diềng (1) đều kính phục gọi Lí Tự Trọng là ông Nhỏ.

Anh Trọng đã ở đây ư? Góc xà lim có mấy tờ sách in khổ nhỏ, đã ngả màu vàng: mấy trang *Kiều* của Nguyễn Du mà anh Trọng để lại. Nhà thơ lớn của dân tộc theo con người cộng sản vào tận xà lim án chém, đến tận giờ lên máy chém. Anh Trọng đi, còn quyền *Kiều* đã rách trong xà lim án chém và tên ông Nhỏ trong lòng mấy người tù thường bị tội tử hình.

Tôi xếp mấy trang *Kiều* lại, thương nhớ anh Trọng không đề đầu cho hết.

Hôm chúng đem anh Trọng đi hành hình, tôi còn dưới khám Mĩ Tho. Trước hôm ấy, cả khám chúng tôi đấu tranh bỏ ăn phản đối.

Tôi bị bắt ở Mĩ Tho, về cái « tội biểu tình có giết người, đốt phá và quấy rối trị an ». Cuộc biểu tình ấy là cuộc biểu

tháng 1-5 đầu tiên ban ngày ở Mỹ Tho năm 1931. Lần ấy, quân chúng bắt và xử bắn một tên hương quản rất gian ác.

Để quốc giải tôi đi đủ các khám. Sau tòa đại hình đặc biệt xử tôi tử hình, giải tôi về xà lim án chém. Năm ấy, tôi hai mươi tuổi...

Xà lim án chém là một gian buồng hẹp, chiều ngang độ ba thước, chiều dài năm, sáu thước. Ba bức tường kín và một tấm cửa sắt đóng bịt bùng. Trên mặt phía tường có « cửa sổ » : một miếng sắt đục lỗ li ti không đủ lọt điều thuốc lá. Xà lim tối như bưng, suốt ngày thắp một ngọn đèn đỏ đồng đọc. Lại nóng vô chừng : phải ở trần trụi mới chịu được. Năm ngày xuống sàn xi măng, một chân dút vào cái cùm dài suốt chiều dài xà lim. Vài ba tháng, bọn ma tà mở cùm cho đổi chân một lần. Mỗi lần đổi chân thì chúng phải đóng kín tất cả các khám khác, tập trung lính tráng, ma tà, gác-diềng rầm rập đến y như là tập trận rồi mới dám vào mở khóa còng.

Trong xà lim, không có một tí gì bằng kim khí. Bát gạo dừa, thùng gỗ dài bằng mây. Chỉ có cái bồ iá dài là bằng tôn.

Những tù thường phạm bị án tử hình cho mình đảng nào cũng chết, tuyệt vọng rồi, cho nên tinh thần hung hãn đặc biệt. Động nói là chửi, tục tằn, lỗ mãng, rất hay gây gổ, làm cho ma tà mất vía. Gác-diềng phần đông là Tây Cooc (2) cũng kiềng mặt họ. Tôi nghe Thanh, Rồ, Dậm chửi bọn này ra rả... Cứ mở cửa xà lim đưa cơm nước vào là y rằng bị chửi. Có tên gác-diềng bị cả một bồ cứt lên đầu, chụp đến tận cổ. Cứt dái bẻ bết trên người mà cứ phải chịu đi. Nghe nói có lần, một cố đạo người Pháp đến hỏi họ : « Các con có muốn gì không, cha giúp ? ». Trong cuối xà lim, một người ngồi đây, lễ phép : « Mời cha vào, con xin thưa ạ ». Cha vào. Thế là họ túm chặt lấy, reo lên : « Vào đây, vào đây cha, ở đây cho vui... » và nắm râu giật liên hồi.

Tôi thấy như vậy không tốt. Bọn ma tà, gác-diềng nói với nhau : « Chấp gì bọn tù tử hình, lũ chó đại ». Tôi nghĩ có lẽ

chúng cho người cộng sản bị xử tử cũng vậy cả nên tôi nói với Thanh, Rồ, Dậm :

— Người ta sống là để làm việc tốt. Làm việc tốt, tiếng đồn về sau. Ta vào đến đây, chờ lên gươm máy mà vẫn giữ được phẩm giá cũng là để tiếng tốt về sau... Gươm máy kê ở phòng gần đây. Nhưng ta vẫn phải sống cho đúng, cho đảng hoàng, cho ra con người. Như thế, bọn Tây mới phục và kính nể. Chúng mới thấy luật pháp của chúng có án xử tử cũng không đạt ý muốn của chúng.

Ba người lặng im nghe, tôi liền nói thẳng : « Trong cách sống, chúng tôi khác các anh. Chúng tôi làm cách mạng. Tôi đi đã lắm khám, gặp thường phạm đã nhiều, thấy thường phạm thường theo tù chính trị... Dân thế nào con người vẫn là con người. Con người mình đừng để bọn thực dân nó khinh. Mình chết, nó cũng không khinh được... ».

Ba người bảo : « Chúng tôi hiểu. Chúng tôi cũng biết giết người là xấu. Nhưng chúng tôi bị vào thế bí ».

Tôi phân tích « thế bí » của họ, mọi tội lỗi của xã hội chung quy là do chế độ thực dân Pháp. Mình muốn không khổ, không tội lỗi nữa thì cần lật đổ chế độ ấy, lập xã hội mới, xã hội cộng sản. Đánh chửi bọn gác này có nghĩa lí gì. Phải đánh vào cái « rễ » ấy, tức là sự người bóc lột người, người áp bức người.

Sau dần, tôi « tổ chức » xà lim. Tôi bảo : « Giao thiệp với bọn gác mà cứ mỗi người một phách thì lung tung lắm. Ta nên cử một người thay mặt chung đứng ra giao thiệp ». Thanh, Rồ, Dậm bằng lòng và đồng thanh cử tôi. Từ đấy, xà lim có trật tự, nề nếp. Sáng đến, người « nấu bếp » của chúng tôi, cũng là tù nhưng không án chém, tôi hỏi ăn gì thì tôi đặt món. Không như trước đây, các tay Thanh, Rồ, Dậm rất là thét lác (3) : « Nghe đây, ra chợ Bến Thành mà mua xà lách cho tươi ». « Nghe đây, mua con gà thiến thật béo, còn sống, đem về đây cho trông thấy còn kêu quang quác mới được giết, biết không ? ».

Bọn Pháp cho tù xử tử ăn sang. Theo chúng, cho ăn sừng rồi chết. Cho nên bữa nào cũng có chân giò, sườn rạm, gà

quay hay cơm tây. Muốn gì, bảo một tiếng là có. Cơm cháy đem chiên mỡ thật giòn mới đưa ăn. Đúng như bên ngoài đồng chí mình nói, vào xà lim ăn chém là « đi ăn cơm cháy chiên mỡ bằng muổng dừa ».

Ở gần xà lim ăn chém có khám phụ nữ giam lẫn tù chính trị với tù thường. Ngồi ở cửa xà lim, chúng tôi trông thấy chị em. Nhiều chị còn mang theo con bé. Các cháu lon ton chạy chơi trong sân lao, gầy còm, lem luốc, nom tội lỗi. Tôi bàn với anh em mỗi bữa dành một phần cho các cháu. Từ đấy, bữa nào cũng có một suất khá hậu cho trẻ con bên khám phụ nữ. Quen lệ, hôm nào cơm muộn, các cháu lại đứng xa xa ngó nhìn chúng tôi, ra ý đợi.

Bọn ma tà, gác-diêng thấy đỡ bị chửi, bị đánh, đã mon men đến cửa xà lim. Biết được như thế là nhờ có tù chính trị, chúng lân la nói chuyện với tôi. Tôi cũng hỏi xem Sài Gòn phổ xá ra sao, dân chúng thế nào cho đỡ buồn.

Một gác-diêng tên là Alêchdăng, nhận là đảng viên đảng xã hội hay đến nói chuyện với tôi. Một lần, hắn có vẻ suy nghĩ lắm, hỏi tôi: « Có điều tôi rất lạ, không hiểu được. Những người cộng sản sao lúc nào cũng vui, dù họ chờ chết. Khi họ ở ngoài thì đấu tranh rất dữ, khi vào tù thì ngó bộ đứng đắn... ».

Lúc nào người cộng sản cũng đứng đắn. Ở ngoài hay ở xà lim ăn chém cũng thế thôi. Các anh lấy làm lạ vì các anh làm tưởng chế độ xử tử làm chúng tôi mất lí trí, sợ hãi hòa rồ dại. Nhưng người cộng sản biết đường đi và mục đích của mình nên lúc nào cũng sáng suốt. Chế độ xử tử đem cái cuồng dại, hung hãn cho người không có mục đích sống, không có lí tưởng chính trị, không có tương lai. Còn chúng tôi, chúng tôi nhận rõ tương lai chúng tôi lắm. Tuy bị xử tử nhưng tương lai chúng tôi là: chắc chắn các anh không còn, mà chúng tôi thì độc lập, chủ nghĩa cộng sản thực hiện ở đất nước chúng tôi. Chúng tôi biết rằng làm cách mạng chống chế độ các anh là không tránh khỏi tù hoặc chết. Giữa chúng ta phải một mất một còn. Vì thế, bị vào đây, tôi không lạ.

Bọn ma tà, gác-diêng nói với nhau: « Cộng sản chết tới bên vẫn đứng đắn. Họ không phải đòi hỏi cái tẹt nhẹp. Họ có cái lớn của họ ». Alêchdăng sau ra làm gác-diêng ở Côn Đảo lại gặp tôi. Hắn ta không đánh một ai nữa, hề radiô có tin gì còn báo cho tôi biết.

Có hôm, tôi nói chơi với tụi nó: « Chế độ xử tử của các anh tàn bạo, khủng khiếp quá... Khủng khiếp cho cả các anh, vì các anh đặt ra nó mà không điều khiển nổi nó. Các anh bị thương phạm chửi đánh. Nhưng xử tử đối với người cộng sản không có tác dụng gì hết. Chúng tôi cải tạo cả « chế độ khủng khiếp ấy » cho các anh. Các anh phải cảm ơn chúng tôi nhiều lắm ».

Chúng tôi gỡ sĩ diện: « Ô, bọn thường phạm, lũ chó điên, nhá gì ». Ai ngờ trong xà lim có người, không nhớ là Thanh hay Rô, hiểu tiếng Tây bời, bèn ngồi phất dậy:

— A... bảo ai « siêng ăng ra dê » (chó điên)... Mẹ nó chứ. Dê cho nó một bô.

Tôi vội can ngay. Còn tên gác-diêng cũng vội vàng chuồn thẳng... Nom nó khiếp ra mặt.

Trong xà lim, chúng tôi làm bài xi, làm xúc xắc đánh chơi. Bài bằng giấy cũ bôi lại rồi vẽ. Xúc xắc thì lấy ruột bánh mì nặn thật nhẵn. Hút thuốc lá đi vào tường cho hắc ín chảy ra để chấm số đen, chữ số đỏ thì lấy vỏ bao thuốc lá xoe tròn, khảm vào. Cơm xong lại chuyện. Chuyện xong lại bài cào, các tề, cờ tướng. Được, thua mất « tiền » cẩn thận. « Tiền » là cơm. Người thua bị người được bắt ăn thật nhiều, thật no.

Trong khám lớn có thư viện để bọn Tây đọc. Tôi mượn sách về xem rồi kể cho Thanh, Rô, Dâm nghe. Họ thích lắm. Ví dụ như truyện « Những người khốn khổ » của Huygô *, « Ba người ngư lâm pháo thủ », v.v...(4).

Rồi tôi nghĩ đến dạy chữ cho anh em. Nghe tôi hỏi: « Có muốn học chữ không? », họ ồm lên:

— Trời, sắp xuống lỗ còn học chi!.. Cha, vào khám xử tử, gỏi đầu lên grom máy còn ngồi mà học. Thôi!

* Victor Hugo.

— Các anh nghĩ thế không được. Nếu cho cái người mình là bỏ đi rồi thì mới lười. Nếu cho mình còn có ích cho xã hội được thì ngày giờ nào còn sống, còn làm việc. Học cũng là làm việc. Ở đây, học để đọc sách cho vui, lại hiểu thêm nhiều điều hay. Nếu chết cũng không thiệt. Mà nếu không chết lại có lợi.

Rồi tôi nhờ mua cho thật nhiều sách tuồng cải lương, hát bộ có in ảnh cần thân cho họ xem. Người Nam Bộ ai mà không thích cải lương! Họ chỉ xem được ảnh còn không hiểu tích. Tôi đọc lên. Họ nằm cạnh, ngóc đầu nghe. Chốc tôi lại: «Chỗ này nó tầu mã, các anh tầu mã tôi nghe». Cả ba người tầu mã ran lên...

Sinh mê, ba người bèn đòi học chữ. Tôi dạy cho mỗi ngày một ít. Độ ba tháng đánh vần, đọc được võ vẽ càng say. Sáng chưa mở mắt đã: «Anh Hùng, học chữ!». Ít lâu thì đọc thông thạo, mỗi tay một cuốn sách, nằm đọc. Nếu không có cùm thì tưởng xà lim là buồng của học trò nghèo mất.

Biết chữ, chúng tôi đông tuồng. Sẵn vở đây, chia nhau học rồi diễn. Lật úp bỏ dựng cút lại làm trống châu gõ nhịp. Hát theo vai, theo vở. 1 a 1 a, giọng kim, giọng thổ, trầm, thanh đủ cả, cứ um lên rất vui. Đang đêm, bọn gác không hiểu là cái gì, chạy xô đến, ngạc nhiên thấy chúng tôi chân trong cùm, trần như nhộng, đang vuốt râu (tuồng tuồng) mà hát. Tôi bảo chúng: «Đi đi, không xảy cái gì đâu. Nhà tù các anh buồn lắm, chúng tôi diễn tuồng chơi đây».

* * *

Theo thường lệ thì án tử hình cứ đến tháng thứ sáu, thứ bảy là rõ kết quả. Hoặc y án: lên máy chém. Hoặc phá án: không lên máy chém, án tử hình hạ xuống chung thân khổ sai.

Tôi nằm đã đến tháng thứ bảy. Một Dạm bị rồi. Trước khi chém, bọn Tây lôi anh đến giam ở nơi khác. Một buổi sáng, còn mờ mờ đất, có tiếng người qua cửa. Rồi Dạm hỏi: «Anh Hùng ơi, chúng nó đem chém tôi đây. Các anh ở lại mạnh khỏe». Trước đây ít lâu, Dạm rất bồn chồn, không ăn được. Tôi, thừ ra không nói, không đọc sách, chỉ nằm nhìn trần nhà.

rồi cuốn một điều thuốc to bằng ngón tay cái, hút xong, nhổ liệ lên tường. Cuồng thuốc lá dính trên tường đã thành một hàng dài khô đét, chúng mới giải anh đi.

Còn tôi và hai đồng chí đảng viên cùng đến đây với tôi: Ó và Cần, vẫn chưa thấy đã động gì đến hết. Nhưng kinh nghiệm là nếu có phá án thì đã biết từ tháng thứ sáu kia rồi. Ngâm đến tháng thứ bảy thế này, chắc chắn là chém. Chúng tôi bèn bàn nhau chuẩn bị sao cho khi chết vẫn chủ động. Biết lúc rá máy chém thế nào bọn Pháp cũng hỏi: «Muốn gì?». Chúng tôi định trước: «Đề tự chúng tôi xếp đặt lấy trật tự lên máy chém, không cần các anh». Bớ trí đồng chí Cần lên trước, đến đồng chí Ó, rồi tôi cuối cùng. Các đồng chí Cần và Ó bảo tôi: «Lên cuối cùng phải chính mắt nhìn những người bị chém trước, anh bằng chết mấy lần đấy».

Nhưng chúng lại giải tôi đến tòa án để dự vụ án chung mà bọn Pháp gọi là «Vụ án Đảng Cộng sản Đông Dương» xử tử các đồng chí Trung ương đến Xứ ủy, Tỉnh ủy. Lúc ấy là đầu tháng 5-1933, cách mạng đang thoái trào. Ở tòa án, tôi gặp lại các đồng chí Ngô Gia Tự, Lê Văn Lương.

PHẠM HÙNG kể
(Trích hồi kí Nhân dân ta rất anh hùng)

Chú thích:

- (1) Ma tà, gác-điêng: lính canh sát và lính coi giữ nhà lao.
- (2) Tây Cooc: người Pháp ở đảo Cooc, một hòn đảo ở phía nam nước Pháp.
- (3) Thét lác: to tiếng đe dọa nạt người khác phải làm theo ý kiến mình.
- (4) Huygô: nhà văn lãng mạn tiến bộ Pháp thế kỉ XIX. «Ba người ngự lâm pháo thủ»: tác phẩm của Aléchédăng Dumas*, nhà văn cùng thời với Huygô.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu chủ đề của đoạn hồi kí.
2. Hình ảnh anh Lí Tự Trọng và quyền Kiêu ở đây, có ý nghĩa gì?
3. Những việc làm của nhân vật «tôi» (tác giả) ở trong câu chuyện này đã thể hiện những phẩm chất cao quý gì của người chiến sĩ cộng

* Alexandre Dumas.

lân? Những việc làm ấy đã có tác dụng cảm hóa những người khác như thế nào?

4. Đọc xong đoạn hồi kí này, em có suy nghĩ gì về lẽ sống của người cách mạng?

ĐỌC THÊM

NGỤC KONTUM (1)

(Trích một vài đoạn)

của LÊ VĂN HIẾN

1. CẢNH SỐNG CỦA NHÀ PHẬT

A — Công việc làm và giờ nghỉ.

Lính khi cុ xong, một người lính dẫn bốn người nhà phật (2) sắp hàng hai mà đi ra sở làm. Khi sở làm ở gần thì còn đi chậm chậm, khi nào sở làm ở xa, cách lao chừng 3, 4 cây số thì phải chạy cho khỏi mất thì giờ. Vừa đến sở là bắt đầu làm việc ngay. Người quắc, kẻ khiêng, người đào cây, kẻ bắn đá, công việc làm không hờ tay. Ngoài ra chăm chân một nhất là bị năm bảy heo (3) đánh vào, hờ tay một chút là bị dõ ba báng súng vào hông, vào sườn, vào đầu, vào mặt. Nhiều khi muốn tiêu khiển, 2, 3 người lính theo lệnh ông Cai, cầm heo mây đi từ đầu này đến đầu kia, gặp ai đánh nấy, không sót một người: đánh như thế để cho người này nhàn mặt, người kia nhũn mày, người lay, kẻ van... Bọn lính lấy thế làm vui mắt. Cách chơi ấy, ngày nào, buổi nào cũng có; nhà phật thường gọi là «phát thưởng chung!».

Công việc làm khó nhọc nhất là khiêng cây và bắn đá. Vào trong rừng xa, đốn cây thật lớn, đáng lẽ phải mười người khiêng mới đủ sức, thì chỉ giao cho năm sáu người. Đường núi khúc khuỷu, gai góc, lên dốc, xuống dốc thật là khó khăn, nguy hiểm, thế mà đi chậm một chút là bị báng súng hoặc mũi súng ở sau thúc tới, nhiều người yếu sức chịu không nổi phải té sấp, bị cây đè lên mình giập xương, trầy da, đi không được nữa, phải cõng về nhà bệnh.

Bắn đá thì từ sáng đến trưa tay cầm xà beng (barre à mine) người lính ngồi một bên, thấy hờ tay là đánh, thành thử có người chỉ trong một buổi mà da tay đều bị lột đau đớn vô cùng. Người chép chuyện này còn nhớ một anh em vì làm nhiều đến nỗi da tay bị bong lột, đau đớn quá, không cầm nổi cái xà beng, vì thế mà bị tên đội Kiap lấy xà beng nhắm ngay vào đầu ném một cái rất mạnh, may người kia né khỏi, chỉ xoảng một chút mà cũng gần vỡ đầu nằm bệnh hàng tháng. (Anh này tên là Trần Chương, số hiệu 292, quê ở Nha Trang, sau này đã được tha về).

Như trên kia đã nói, công việc làm thì không khó nhưng chỉ bắt làm việc quá sức và đánh đập quá tàn nhẫn, cho nên sức người không chịu nổi. Buổi sáng từ 5 giờ rưỡi đến 11 giờ, chiều từ 1 giờ đến 5 giờ, mỗi ngày làm việc đến 10 giờ, không kể khi đi và khi về; và chẳng khi đi và khi về cũng mệt nhọc lắm; nhà phật phải chạy từ lao đến chỗ làm, có khi trên 3, 4 cây số.

Buổi trưa, vì đường xa nên không về lao, phải nghỉ tại chỗ làm. Buổi nghỉ trưa này cũng không dễ chịu gì mấy. Giữa rừng, bốn bề cây cối um tùm, vả lại lính phải chia nhau đi ăn uống, không ai coi ngó nhà phật, sợ nhà phật trốn, nên «các quan» phải phòng bị. Cách phòng bị này đơn giản lắm, nghĩa là sau khi làm việc xong, cứ hai người một, đưa cánh tay ra cho lính trói lại. Trói xong, nhà phật mới được ngồi lại ăn, uống và nghỉ. Cái kiểu hai người trói lại một khó chịu làm sao? Khi ngồi ăn uống còn dễ, người này cử động gì, người kia cũng phải cử động theo, lúc ngồi cùng ngồi, đứng cùng đứng. Khốn nạn nhất là khi có việc cần, như đi tiểu, đi tiêu, ví dụ một người ngồi, người kia cũng phải ngồi theo một bên, người có việc khó chịu đã đánh, người ngồi theo phải hưởng cái mùi không lấy gì làm thích thú lắm!

Cả buổi trưa ngồi giữa đường, chung quanh có lính bao vây, nắng như mưa, mưa như nắng, phần nhiều đưa đầu trần mà chịu. Lúc đầu mới lên, mỗi người còn có một cái nón,

nau bao nhiêu nón đều bị lính đánh đập xé nát, ném xuống hồ, chỉ phải đầu trần mà chịu trong 6 tháng, nhiều người phải lấy quần áo cũ may thành mũ bê rê (4), lót dây bầy năm lớp, để che nắng và đỡ ngọn hèo.

Nghỉ trưa xong, mở dây trói, thì kíp nào theo kíp ấy ra làm việc. Buổi chiều cũng như buổi sáng, công việc làm không hở tay. Một nhọc nhất là lúc gần trở về, tay chân ai nấy đều đã mỏi mệt mà bọn lính lại còn thúc giục đánh đập thêm hăng, đánh đập thúc giục như thế để cho vui lòng « ông quan » (5), vì lúc này là lúc « ông quan » thường hay ra xem xét công việc làm của nhà phạt.

Làm việc cả ngày, tối về phải đưa cẳng vào cùm, bảy giờ mới yên trí mà nghỉ ngơi một chút...

Mà nào nghỉ cũng có yên ổn gì đâu! Có lệnh bắt buộc nhà phạt ban đêm phải nằm, không ai được ngồi. Mỗi khi có việc cần như đi tiêu, đi tiểu, thì phải hô to một tiếng « ỉa », hoặc « đái » cho lính nghe rồi mới được ngồi dậy. Ai vô ý ngồi mà không hô một tiếng trên kia, thì bị lính xách nệm cùm vào đánh cũng đến bứt mang!

Vì thế mà mỗi đêm, trong mấy trăm người, cứ thay phiên nhau đầu này « ỉa », « đái », đầu kia « đái », « ỉa » mà văng tai phứt óc. Người mới đến không tài nào ngủ được. Nhưng nhà phạt ở lâu ngày quen tai, và lại ban ngày làm việc đã mệt nhọc vất vả lắm, cho nên tối về miễn đặt lưng xuống chiếu là thiêm thiếp...

B. — Ăn cơm trâu

Bị đánh đập tàn nhẫn, công việc làm quá sức, nên ăn uống mà có người trông nom coi sóc, cho được chu tất, thì nhà phạt cũng còn phương sống. Nhưng đằng này cơm ăn không đủ no, đồ ăn toàn là xác mẫm, thỉnh thoảng mới được năm ba canh rau muống, một miếng dưa, cà, gọi là chất rau. Mười ngày được một bữa thịt trâu hoặc thịt bò. Mà có gì đáng gọi là thịt đâu, mổ một con bò ra, bao nhiêu miếng ngon thì dành để cho các « quan » và lính, còn nhà phạt thì được một ít bạc nhạc (6)

phân và xương. Lâu lâu được một bữa « canh cao su » thật đã lấy làm may mắn lắm!

Từ Kontum lên Dakpao đường xa hơn 100 cây số, sự chuyên chở bằng xe bò rất chậm chạp và bất tiện. Và lại không ai để ý đến việc còm trước cho nhà phạt, giao cho bọn lãnh thầu, tha hồ chòng bóc lột, gạo còm lộn trâu, mẫm lộn giò, tẻ hai không còn chỗ nói. Bọn lãnh thầu vẫn biết rằng nhà phạt không có phép kêu nài gì, chúng muốn cho ăn gì thì cho, người nào dám cãi gan « mở miệng » phản nản này nọ, thì bị tặng cho là « cồng đầu » rồi tha hồ bị hành phạt!

Viết đến đây, tôi nhớ lại, khi mới lên Kontum, ăn cơm lần thứ nhất, thấy trong xác mẫm có giò rất nhiều, lợm mình không ăn được, ra công lượm cho sạch giò rồi mới ăn. Nhưng mất công nhiều mà giò lượm cũng không thấy hết, bất đắc dĩ phải đánh bạo ăn càn. Ăn xong, xem trong mình không thấy gì thay đổi, từ đấy về sau cứ mạnh bạo ăn như tất cả mọi người không còn chút gì ghê tởm!

« Phải lúc mình trần truồng trụi, mưa không tới, nắng không nồm, cảnh phong trần đến thế nghĩ mà ghê! »

Buồn khi tay trói, chân cùm, cơm pha trâu, mẫm pha giò, cơm để quốc đãi mình xem đã riết... »

Đó là hai câu văn tả cảnh cùng cực của anh em chính trị phạm ở Dakpao.

Những người đau nằm ở nhà, thì chỉ được ăn cháo, hoặc uống nước hồ, người nào ăn các thứ đó thì mới được xem là người thật bệnh, nếu đòi ăn cơm thì bị cho là « giả đau, làm biếng », ăn một trận hèo, rồi kéo ra làm việc.

Chú thích:

1. Ngục Kontum viết xong ngày 14 tháng 11 năm 1937 và xuất bản năm 1938. Tác phẩm, gồm 9 chương, là một tập phóng sự có tính chất miêu tả về sinh hoạt của tù chính trị bị đày lên Kontum năm 1931 và về chính sách cai trị tàn bạo của bọn đế quốc. 295 tù chính trị bị bắt trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh cuối năm 1930 bị đày lên

Kontum. Bọn đế quốc đã bắt họ làm con đường số 14 từ Buôn Ma Thuột qua Kontum đến địa đầu Quảng Nam. Chúng đã đánh đập, hành hạ họ rất dã man. Anh em tù chính trị đã anh dũng đấu tranh, biểu tình, tuyệt thực, kiên quyết phản đối, làm cho bọn đế quốc có lúc cũng phải nhân nhượng.

Ngục Kontum là một tài liệu đấu tranh gửi cho Mặt trận dân chủ ở Pháp và Chính phủ Pháp đòi « đại xá chính trị phạm, nới rộng chế độ lao tù ở Đông Dương, ban bố các quyền tự do dân chủ ». Quyền này đã được ông Đặng Thái Mai trích dịch ra tiếng Pháp và đăng trên tờ *Lao động*, một tờ báo viết bằng tiếng Pháp của Đảng hồi đó.

Ngày nay, đọc tác phẩm *Ngục Kontum* chúng ta càng thấy rõ hơn bộ mặt dã man, tàn bạo của bọn đế quốc xâm lược và càng thêm cảm phục dũng khí đấu tranh của những chiến sĩ cách mạng không bao giờ lùi bước trước gian nguy. 2. *Nhà phạt*: chỉ những người bị tù. 3. *Hèo*: cái gậy. 4. *Bê-rê*: phiên âm tiếng Pháp, mũ nồi. 5. *Quan*: chỉ bọn Pháp và tay sai ở cấp trên, tác giả dùng tiếng « quan » trong ngoặc kép. 6. *Bạc nhac*: loại thịt dai, không ngon.

2. CUỘC ĐẤU TRANH LƯU HUYẾT

NGÀY 12-12-1931

... « Không đi Dakpek! Không đi Dakpek! »

Anh em đồng thanh la hét nhất định không đi Dakpek. Tiếng tung hô khẩu hiệu, tiếng vỗ tay làm náo động một góc trời. Cửa lao gài rất kiên cố, nhà phạt vây nhau đứng giữ quyết không cho lính vào cưỡng bách một người nào.

Viên đội Moulec (1) thấy nhà phạt đã nổi loạn, nên không dám vào lao, đứng ngoài cửa mà hỏi:

— Chúng bay muốn gì?

— Chúng tôi nhất định không đi Dakpek. Nhà phạt trả lời.

— Vì sao chúng bay không đi?

— Lần trước bị hành hạ một cách rất tàn ác, anh em chúng tôi chết hết hai phần ba. Bây giờ bắt chúng tôi đi nữa cho chết hết hay sao?

— Nếu chúng bay không đi, chúng bay cũng sẽ chết.... Moulec nói.

— Phải, chúng tôi không đi cũng chết, nhưng thà chết ở đây còn khỏe thân hơn lên Dakpek, bị trăm điều khổ sở rồi mới chết.

Những câu trả lời đó là do anh Nguyễn Lung, số hiệu 299 (quê ở Hà Tĩnh), nói ra một cách rất cương quyết. Lung một mặt trả lời cho Moulec, một mặt hô to các khẩu hiệu để cổ vũ khuyến khích anh em quyết tâm phấn đấu cho đến cùng. Thấy Lung hăng hái và cả quyết như thế, Moulec rất đề ý, và lại thấy tất cả nhà phạt đều một mực phản đối như Lung nên Moulec buộc lòng phải ra về, báo tin cho công sứ (2) và giám binh (3).

Một hồi sau, công sứ, giám binh, các viên quan Một ở các đồn và lính tráng rầm rộ kéo đến. Lính thì súng đạn chỉnh tề, bỏ vây chung quanh nhà lao, và chia súng vào nhà phạt mà chờ lệnh. Còn công sứ, giám binh, đội Moulec, và các viên quan Một, trên tay mỗi người đều có súng sáu, thái độ người nào cũng hung hăng, dữ tợn.

Trong nhà lao thì nhà phạt hô to khẩu hiệu: « Phản đối đi Dakpek, phản đối đi Dakpek! », rồi tất cả đều kêu nhau xếp hàng đứng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái không sợ chết chút nào. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, người Quảng Ngãi đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh, oai nghiêm và hết sức quả quyết.

Theo lệnh công sứ, Moulec tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi:

— Thằng 299 ở đâu? (Où est-il 299?).

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phạt đều la lớn:

— Không có, không có, không có ai hết.

Nhưng lúc ấy, Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Moulec kêu Lung, thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Moulec, bằng tiếng Pháp:

— Le voici (4) (nó ở đây)!

Moulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nẩy một phát vừa nói:

— Le voilà (nó đó)!

Tiếng súng sáu vừa ra, Trọng liền ngã xuống.

Điều nên chú ý là số hiệu của Trọng là 303 mà số hiệu Lung 299. Khi Moulec hỏi 299 là cổ kều Lung ra để bắn, vì cho Lung là chủ trì cuộc phản đối, nhưng Trọng tự xưng mình ra để chết thay cho bạn. Trọng bình thường là người ôn hòa, thuần hậu, không hay nói, nhiều người đã cho Trọng như «con gái nhà lành».

Trọng đối với anh em hay có tính vĩ nề, nên trong công việc thường không được cương quyết lắm. Thế mà khi lâm sự, trước cái chết, Trọng giữ thái độ rất quả quyết, can đảm. Trương Quang Trọng nguyên là sinh viên trường cao đẳng Hà Nội, năm 1929 can án Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, bị án chín năm tù. Tháng bảy năm 1931, Trọng bị đày lên Kontum, qua tháng chạp thì bị bắn.

Khi Trọng ngã, anh em ở sau tiến lên, vừa tiến vừa hô khẩu hiệu phản đối, một tiếng súng thứ hai vừa ra, người thứ hai lại ngã, người sau lại tiến lên, hô to mấy khẩu hiệu, dùng cảm dương đầu với súng đạn.

Bên bọn cầm quyền thì ai nấy đều sẵn sàng súng trong tay, tha hồ bắn vào nhà phật.

Tiếng súng nổ liên thanh chen lẫn với tiếng la ó dậy trời. Bên ngoài thì quan và lính chạy dẫu này dẫu kia «rầm rầm rầm», bên trong nhà phật thì người này la lên một tiếng rồi ngã, người kia ré lên một tiếng rồi té, ngã dòn té đổng, chỉ trong mấy phút đồng hồ mà trong số 40 người hết 16 người chông chất với nhau trên vũng máu tươi. Có người chết ngay, có người hấp hối, có người bụng thủng, ruột lòi...

Trong số mười sáu người bị bắn, tám người chết và tám người bị thương... Trong số 8 anh em bị bắn chết ấy (5), có Đặng Thái Thuyến (6) là phải bắn đến hai lần. Lần thứ nhất, bị

một phát súng sáu trúng bắp đùi, Thuyến cùng nằm trong đống xác chết. Khi thấy Moulec mở cửa vào, Thuyến râng một chân đứng dậy lấy ống xia (ống tre để phóng uế) đập vào Moulec không cho mở cửa, nhưng khi ống xia vừa trúng đầu Moulec thì viên đạn súng sáu của Moulec vừa ra, Thuyến chết ngay.

Sau khi bắn giết nhà phật xong, lính tráng ủa vào bắt những người còn sót lại, tay xiềng, chân xích, rồi khiêng lên xe cam phong chở thẳng lên Dakxut (7).

Còn lại mấy anh em bị bắn chết, chúng đem ra đảo lỗ chôn bên cạnh nhà lao, chôn cất rất sơ sài, miễn lấp đất lại là được rồi.

Về sau này, một hôm có một bà cụ già, một người thiếu phụ nghe tin con, tin chồng bị bắn, tìm đến để thăm. Đứng trước mấy năm mồ than vãn khóc lóc, không biết đâu là mả chồng, đâu là mộ con. Gặp chúng tôi nhờ chỉ giùm, làm cho chúng tôi rất dỗi búi ngài bối rối, lắt dặc dĩ phải chỉ mấy năm mồ mà nói: «Cụ và chị cứ thăm cả mấy năm mồ này, con trong đó mà chồng cũng trong đó».

Thở một hơi dài, bà cụ già và thiếu phụ vội vã lấy năm hương chia ra làm tám, cắm lên trên mấy năm mồ, than khóc một hồi, rồi lặng lẽ ra đi...

Chú thích:

1. Moulec: đọc là Mu-lếch. 2. Công sứ: viên quan cai trị thực dân Pháp đứng đầu một tỉnh. 3. Giám binh: tên quan Tây cai quản lính khố xanh trong một thành phố. 4. Le voici, le voilà: tiếng Pháp, đọc là lô voa-xi, lô voa-la. 5. Chúng tôi bỏ một đoạn kẻ tên 8 người bị thương và 8 người chết. 6. Đặng Thái Thuyến quê ở Nghi Lộc (Nghệ Tĩnh), con cụ Ngự Hải Đặng Thái Thân, một chiến sĩ cách mạng. Ông có hoạt động ở ngoài nước, khi ở Thái Lan, lúc ở Trung Quốc, sau bị bắt ở Băng-cốc (Thái Lan), rồi bị giải về Huế, kết án tù chung thân và bị đày lên Kontum. 7. Dakxut: đường số 14 từ Buôn Ma Thuột qua Kontum đến địa đầu Quảng Nam, trước đã làm đến Dakxut. Bọn đế quốc bắt nhà phật làm thêm đoạn đường từ Dakxut, Dakpao lên đến Daktao, Dakpek.

SÓNG GẦM

NGUYỄN HỒNG

... Tôi phải viết về những con người và cuộc sống ấy của Hải Phòng... Những con người và cuộc sống ấy ở Hải Phòng là những con người và cuộc sống của quần chúng làm cách mạng. Trong cách mạng, họ đã đi đến, mỗi người với một sự đau xót, với một niềm khao khát không thể nào xóa nhòa được. Nhưng cũng trong cách mạng, mỗi người đã phải, cũng vẫn với máu thịt của mình, đánh đổi lấy tự do, hi vọng, tin tưởng và tương lai cho mình, đã phải chiến đấu một sống một chết với giai cấp thống trị đã đàn áp họ bằng tất cả những sức mạnh tàn bạo nhất, dã man nhất (Nguyễn Hồng — *Hải Phòng với tác phẩm Cửa biển của tôi và tôi viết Sóng gầm* — Tạp chí Văn nghệ số 67 tháng 12-1962).

Đó là mục đích viết *Sóng gầm* của tác giả, đồng thời cũng là nội dung tác phẩm. *Sóng gầm* đã phản ánh khá rõ nét đời sống của những người dân nghèo thành thị như gia đình Thanh, gia đình chị em Dâng, gia đình mẹ Xim, mẹ La, cụ Cam ở xóm Cầm của Hải Phòng trong những năm 1936 — 1939. Họ là những người lao khổ, nạn nhân của bọn thực dân, địa chủ, tư sản kiểu như Đờ Vành-xi, Thi San, Đức Sinh. Cho nên, họ sẵn sàng tìm đến với Đảng, đi theo cách mạng. Được giác ngộ, Cam, Xim, Thanh, cùng anh chị em công nhân Hải Phòng vùng lên đấu tranh. Bị đế quốc bắt, họ vẫn tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng, trung thành với cách mạng.

Sóng gầm đã đánh dấu một bước tiến mới của Nguyễn Hồng. Ông đã thành công trong việc xây dựng những hình ảnh về những người dân nghèo thành thị.

MỘT NGÀY GIỖ

... Khi hai người đến, nhà cụ Cam đã đông. Khách ngồi cả ở chõng ngoài hè và ở bên nhà Dâng. Mẹ con bà Gái đều chít khăn xô. Thăng Côn cũng một cái khăn dài thướt. Cụ Cam cũng khăn trắng, nếp khăn to, quần cao như mũ *đầu mâu* (1). Bàn thờ bày đủ cả vàng hương, hoa nến và ngũ quả. Bài vị Quất do chính tay người cha già viết bằng chữ nho lên miếng giấy trắng lồng trong tờ giấy vàng. Mùi hương vòng sực cả mấy gian nhà. Ngọn đèn ba dây sáng choang treo trước bàn thờ làm nhấp nháy thêm những mắt kính ở cổ vàng và những lọ hoa, chân nến đồng.

Cụ Cam ngồi ở tám phần ngựa giữa nhà với bọn Chấn Lương. Hai người đã xin ngồi sang giường bên mà không được. Một cụ ở xóm trong và bác Sấm ngồi tiếp chuyện hai người. Tuy Chấn chỉ đến nhà bà Gái lần thứ hai, nhưng thằng Côn đã quen rồi. Nó đứng lọt vào hai bắp đùi Chấn, có lúc còn ngồi hẳn lên đầu gối Chấn, hơn hơn cái mặt nghe chuyện. Tin cha Gái, cha Cam mất, cho đến hôm mẹ con Gái đến sở mặt thám hỏi những anh em được tha mới biết đích xác. Nhưng ngày tháng Quất chết thì khi Lương đến thăm nhà Quất, vợ con Quất mới biết.

Đúng ngày hôm nay dậy Quất mất và như thế là đã ba năm. Bà Gái lấy hôm nay làm ngày giỗ tết, *nhà phát phục* (2) cũng vừa đoạn tang. Tuy cụ Cam ngồi với khách nhưng ông cụ vẫn lẳng lẳng như hằng ngày ngồi một mình lúc nhà vắng vẻ. Chuyên chè, rót nước, lấy thuốc lá, trầu cau mời đều do Gái Đen. Ngọt cũng tiếp khách giúp Gái. Gái Đen gọi Chấn và Lương bằng bác. Một điều thừa bác... hai điều thừa bác. Cụ Cam cũng gọi như thế. Luôn luôn ông cụ kéo đĩa chén mời hai bác xơi nước. Gái Đen chỉ quanh quẩn ở sau lưng ông và bọn khách họ. Dưới dải khăn xô, nét mặt Gái Đen lẳng lẽ trông vừa già vừa danh thêm. Mỗi lần rót nước mời Chấn và Lương, Gái Đen tuy cúi đầu nhưng vẫn đưa mắt nhìn trộm hai người.

Gái Đen lại càng tủi và xót xa cho bố.

Lương thì chỉ được cái người cao nhưng da dẻ bủng bết, mặt mũi hốc hác thế kia. Còn Chấn vừa gầy vừa xanh trông hao hao giống Thanh. Chỉ có khác cặp mắt Chấn không sáng, không sắc — không hiền Chấn bị đau mắt hột hay lông quặm nên thỉnh thoảng Chấn lại lấy khăn tay chấm chấm — nhưng cũng quăm quăm như mắt ông Gái. Những khi Chấn đưa nhìn thì mắt Chấn loáng lên và khi Chấn có vẻ đề ý việc gì thì mắt găm lại, cương quyết vô cùng. Sức vóc Chấn so với bố Gái lại càng thấy yếu! Nhưng sao bố Gái lại không sống mà về dịp này! Bố Gái còn vạm vạp chắc người hơn cả chú Sấm; công việc nặng nhọc, khó khăn không ai làm được bố Gái cũng coi như không; ăn khỏe lại dễ ngủ nữa cơ mà! Từ ngày Gái lớn lên, Gái chưa thấy bố phải xông nồi nước lá tre, bôi tí dầu bạc

hà, hay ăn bát cháo hành bao giờ. Lần mẹ Gái phải chạy thuốc cho bố Gái là ngày bố Gái ở sở mật thám lấy cung xong giải sang để lao chờ *đứng đường* (3). Mẹ Gái cắt thuốc bắc luyện giả làm chè kho vào phép cho bố Gái. Chuyên đưa quà bánh, thuốc men cho bố Gái ấy là lần thứ nhất và cũng là lần cuối cùng vợ chồng, bố con nhìn thấy mặt nhau trong chốn lao tù.

Thêm mấy bọn khách nữa đến. Có cả khách trẻ con. Bọn thằng La, thằng Nghĩa và mấy đám trẻ ở xóm trong. Thấy các ông tướng ấy mặt cứ như mặt *long thần* (4) xấn xấn xô xô định rút thuốc lá, Cam phải đến hai tay xoắn lấy hai tai hai tướng, kéo vào cái giường ở gian trong. Mâm cơm cúng đã bày xong. Bà Gái bưng lên. Gái Đen đỡ tay cho mẹ, đặt mâm trước bài vị. Đủ cả thịt gà, thịt lợn. Đồ nấu có cả mực, bòng, chim hầm măng miến. Củ cải, cà rốt, hành cũng tía thành hoa là, vừa nấu độn, vừa làm dưa góp. Lương, Chấn vừa ngạc nhiên vừa rưng rưng cả tâm trí thấy cảnh đĩa chả quế, giò lụa có một đĩa đậu phụ luộc và chén con mắm tép trên rắc hành củ chế từ và gừng thái nhỏ như chỉ.

Món ăn thích nhất của Quát.

Hồi còn ở tù, trong những cuộc tuyệt thực, những buổi tối chuyện gẫu, mỗi người kể một món lạ và ngon thì ai ai cũng có một món. Nào chim sẻ rán. Nào lợn bung. Nào lợn sữa quay. Nào chả chó. Nào cá quả nấu cháo ăm. Nào giò gà. Nào chả cá mực. Nào dê tái. Nào thịt bò băm viên bọc xương sống, quạt than hồng nướng. Quát không góp món gì cả. Nhưng một lần Quát cười, rủ rỉ với Lương món Quát thấy tuyệt nhất đối với Quát là đậu phụ luộc bẻ từng miếng chấm muối, hay ăn với mắm tép! Ngoài ra Quát còn cho biết thêm mấy món Quát thích như nhộng rang diêm tí là chanh ăn với bánh đa nướng, hay mùa rét thì hành nén đá ăn với giò thủ, mùa bức thì canh cua rau muống diêm vài nhánh ngổ dả với cà pháo mắm tôm.

— Thế phải thêm tí «tửu» chứ! Lương nằm quặp lấy Quát thích thích đầu gối vào lưng Quát, hỏi.

Màu tao nóng thế nào ấy, động đến một tí rượu chỉ hòng giọt nước dài nhện là đổ bưng đổ tía cả mặt. Năm *thuở* *muối thì* (5) ở nhà bố con vui lắm, nề ông bố già uống một chén *móng* (6) rượu ngang ngăm thuốc của ông ấy, thì giữa ngày lục xục cả đêm... vợ nó cầu vėjo đến khổ!

Quát cặp chặt nữa lấy đầu gối Lương, cười khi khi...

Quát ra Còn Lòn sau Lương. Khi Lương đi làm ngoài. Quát còn ở trong *banh* (7). Đạo ấy đương thời kì khủng bố mà tổ chức anh em thì chưa được chặt. Cơm gạo mực chỉ ngồi đã sợ vì nòng vì đấng, cá mắm xác ra toàn những giới, thế mà chúa ngục vẫn không phát cho đủ suất. Nước để tắm rửa thì văng nhờn như nước ở những má cái táng. Còn nước ăn cả ngày mỗi người chỉ được một lon sữa bò nước uống. Ai không bị lở ghẻ thì kiệt lị. Mấy tháng sau thì nhiều người mất lòa đi, lợi mềm ra, chỉ lấy tay nhỏ khế cũng rụng ra hai ha chét răng. Rau má, rau chua me mọc ngoài sân *banh* và những búp bàng và cả cỏ nữa cũng ăn hết. Có người đến giờ mở cửa *banh* ra sân liêu xiêu đi không được anh em phải không ra. Phần vì lòa, phần vì yếu gối quá! Và có anh em được xóc ra sân thì chỉ ngồi rử một chỗ, tay phát phiền như người hấp hối, bóc cả vẩy lở vẩy ghẻ ăn.

Quát, Chấn cũng bị lòa, bị bại liệt như thế. Chấn bị nặng hơn. Trước Chấn phụ trách cơ quan «ấn». Lúc còn đi học, mắt đã kém sẵn, giờ lại phải hằng tuần ở lì trên trần nhà và viết bản in, sao chép các tài liệu, nên mắt Chấn càng kém hơn. Lúc Chấn bị bắt, mật thám đặc biệt truy Chấn lấy ở dân ra các tài liệu chữ Pháp và mực in, và truy về việc thẻ giả, cần cước giả. Chúng không những nhốt Chấn ở xà lim rồi mà còn bịt mắt Chấn nữa. Chúng vừa quán dạ đen vào mắt Chấn vừa cười khẩy:

— Một là khai hai là mù, hoàn toàn ở đồng chí tự quyết định lấy.

Mười lăm ngày chân cùm tay xích trong xà lim. Bỗng một hôm chúng tháo cùm, tháo xích cho Chấn. Chấn lại chuẩn bị

linh thần theo chúng đi chịu những trận tra tấn mới. Chúng vừa đi bên Chấn vừa hỏi Chấn có khai không. Chấn vẫn không đáp nhời. Chúng bảo Chấn ra sân. Chấn đứng ngạc nhiên vì thấy chúng khác hẳn mọi lần không dám đá và chửi bởi gì cả mà cứ để Chấn đi thông thả, thì Chấn rùng mình thấy đỉnh đầu hai thái dương, gáy và trước mặt có một cảm giác nóng nóng. Ừa một cái, thằng Tây lại giựt miếng da bịt mắt Chấn ra. Nó đập mạnh vào khoeo chân Chấn, Chấn khụy xuống. Nó kéo giắt mắt Chấn ngửa lên vằng mặt trời đương chói lọi giữa trưa. Chấn ngã vật ra, mắt và đỉnh óc như bị xé.

Ra đến Côn Lôn có những buổi chiều Chấn không thể đọc được chữ. Những ngày ăn đói và kiệt quệ thiếu sinh tố nọ, Chấn là người trước nhất bị lừa và lừa nặng. Chấn đi phải có anh em dắt. Anh em khổ sai đi làm ngoài phải hết sức kiếm chanh, kiếm sấu, chua me cho Chấn; Quất thì bị lừa sau Chấn hơn tuần lễ, nhưng chiều chiều nhìn vẫn còn thấy. Quất nhe cái mắt thì bị bại liệt nặng. Quất đi kiệt li nhiều quá. Đạo Quất còn ở sở mật thám, chúng nó tra tấn Quất bằng chày cao su đập vào hai đầu gối liên mấy ngày đêm, vừa bắt Quất nhin đói. Lúc chúng cho ăn, Quất phải ăn một nắm cơm mà một phần tư là muối, và không được uống nước. Ăn cơm xong một lúc thì thằng Tây mặt đỏ đưa cho Quất một cốc vại nước thuốc tẩy muối. Quất uống cốc vại nước thuốc tẩy này, vừa đi ỉa vừa ngâm người trong bể nước, vừa uống nước cho thằng Tây nọ dận lên bụng lên ngực và hỏi cung.

Ra đến Côn Lôn, Quất cũng như nhiều anh em, bệnh đã nặng lại nặng hơn. Hai ống chân Quất tóp lại còn nhỏ hơn chân trẻ con. Vịn vai anh em, Quất đứng cũng không vững. Sở anh em bị lừa và kiệt li càng tăng. Rau má, rau chua me phải chia nhau từng mấy lá rồi cũng không sao kiếm được. Một hôm, không hiểu Lương mò ở đâu ra nắm búp ổi đem về. Chấn và Quất được mỗi người nắm búp. Chấn không ăn vội, để dành đến khuya thì nhấm nháp. Lúc mọi người đã ngủ, Chấn

giở gói búp ổi ra thì thấy những mười lá gói cồm cồm cả tay, Chấn bật kêu lên. Quất trấn vội người bịt lấy miệng Chấn:

— Chấn này! Chấn này! Tao cho mày phần tao đấy. Mất mày sắp trông được rồi thì mày ăn đi...

... Cả Chấn và Lương không bảo nhau mà cùng nhìn vào đĩa đậu phụ, chén mắm tép, rắc hành hoa và gừng, bày giữa những giò chả măng miến đầy ừn trên mâm cơm cúng. Răng Lương đã cắn chặt lấy môi mà vẫn cứ lo tiếng nước nở bật lên. Nghĩ đến Quất một phần, còn một phần thì nghĩ đến những anh em còn ở lại, nhất là những «thằng» từ ngày bị bắt đến lúc anh em về không có được một cái «phép» hay một lá thư của gia đình gì cả. Từ lúc thấy nét mặt Lương lại nhẩn nhẩn, mắt quầng quắc cứ chực ứa nước, Chấn càng thấy ghen ngạo.

Từ ngày Quất đi làm ngoài thì Chấn, Quất không nằm cạnh nhau nữa. Quất luôn luôn bị phạt «ca-sô» (8). Cuộc đấu tranh nào Quất cũng làm đại biểu. Cuối cùng, bọn xếp ngực tách Quất và một «thằng» nữa ra khỏi anh em: Tô gầy. Chúng đẩy Quất và Tô vào hầm xay thóc...

... Vào hầm rồi Quất vẫn còn tuyệt thực hưởng ứng cuộc đấu tranh của anh em. Trong một trận khủng bố bị xếp ngực hầm cả uống nước, Quất phát sốt mê man. Hai hôm sau Quất tỉnh lại vừa lúc buổi sáng bọn gác-điêng (9) cho khiêng thùng nước uống thường lệ vào. Quất được tháo cùm đi ỉa, vội bỏ đến thùng nước. Khi đó Chấn ở hầm ngoài. Nhác trông thấy vẻ mặt gác-điêng khàng khác, Chấn vội nhìn vào thùng nước. Không phải thứ nước uống thường mà là thứ nước vàng rêu chỉ để rửa ráy, ghê như nước a-xít hay nước dưới mả. Chấn liền kêu lên:

— Các đồng chí ơi! Khoan hãy uống!

Chấn chưa kịp hết tiếng kêu thì Quất đã gục đầu xuống thùng nước, hừng hực uống.

Chấn hét lên:

— Thôi chết rồi!

Chấn nhào đến giảng Quất ra nhìn vào miệng Quất sền rãi rớt. Chấn cắn đứt hẳn miếng mồi mà nước mắt vẫn giàn ra. Ngay trưa hôm ấy Quất kêu đau bụng. Rồi mấy ngày sau Quất không ăn gì được. Tổ chức của anh em không còn thứ thuốc gì đưa vào cho Quất ngoài lọ dầu quất thần. Chính ngày hôm nay đây, Chấn nhìn nghiêng xác Quất trần truồng trong hăm đi ra, bộ quần áo gối đầu, hai tay bắt vào nhau chặt chẽ, bình dị ở trên bụng. Đồ của Quất để lại là gói đường phen, cam thảo và bộ quần áo của cứu tế gửi cho, nhưng Quất không mặc, không ăn mà dành cho anh em.

Từ ngày Côn Lôn có chi bộ, Quất đều ở trong chi ủy. Cả những ngày nằm không nhắc nổi người lên và cả khi bị phạt «ca-sô», Quất đều được cử vào chi ủy cùng với Tô gầy.

... Tuần nhang thứ ba trên bàn thờ đã gần tàn. Những mâm cỗ đã ùn lên cả ở dưới bếp. Cụ Cam đứng dậy, khua chân xỏ vào đôi dép quai ngang dưới chỗ ngồi. Ông cụ rờ rờ lên cạnh cái đỉnh trầm lấy bao hương. Ông cụ kéo kéo lại cổ áo, vuốt vuốt tà áo, sắp sắp lại cho chặt những nếp khăn quần đầu, đoạn ông cụ rút ba thẻ hương châm vào ngọn đèn, cắm vào bát nhang trước bài vị. Đã đứng đứng giữa trước bàn thờ, ông cụ còn sắp sắp vuốt vuốt lại lần nữa khăn áo, rồi hai tay nắm vào nhau, ông cụ cúi đầu khấn. Tiếng khấn tuy thì thầm nhưng mọi người chung quanh nghe rất rõ. Rõ nhất là Chấn, Lương đứng ở mé trái sau lưng ông cụ.

— Lê Văn Quất con ơi! Hôm nay bố cúng cơm con đây *tạp nhất bàn, phù lưu, thanh thủy* (10). Con về mà ăn uống với bố, với vợ con, với anh em đồng chí và bà con xóm lân. Lê Văn Quất con ơi! Con chết bố không biết, vợ con không hay, năm xương tăn cũng mất. Nhưng con chết vì dân vì nước, giữ trọn được đạo thủy chung với đồng chí anh em, bố cũng không ân hận nào. Có chăng bố chỉ tiếc cho con, bốn mươi hai tuổi đầu, nghĩa lớn chưa thỏa, nợ xã hội chưa xong. Hô hô hô, Quất ơi! Quất ơi!..

Tiếng nức nở của người cha già vỡ ra giữa những tiếng sụt sùi ở chung quanh và mùi hương, mùi trầm.

Chú thích:

- (1) *Mũ đầu mâu*: mũ của quan võ, đôi khi ra trận, trên đầu có mũi nhọn.
- (2) *Nhà phát phục*: khi người chết bỏ vào áo quan thì làm lễ phát phục, người trong gia đình bắt đầu đi trở (cũng gọi là đi tang).
- (3) *Đặng đường*: ra tòa án để xử.
- (4) *Long thần*: tên ông thần giữ chùa có đôi mắt rất sáng, rất dữ.
- (5) *Năm thuở mười thì*: thỉnh thoảng.
- (6) *Chén móng*: loại chén nhỏ, uống một hợp.
- (7) *Banh*: từ mượn, biến âm chữ Pháp (baigne), chỉ nhà giam.
- (8) *Ca-sô*: phiên âm tiếng Pháp, chỉ hăm giam.
- (9) *Gác-diêng*: lính gác ngục (phiên âm tiếng Pháp).
- (10) *Tạp nhất bàn, phù lưu, thanh thủy*: một mâm cỗ, coi trầu, bát nước (nước lã).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Qua việc miêu tả buổi giỗ, tác giả cho ta thấy khá rõ nét tình cảm cha con, tình đồng chí. Hãy phân tích ý nghĩa của Gái, lòng thương xót của cụ Cam đối với Quất, tình đồng chí giữa Chấn và Quất.
2. Phân tích nghệ thuật kết cấu đoạn trích giảng (câu chuyện được dẫn dắt một cách tự nhiên, hợp lý như thế nào?).
3. Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả, nghệ thuật kể chuyện của tác giả?

VỖ BỜ

NGUYỄN ĐÌNH THI

Vỡ bờ là một truyện dài 2 tập. Tập I nói đến những sự kiện xảy ra ở nước ta bắt đầu từ lúc cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ (mùa thu năm 1939) tới khi phát-xít Nhật vào Đông Dương (cuối năm 1940). Tác giả mượn câu tục ngữ «Tức nước vỡ bờ», đặt tên tác phẩm là *Vỡ bờ*, ý nói quần chúng cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã nổi dậy mạnh mẽ như nước vỡ bờ, đập tan chế độ thực dân và phong kiến, làm Cách mạng tháng Tám thành công.

Tiểu thuyết *Vỡ bờ* đã giới thiệu với chúng ta trên dưới năm mươi nhân vật thuộc đủ các thành phần giai cấp, các tầng lớp, các nghề nghiệp và các lứa tuổi khác nhau, sống ở thành thị và ở nông thôn trên ba địa điểm tiêu biểu: Hà Nội, Hải Phòng và hai thôn Gành, thôn Chạm thuộc tỉnh Hải Hưng.

TRONG XÀ LIM

Tập đi được buổi chiều, đêm ấy hai chân Khắc đau dữ dội, làm anh không lúc nào nhắm mắt được. Trong đêm tối, Khắc nằm mở mắt trừng trừng, suốt hai chân từ nửa người trở xuống như có những lưỡi dao cứ rạch đi rạch lại. Có những lúc Khắc muốn ngất đi, mồ hôi vã ra đầm đìa. Anh lại rên lên mấy tiếng và cắn chặt môi đến bật máu.

Hôm nay, hôm sau nữa, Khắc lại tập đi. Mỗi lần được vài chục bước, anh lại nằm vật xuống thở hổn hển. Hai chân anh mỗi buổi một sưng to hơn. Đặt chân xuống như hàng nghìn cái kim châm buốt lên đến óc. Nhưng Khắc vẫn không nản. Bây giờ nó đang tấy, nhưng hết cơn tấy, nó sẽ xẹp xuống. Những lúc nằm nghỉ, anh giờ quyền Kiều đã rách nát đọc đi lại đọc lại. Buổi trưa ấy, Khắc ngâm mãi đoạn Kiều ở lầu Ngưng Bích... *Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung. Bồn bề bát ngát xa trông. Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.* Chà chà. Hay thật. *Bẽ bàng mây sớm đèn khuya. Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.* Ôi chao! Cụ Nguyễn Du tài quá. Giọng Khắc ư ư ngân nga to mãi lên.

— Này, cái gì mà cao hứng thế?

Có tiếng hỏi bên ngoài vọng vào. Khắc nhồm dậy, lần ra đứng dòm qua lỗ cửa xà lim. Ngoài hành lang, một ông già đang ngồi cời trăn, bắt rận ở cái áo cánh nâu rách như tổ diều. Đó là một ông cụ từ (1) ở Hưng Yên, bị bắt với cả hai người con trai. Ba bố con đã xong cung từ lâu, nhưng vẫn bị giam. Ông từ vì già yếu, được đám gác ngục thả lỏng hơn. Ông cụ cũng rất thú ngâm Kiều.

— A, con có cái này biểu bố.

Khắc vo viên cái áo cánh nâu An gửi cho, vút qua lỗ cửa xà lim cho ông cụ.

— Ở đâu thế này, cảm ơn anh quá.

Khắc vui vẻ hỏi sang chuyện khác.

— Thế nào, bố hôm nay có thuốc lão hút chưa?

Ông cụ nghiện thuốc lão nặng, rất khổ, xin ai được một vò là hút đi hút lại hai ba lần trong tờ giấy cuộn lại như ống sâu kèn. Mỗi lần hút cũng ngậm một hụm nước trong miệng rồi lọc xọc rất say sưa.

— Chuyển này tôi bỏ đấy anh ạ.

— Thế kia à.

Ông cụ cười khà.

— Minh vào đây cũng phải bỏ dần các tật xấu đi, cho nó mới con người lên chứ. À anh có biết kể Kiều theo giọng cô không? Tôi kể lại cho anh nghe mà học lấy nhé.

— Vâng, nhưng con buốt chân lắm rồi, phải đi nằm đây. Bỏ cứ kể đi, con nghe đấy.

Khắc lại lần vào nằm trên ván xà lim (2). Tiếng ông cụ kể truyện Kiều theo lối ngày xưa, mộc mà khỏe, như khắc nổi lên từng ý, từng chữ. Khắc nghĩ thầm: « Ông cụ mà chưa được thuốc lão thì mình phải đi được ».

Nhưng cái chân Khắc đau thêm mãi. Đến một lúc, Khắc hiểu là không thể tiếp tục tập đi được nữa. Buổi sáng ấy anh lại ho ra ít máu. Khắc nằm nghỉ miên man. Chỉ còn có sáu ngày nữa thì đến 20 ta, ngày Khắc đã hẹn trong thư. Từ hôm nay đến hôm ấy, khó lòng mà chân Khắc tạm lành được. Bây giờ chỉ còn hai cách: một là tìm cách báo ra ngoài hoãn ngày lại. Và còn một cách thứ hai là tổ chức cho Gái trốn thay. Còn Khắc thì sẽ phải đợi đến chừng nào đi lại được bình thường... sẽ tìm cách khác vậy. Buổi trưa ấy, Khắc tìm cách gặp được chị Gái, và nói cho chị biết kế hoạch trốn.]

Chiều thẳng Lutđơ xuống xà lim. Nó nhún vai, một bên mắt luôn nhấp nháy đã thành tật.

— Hôm nay mày khỏe rồi phải không? Tối tao sẽ hỏi mày. Thành Lê bị bắt ở Bắc Giang rồi, mày biết chưa?

Khắc lặng hẩn người. Thằng Lutđơ mắt lại nhấp một cái.

— Voa-la (3)! Chúng mày có thể hợp xú ủy trong này được đấy!

Nó cười ha há, đập khề vào má Khắc như tát yêu rồi đi lên.

Chín giờ đêm, chánh cầm Lanec và Lutdor sai đem hòm điện xuống xà lim của Khắc. Một tên a-giăng (4) khúm núm đưa cái ghế vào. Lanec, cả người thơm phức nước hoa, kéo ghế ngồi, và ngọt ngào dỗ :

— Anh rất can đảm, nhưng thật là vô ích, anh có thấy không? Anh hi sinh cho Đảng, nhưng thượng cấp của anh đã bán cả các anh cho chúng tôi. Sở mật thám đã biết hết mọi việc, vậy mà anh cứ khẳng khăng không nhận, như vậy không phải là thông minh. Một người có học như anh phải tự nghĩ trước thì hơn. Thằng Lê bị tra ngay tại chỗ đã nhận hết. Ngày mai sẽ giải nó về tới đây, và khi ấy thì anh muốn chối cũng không được nữa. Chúng tôi muốn đề cho anh một con đường ra, anh hãy khai trước đi thì hơn. Anh biết những gì về hoạt động của xứ ủy, của thằng Lê, anh đã hoạt động những gì từ khi đi trốn, nên nói thật hết. Như vậy, chúng tôi khỏi phải đánh anh. Tôi không muốn anh chết, mà sức anh thì chắc không chịu nổi một tua điện nữa. Khắc ngồi tựa lưng vào tường. Qua khung cửa lúc này mở rộng, ánh đèn điện ngoài hành lang chiếu chéo vào đến quá nửa xà lim, tới chỗ Khắc ngồi. Mắt Khắc lấp lánh trong bóng tối nhìn tên chánh cầm đã già đời trong nghề đánh giết những người cách mạng. Cái mặt trắng nục, đầy những thịt của nó chồn vồn, lúc im không động, lúc gật gù lắc lư. Anh nghĩ : « Quân chó ác quỷ quyết mà lại ngu ! Nó sắp giết mình đây ». Thấy Khắc im lặng, Lanec càng ôn tồn hơn :

— Tôi tiếc anh còn trẻ, lại là người có học thức nên tôi muốn cứu anh. Tôi thương hại anh vì anh sẽ chết một cách vô ích. Hoặc là thế này cũng được, không cần anh phải khai nhiều, chỉ cần anh khai một sự thật, chẳng hạn tên Lê đã hẹn gặp anh ở đâu, hoặc cơ quan của nó đặt ở chỗ nào, những điều đó bây giờ không còn gì quan trọng lắm vì chúng tôi đã bắt được tên Lê rồi. Nhưng anh có khai thật thì tôi mới có thể lấy đó làm cớ, coi là anh đã xong cung rồi tôi cho anh đi nhà thương. Anh hãy nghĩ đi, tôi xem anh yếu lắm rồi, nếu anh muốn uống sữa, hay ăn uống cái gì tôi sẽ bảo đem đến cho anh.

Trong lúc Lanec nói với Khắc, thì thằng Lutdor đi đi lại lại ngoài cửa xà lim, thỉnh thoảng lại ghé cổ dòm vào. Khi Khắc bắt đầu trả lời, nó đứng lại để nghe, thân hình nó lù lù gần lấp cả cửa xà lim, làm bên trong tối hẳn lại. Khắc nói nhỏ, giọng anh đã yếu, nhưng nghe rõ từng câu trong cái xà lim im lặng.

— Tôi không có gì để nói thêm với các ông cả. Ở hàng ngũ cách mạng, cũng có một vài kẻ hèn nhát hoặc phản bội. Nhưng các ông đừng lầm tưởng như vậy là các ông thắng. Chúng tôi là đảng viên cộng sản, chủ nghĩa chúng tôi cho chúng tôi thấy rõ tương lai. Các ông sẽ không còn, nhưng đất nước chúng tôi thì sẽ độc lập, chủ nghĩa cộng sản sẽ được thực hiện vì đó là mong muốn của hàng triệu người. Các ông bắn giết những người cách mạng nhưng một giọt máu đỏ xuống lại làm mọc lên mười người. Chính mắt các ông đã thấy điều đó. Cho nên chính việc làm của các ông mới là vô ích. Cuối cùng, chắc chắn chúng tôi sẽ thắng.

Khắc nói, mặt hờn hờn rồi anh ho một cơn dài, rũ người xuống.

Thằng cầm Lanec đứng dậy :

— Thôi đủ, mày không phải tuyên truyền chúng tao. Tao cho mày năm phút nữa, thằng Lê hẹn gặp mày ở đâu, mày không nói, tao sẽ đập chết mày như con chó.

Hai tên a-giăng vào dẫn ngựa Khắc ra. Trong mắt anh lóe lên một tia sáng. À, nó chưa bắt được Lê đâu !

Thằng Lutdor cầm lấy ma-ni-ven (5) hòm điện :

— Nói đi... thằng Lê hẹn mày về gặp nó ở chỗ nào ?

Mắt Khắc vẫn lóng lánh trong góc xà lim nửa tối nửa sáng. Đứng rồi, nó chưa bắt được Lê !

— Nói đi !

Mắt Khắc vẫn im lặng nhìn thằng mật thám đang lờn lộn quát to :

— Mày, thằng Lê ở đâu ?

Lutđơ gầm như điên nắm cổ Khắc dựng dậy, lắc một hồi. Cái mũi khoằm của nó dí vào tận mắt Khắc, nó nhe răng rít lên: «Thằng Lê đâu? Nó ở chỗ nào?». Vẫn chỉ có hai con mắt Khắc nhìn lóng lánh. Thằng Lutđơ quật Khắc đúi vào tường và quay ma-ni-ven như muốn phá vỡ cái hòm gỗ. Rồi nó vút cái hòm điện xuống, đập cái ghế bắn vào góc xà lim, mãi nháy lia lịa như động kinh, sầm sầm bước ra.

Thằng Lanec khẽ nhún vai, tiến tới bên cạnh Khắc. Anh nằm sổng sọt, không thấy động đậy gì nữa.

— Có nói không?

Lanec cúi xuống, bấm đèn pin vào mặt Khắc. Trong vết sáng, hiện rõ những đám máu ộc từ miệng Khắc chảy vũng quanh đầu anh. Máu đỏ sẫm nóng hổi rỏ giọt từ trên sàn gỗ xuống nền xi-măng. Khắc đã tắt thở.

Ngày hôm sau, ông từ già và một người tù thường phạm bỏ xác Khắc vào một cái chiếu, tùm hai đầu, khiêng lên một cái xe ô tô hòm sơn đen. Họ chôn anh ở một góc nghĩa địa làm phúc mẹ Giáp Bát, ngoại thành. Ông từ già tìm một thanh gỗ đeo vát một góc để làm dấu, cắm ở đầu năm đất thay cho mộ chí.

Không bao lâu, cỏ mọc lên xanh loang lổ trên những hòn đất đỏ. Năm mộ bị mưa nắng làm lún xuống, lặn vào hàng trăm năm đất không tên tuổi bên đường.

(Trích Võ bờ, tập I)

Chú thích:

- (1) Ông cụ từ: người trông nom đền, miếu.
- (2) Xà lim: biến âm tiếng Pháp, chỉ nhà giam.
- (3) Voa-la: phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là: đấy.
- (4) A-giăng: phiên âm tiếng Pháp, chỉ nhân viên giúp việc.
- (5) Ma-ni-ven: phiên âm tiếng Pháp, chỉ cái tay quay máy phát điện.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích nhân vật Khắc.
2. Trong đoạn văn này tác giả luôn luôn theo dõi miêu tả đôi mắt của nhân vật Khắc. Tìm hiểu dụng ý của tác giả ở chi tiết này.

3. Trước sự bình tĩnh gan dạ của người chiến sĩ cách mạng bọn địch lại càng hung dữ điên cuồng. Em suy nghĩ gì về sự tương phản ấy?

NHÂN DÂN TA RẤT ANH HÙNG

HOÀNG QUỐC VIỆT kể
THIỆP MỚI ghi lại

Đây là tập hồi kí của một chiến sĩ cách mạng lão thành, đồng chí Hoàng Quốc Việt. Như tên sách nói rõ, tác giả không có ý định viết về mình mà chỉ muốn nêu cao truyền thống anh dũng tuyệt vời của Đảng ta và nhân dân ta.

Nhân dân ta rất anh hùng là một câu nói của Hồ Chủ tịch trích trong lời phát biểu của Người tại cuộc Hội nghị Trung ương lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương (tức Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay) ở hang Pắc Bó (Cao Bằng) vào năm 1941. Toàn bộ quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiên quyết đánh đổ ách thống trị của thực dân đế quốc, giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân, từ cao trào cách mạng 1930 -- 1931, qua thời kì vận động Mặt trận dân chủ Đông Dương 1936 -- 1939 đến cao trào vĩ đại đánh Nhật đuổi Pháp dưới lá cờ đỏ sao vàng của Mặt trận Việt Minh đã chứng minh hùng hồn điều mà lãnh tụ khẳng định là hoàn toàn đúng.

Bài Luồng điện tháng Tám dưới đây là đoạn cuối của tập hồi kí, kể lại không khí những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, qua con mắt của một đồng chí lãnh đạo, trên đường công tác đi suốt từ chiến khu Việt Bắc vào đến Nam Bộ, khắp cả nước đâu đâu cũng hưởng ứng tiếng gọi khởi nghĩa của Đảng. Đó là những giờ phút vô cùng trọng đại của mấy nghìn năm lịch sử nước nhà. Cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã mở ra một chân trời mới cho nước Việt Nam chúng ta. Đoạn hồi kí khiến ta hết sức tự hào vì -- như Hồ Chủ tịch đã nói -- nhân dân ta rất anh hùng và Đảng ta rất vĩ đại.

LUỒNG ĐIỆN THÁNG TÁM

Chúng tôi từ Thái Nguyên đi mảng rồi đi thuyền về xuôi. Năm ấy nước sông to lắm, thuyền chúng tôi vừa đi vừa cứu được một số đồng bào bị nước cuốn. Về đến gần Bắc Ninh, thuyền cứ ngang cánh đồng ngập nước mà đi. Tới Yên Viên, nhìn lên đường cái, một chiếc xe hơi cắm một lá cờ đỏ sao

vàng rất to, bắt loa phóng thanh hát bài « Diệt phát-xít », hát bài « Bao*chiến sĩ anh hùng » và giữa hai bài hát cách mạng: « Alo, alo, lực lượng khởi nghĩa do Việt Minh lãnh đạo, từ bốn giờ chiều hôm nay, đã làm chủ Hà Nội. Chính quyền Thủ đô đã hoàn toàn về tay ta ».

Chúng tôi lên ngay chiếc xe tuyên truyền ấy vào Hà Nội. Cờ và biểu ngữ đỏ hoa cả mắt. Xe hơi đưa chúng tôi liên lạc chỗ này, chỗ khác, rồi một lúc sau đến Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội, gặp anh Nguyễn Khang. Từ sáng, anh em ở đây làm việc chưa kịp ăn uống gì cả. Buổi sáng, mít-tinh tuần hành mười lăm vạn người tham gia, chiếm Bắc Bộ phủ (1), chiếm Thị chính (2), rồi từ một giờ đến bốn giờ chiều, cả Hà Nội vây lấy trại Bảo an binh (3), đấu tranh cho đến khi xe tăng và lính Nhật chặn các đầu phố phải rút. Anh Khang bàn với chúng tôi về những công việc đang cần giải quyết, cho biết quyết định thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng Hà Nội và Ủy ban nhân dân cách mạng Bắc Bộ sẽ ra mắt ngay ngày mai.

Nhân có chiếc xe hơi của chị Thập và một anh cán bộ Hòa Hảo cứu quốc (4) thuê ra Bắc công tác, lại trở về Nam, tôi và anh Cao Hồng Lĩnh cũng lên xe đi thẳng. Lúc ấy mới bảy giờ tối. Phải nói trước rằng chúng tôi đi đến đâu đem tin cụ thể về thủ đô Hà Nội đã khởi nghĩa thắng lợi đến đó cũng là đem đến cho anh em một nguồn động viên rất lớn.

Xe hơi chúng tôi ra khỏi Hà Nội là mở hết tốc lực, phóng như bay trên đường số 1, vùn vụt qua Bằng, Lim, Đồng Văn, Phủ Lý đâu cũng đã nổi cờ. Nhiều làng bên đường được sáng rực. Đặng Xá, tự vệ chiến đấu đi lại rầm rập. Mới gần chín giờ đã tới Nam Định. Đầu tỉnh xe bị ách lại. Một chị nữ tự vệ đeo kiếm ra hỏi giấy. Tôi trình giấy tờ. Một anh ở trụ sở gần đây ra đưa chúng tôi đến tòa sứ cũ. Anh Văn Tiến Dũng ra đón, ngay câu đầu tiên đã cho biết: « Ở đây xong rồi ».

Nghỉ một lát, chúng tôi lại tiếp tục đi ngay. Ra khỏi tỉnh đến mười cây số, xe mới mở hết số được: quần chúng từng toán vác cờ đi hô khẩu hiệu vang trên đường. Vách núi chùa

Non Nước đã kẻ một hàng chữ trắng « Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm » to tướng. Ghềnh, Bím Sơn, Lèn, tự vệ đều hỏi giấy.

— Ta cả thôi mà.

— Mời các đồng chí đi.

Đến Thanh Hóa đêm đã khuya, thị xã đã ngủ hết, trên phố lớn, nhiều đám anh em thanh niên vẫn còn hí hục chằng biểu ngữ qua đường. Anh Lê Tất Đắc tiếp chúng tôi cũng ở tòa sứ cũ. Rửa mặt mũi xong xuôi, nói chuyện tình hình một lúc thì trời đã tờ mờ sáng. Chúng tôi rời Thanh, đến Vinh, 9 giờ. Anh Nguyễn Tho ra gặp:

— Bọn Nhật ở đây, chúng tôi làm gọn lắm. Anh em cử ông Lê Viết Lượng làm chủ tịch rồi.

Hà Tĩnh, Quảng Bình. Qua Đèo Ngang. Đã lâu lắm chúng tôi mới lại trông thấy biển. Đối với anh em chúng tôi đã bao nhiêu năm hoạt động bí mật khi lên chiến khu đã vui sướng thấy rừng núi là của mình, giờ đây rong ruổi ngang nhiên trên đường dài xuyên đất nước, trước cảnh trời biển bao la, lòng càng rạo rực, say sưa với thắng lợi. Quảng Trị rồi Huế. Anh Nguyễn Chí Thanh, anh Lành (tức là anh Tố Hữu) cho biết:

— Nhà vua nó xin hàng rồi. Chỉ chờ Chính phủ trung ương vào nhận ấn với kiếm cho nó thôi.

Đà Nẵng, anh Lê Văn Hiến, anh Lê Dung được Huế báo đây nói đã chờ sẵn chúng tôi. Gặp lại anh Huỳnh Ngọc Huệ, người thanh niên công nhân rắn mạnh, rất vững và rất hăng. Anh em gặp nhau tay bắt mặt mừng. Một kỉ thú trong chuyến đi của chúng tôi là đến mỗi chặng đường đều được gặp biết bao nhiêu anh em đồng chí. Anh Cao Hồng Lĩnh đến Đà Nẵng thì được tin quê nhà là Hội An cũng đã lập xong chính quyền nhân dân. Anh em địa phương mời anh về dự mít-tinh với bà con quê cũ. Song nhớ lời Bác dặn lúc ra đi: « Tranh thủ gấp rút vào Nam, không được phép kéo dài một buổi », ngay đêm đó, anh từ biệt các đồng chí tỉnh nhà cùng chúng tôi lên đường.

Trong hành li đơn giản của anh, có một vật kỉ niệm rất quý: bộ quần áo xanh của anh Lê Hồng Phong mặc ngày còn ở Trung Quốc mà một đồng chí công nhân ở Nam Ninh đã giao lại cho anh. Qua Quảng Nam lên đèo Hải Vân. Ở đây cũng như ở nhiều quãng trên đường quốc lộ số 1, chúng tôi gặp từng đại đoàn lính Nhật lũ lượt ngựa nghèo, súng lớn, súng nhỏ, kéo nhau đến các địa điểm tập trung. Quan cũng như lính, mặt mày ủ rũ. Rõ là một đoàn quân bại chiến. Xe chúng tôi lên đến ngang đèo Hải Vân, lính Nhật mời chúng tôi dừng xe lại. Thấy trong xe chúng tôi có súng, bọn lính báo cho bọn quan của chúng, tên chỉ huy đến gặp chúng tôi, chúng tôi chỉ là cờ đỏ sao vàng cắm ở mũi xe, và đưa giấy ủy nhiệm của Tổng bộ Việt Minh ra. Tên quan xin lỗi và mời chúng tôi tiếp tục hành trình. Quảng Ngãi, không khí ở đây càng hùng hực khí thế đấu tranh. Biểu tình tuần hành vũ trang rầm rập. Chị em tự vệ cắt tóc ngắn kê mác vào bánh xe hơi chúng tôi, hô: « Dừng lại! ». Chúng tôi đưa giấy ra, các chị còn chưa nghe. Tôi phải xuống thuyết mãi, các chị nghe có lí, đưa đi gặp đồng chí phụ trách. Anh Trần Quý Hai vừa đi họp ở Tân Trào đã băng về đến lặn đây từ lúc nào rồi. Tưởng xe mình đi đã nhanh, anh em còn nhanh hơn mình nữa. Anh Hai đưa chúng tôi về nhà « boong-ga-lô (5) », bỏ dĩa cho uống rồi nói chuyện một lát, chúng tôi lại từ biệt, xe hơi cứ nhắm hướng Nam phóng mãi.

Đến Phú Yên, chúng tôi phải dừng lại cả một buổi. Hai nhóm Việt Minh cũ, mới có xích mích đòi chúng tôi giải quyết, chúng tôi phải ngồi lại nghe phân trần. Đôi bên đều hỏi « Hồ Chí Minh là ai? » và được trả lời thì ai cũng hỉ hả và việc trong nhà được dàn xếp yên vui.

Rồi xe chúng tôi lại rong ruổi trên con đường thẳng tắp đẹp vô cùng của miền Nam Trung Bộ, con đường có núi, có biển và có ánh nắng trong vắt.

Ở đây cũng như ở tất cả các chặng đường chúng tôi đã đi qua, cờ sao đã dấy san sát cả hai bên đường, dòng nước lũ của những đoàn biểu tình quần chúng, vừa đi vừa giơ nắm tay hô khẩu hiệu, không lúc nào ngớt. Làn sóng người đổ ra đường thiên lí tay cầm giáo, mác, dao búa, gậy tre, tay thước, nét mặt người nào người ấy lồng lộng một hào khí ngất trời. Chúng tôi đi không nắm chắc được tình hình của đoạn đường đằng trước mặt, vậy mà cả cuộc hành trình mạo hiểm lại là hết mừng này, đến mừng khác, vui bất tận. Trên cả một dải non sông dài dằng dặc, ở đâu cũng là một sức trời dấy mau lẹ phi thường. Chúng tôi đến đâu là ở đấy cũng đã giành được chính quyền rồi, đi đến đâu cũng là thấy cờ ta bay đằng trước mặt. Tiếng hô khẩu hiệu âm vang bên tai, bằng mọi giọng đường ngoài, đường trong mà cùng một dũng khí. Đường như có cả một luồng điện, cực kì mạnh, đã truyền đi, làm cả nước cùng dấy lên, cùng chuyển động. Luồng điện tháng Tám ấy là sức quật khởi sẵn có của một dân tộc anh hùng, những truyền thống cách mạng tốt tươi mà từ năm 1930 Đảng ta đã ra sức phát huy, ra sức bồi dưỡng. Luồng điện tháng Tám ấy là sức mạnh vô song của chính nghĩa, của đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng ta vô cùng chính xác, của những khẩu hiệu đấu tranh mỗi lúc của Đảng rất phù hợp với lòng dân, của công tác tuyên truyền, tư tưởng khởi nghĩa của toàn Đảng đã thấm sâu trong quần chúng. Luồng điện tháng Tám ấy là kết quả tất nhiên của cả một cuộc vận động bền bỉ đã xây dựng nên Mặt trận Việt Minh hùng mạnh, làm cho nhân dân ta đã được chiến thắng huy hoàng của Hồng quân Xô Viết và lực lượng chống phát-xít toàn thế giới cổ vũ, càng thêm tin tưởng sâu sắc ở lực lượng đoàn kết vô địch của chính bản thân mình. Cho nên, đến giờ nhất định của thời cơ thuận lợi, tiếng gọi khởi nghĩa của Đảng đã có tiếng vang nồng nhiệt trong mỗi con tim yêu nước, tất cả Việt Nam, trong cùng một phút, đã vùng lên!

Lời nói bất hủ (6) của Lê-nin trong giờ phút quyết định của Cách mạng tháng Mười, cổ vũ mạnh mẽ những người Cộng

hân Việt Nam « Do dự là chết. Phải táo bạo! Táo bạo! ». Tin tưởng vô cùng ở sức mạnh quần chúng anh hùng. Đảng ta, với không đầy 5000 cán bộ và đảng viên, với tinh thần táo bạo xung phong tiến lên đến tận trời, đã lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa và tổng khởi nghĩa toàn quốc thành công.

Vừa đúng một tuần sau khi rời Hà Nội, chúng tôi vào đến Biên Hòa, địa đầu Nam Bộ. Đêm đã khuya. Trạm gác ở giữa rừng. Các đồng chí ở đây giữ lại, gọi đây nói thỉnh thị Sài Gòn.

Chúng tôi ra đây nói trực tiếp nói chuyện. Đầu đây đảng kia là anh Nguyễn Văn Nguyễn. Giọng Nguyễn mừng rỡ:

— Chúng bay vào ngay. Đang cần lắm. Đêm nay vào ngay đi nhớ.

Chúng tôi lại lên xe. Xe chúng tôi đi trước. Xe sau là xe anh em tự vệ địa phương áp giải một bọn Pháp mới nhảy dù xuống rừng Biên Hòa bị anh em tóm cổ được không sót một tên và đem về nhốt ở khám lớn Chí Hòa.

Sài Gòn. Trong ánh đèn sáng rực của thành phố, màu đỏ của cờ càng long lẫy. Nguyễn gặp chúng tôi:

— Xong từ hôm qua rồi.

Anh đưa chúng tôi về ngủ ở Nam Bộ phủ, tức là dinh Thống đốc (7) cũ. Mới chợp mắt một lúc, Nguyễn đã đập cửa dựng dậy:

— Đại biểu các giới, các đảng phái hay tin đại diện Tổng bộ vào đang nhao nhao đòi gặp.

Tôi họp với Xứ ủy xong thì đi gặp hội nghị các đại biểu nói trên. Người hỏi chính sách này, người hỏi chính sách khác và cuối cùng, ở đây cũng như mọi chỗ khác, đều một câu hỏi:

— Xin cho biết Hồ Chí Minh là ai? Có phải là...

Còn ai nữa? Người đứng đầu Nhà nước cách mạng chính là lãnh tụ tôn kính, người chiến sĩ giàu kinh nghiệm của giai cấp công nhân, người con trung thành rất mực của nhân dân — đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tiếng hô đồng thanh vang dậy:

— Nhiệt liệt ủng hộ Chính phủ Trung ương do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Uy tín lớn lao của Bác cùng với ngọn cờ thắm máu của Đảng, của Việt Minh đã làm cho nhân tâm tức khắc quy về một mối. Khối đoàn kết dân tộc, lớn rộng hơn bao giờ hết, là nền tảng sắt đá của chính quyền cách mạng sơ sinh.

Tôi điện ra Bắc: « Hai mươi một tỉnh tôi đi qua đều đã giành được chính quyền. Khắp lục tỉnh Nam Bộ cũng đã xong ».

Hà Nội điện trả lời: « Ngày 2-9 làm lễ tuyên bố độc lập... ».

Như mỗi người dân nước, tôi không bao giờ quên được ngày 2-9-1945, ngày nước nhà tuyên bố độc lập. Ngày mở nước ấy, tôi được sống ở Sài Gòn, trái tim của miền Nam yêu quý giữa cả triệu đồng bào lòng hướng về Ba Đình Hà Nội, lắng nghe tiếng nói của Tổ quốc. Bác đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tiếng Bác vẫn âm, giọng Bác vẫn ôn tồn mà sang sảng như tôi đã nghe ngày nào ở rừng sâu Pắc Bó năm xưa.

Chú thích:

1. Bắc Bộ phủ: tức là phủ khâm sai thời thuộc Nhật, hiện nay là nhà khách Chính phủ.
2. Thị chính: cơ quan hành chính của thành phố Hà Nội.
3. Trại bảo an binh: trại quân đội của Chính phủ Trần Trọng Kim.
4. Hòa Hảo cứu quốc: chỉ một tổ chức cứu quốc gồm những người theo đạo Hòa Hảo ở trong Nam.
5. Boong-ga-lô: tên gọi một loại khách sạn thời đó.
6. Bát hủ: nổi tiếng (có giá trị mãi mãi).
7. Thống đốc: chức quan cai trị đứng đầu Nam Kỳ của thực dân Pháp.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình ảnh luồng điện sáng Tám nói lên những tính chất gì của cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám?
2. Bức tranh đất nước trải ra từ Bắc đến Nam trong những ngày Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám được tác giả vẽ ra trên suốt cuộc hành trình như thế nào? Cách tác giả miêu tả cảnh vật, kể lại sự việc, thuật lại lời nói của nhân vật có gì đáng chú ý?
3. Qua đoạn văn, em thấy lòng tin tưởng của nhân dân đối với Bác như thế nào? Mỗi tỉnh đồng chí chiến đấu giữa các chiến sĩ cách mạng có những biểu hiện gì làm em xúc động?

BÁC HỒ ĐỌC TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (1)

Mồng 2 tháng 9 năm 1945.

Hà Nội tung bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. Cờ bay đỏ những mái nhà, đỏ những rặng cây, đỏ những mặt hồ.

Biểu ngữ bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Hoa, Nga chằng khắp các đường phố: «Nước Việt Nam của người Việt Nam», «Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp», «Độc lập hay là chết», «Ủng hộ Chính phủ lâm thời», «Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh», «Hoan nghênh phái bộ Đồng minh»...

Các nhà máy, các cửa hiệu buôn to, nhỏ đều nghỉ việc. Chợ búa không họp. Mọi hoạt động buôn bán, sản xuất của thành phố tạm ngừng. Đồng bào Thủ đô già, trẻ, gái, trai đều xuống đường. Mọi người đều thấy mình cần phải có mặt trong ngày hội lớn đầu tiên của đất nước.

Những đồng người đủ mọi màu sắc, từ khắp các ngã tụt về vườn hoa Ba Đình.

Đội ngũ của những người thợ quần xanh, áo trắng, trán đầy sức mạnh và niềm tin. Người lao động bình thường hôm nay đến ngày hội với tư thế đường hoàng của những người làm chủ đất nước, làm chủ tương lai.

Hàng chục vạn nông dân từ ngoại thành kéo vào.

Những chiến sĩ dân quân mang theo cón, kiếm, mã tấu. Có những người vác theo cả những quả chùy đồng, những thanh long đao rút ra từ những giá vũ khí bày để trang trí trong các điện thờ. Trong hàng ngũ của các chị em phụ nữ nông thôn với những bộ quần áo ngày hội, có những người vẫn khăn vàng, mặc áo tứ thân, thắt lưng hoa lí. Cũng chưa bao giờ người nông dân ở những làng xóm nghèo quanh Hà Nội, đi vào thành phố với một niềm tự hào như ngày hôm ấy.

(1) Bài này trích ở cuốn *Những năm tháng không thể nào quên* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tên đầu bài là của chúng tôi.

Những cụ già vẻ mặt nghiêm trang. Những cô gái Thủ đô hơn hờ, áo màu rực rỡ.

Rộn ràng là các em thiếu nhi. Dù sự giàu nghèo của mỗi gia đình chưa đổi khác, nhưng từ ngày hôm nay, tất cả các em đều trở thành những người chủ nhỏ của đất nước độc lập. Theo nhịp còi của các anh, các chị phụ trách, các em khua rên trống ếch, giậm chân bước đều, hát vang những bài ca cách mạng.

Những nhà sư, những ông cố đạo cũng rời nơi tu hành xuống đường, xếp thành đội ngũ đến dự ngày hội lớn của dân tộc.

Nắng mùa thu rất đẹp, quảng trường Ba Đình từ giờ phút này đã đi vào lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang chung quanh lễ đài mới dựng. Các chiến sĩ quân giải phóng bừa trước theo Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa, từ Tân Trào tiến về phía Nam «đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch». Hôm nay, họ đã đứng sát cánh cùng các đội tự vệ của công nhân, thanh niên và lao động Thủ đô bảo vệ Chính phủ lâm thời.

Sau bao năm bôn ba khắp thế giới, mang án tử hình của đế quốc Pháp, qua mấy chục nhà tù và những ngày dài gỏi đất nằm sương. Bác đã trở về ra mắt trước một triệu đồng bào. Sự kiện lịch sử này mới hôm nào còn ở trong ước mơ.

Ba tiếng HỒ CHÍ MINH không bao lâu đã vang đi khắp thế giới với những truyền thuyết mà người ta thường dành cho các bậc vĩ nhân. Nhưng vào ngày hôm ấy, cái tên mới của Bác vẫn còn mới lạ với nhiều đồng bào. Số người biết Bác chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi đó không nhiều.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đã ra mắt đồng bào như một lãnh tụ lần đầu xuất hiện trước đông đảo quần chúng.

Đó là một cụ già gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo ka-ki cao cổ, đi dép cao-su trắng.

Mấy ngày hôm trước, một vấn đề được đặt ra là phải có một bộ quần áo để Bác mặc khi Chính phủ ra mắt đồng bào. Cuối cùng, Bác đã chọn bộ quần áo này. Hai mươi bốn năm làm Chủ tịch nước, trong những ngày lễ lớn của dân tộc, trong những cuộc đi thăm nước ngoài, Hồ Chủ tịch bao giờ cũng xuất hiện với một hình ảnh giản dị, không thay đổi. Vấn bộ quần áo vải, trên ngực không một tấm huân chương, y như lần đầu Bác đã ra mắt đồng bào.

Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Dáng đi này cũng làm cho đôi người lúc đó hơi ngạc nhiên. Họ đã không nhìn thấy ở vị Chủ tịch dáng đi trang trọng của những người «sang». Giọng nói của ông cụ phảng phất giọng nói của một miền quê đất Nghệ An.

Bác đã xuất hiện trước một triệu đồng bào ngày hôm đó như vậy.

Lời nói của Bác điềm đạm, dầm ăm, khúc chiết, rõ ràng. Không phải là cái giọng hùng hồn người ta thường được nghe trong những ngày lễ long trọng. Nhưng người ta tìm thấy ngay ở đó những tình cảm sâu sắc, ý chí kiên quyết; tất cả đều tràn đầy sức sống; từng câu, từng tiếng đi vào lòng người.

Đọc bản Tuyên ngôn Độc lập đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dừng hỏi:

— Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?

Một triệu con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm.

— Có. ồ. ồ!

Từ giây phút đó, Bác cùng với cả biển người đã hòa làm một.

Đây là bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa giành được độc lập bằng cuộc chiến đấu suốt tám mươi năm của dân tộc. Đây còn là những lời lẽ tâm huyết, đầy cảm kích của đội tiên phong giác ngộ nhất của giai cấp cách mạng nhất, có những người con tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, trước máy chém, trước miệng súng của quân thù, đã từng giết tám băng đen bịt mắt, hô lớn «Việt Nam độc lập muôn năm!».

Buổi lễ kết thúc bằng những lời thề độc lập:

— Chúng tôi, toàn thể dân Việt Nam xin thề:

«Kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh».

— Chúng tôi xin thề: «Cùng Chính phủ giữ nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược, dù có phải chết cũng cam lòng».

— Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

«Không đi lính cho Pháp,

Không làm việc cho Pháp,

Không bán lương thực cho Pháp!,

Không đưa đường cho Pháp!».

Một triệu con người, một triệu tiếng hô cùng hòa làm một. Đó là lời thề của toàn dân kiên quyết thực hiện lời Hồ Chủ tịch vừa đọc để kết thúc bản Tuyên ngôn:

«Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy».

«Bản án chế độ thực dân Pháp» đã có từ ba mươi năm trước đây. Nhưng hôm nay mới chính là ngày chế độ thực dân Pháp bị đưa ra cho toàn dân Việt Nam công khai xét xử.

Lịch sử đã sang trang. Một kỉ nguyên mới bắt đầu: Kỉ nguyên của Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

Bản đồ thế giới phải sửa đổi lại vì sự ra đời của một Nhà nước mới: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Cùng với cuộc Tổng khởi nghĩa nổ ra trong suốt hạ tuần tháng tám, Ngày Độc lập mừng 2 tháng 9 đã có một ý nghĩa cực kì trọng đại trong đời sống chính trị, tinh thần của dân tộc.

Điều lo lắng của Bác trước đây ba mươi năm: «Đồng Dương đáng thương hại! Người sẽ nguy mất nếu dám thanh

niên già cỗi của người không sớm hồi sinh, hôm nay, không còn là điều khiến cho Người phải băn khoăn. Cả dân tộc đã hồi sinh.

Độc lập, tự do đã đến với mỗi người dân. Mỗi người đã thấy được giá trị thiêng liêng của nó, thấy trách nhiệm phải bảo vệ. Vô vàn khó khăn còn ở trước mắt. Nhưng đối với bọn đế quốc, muốn phục hồi lại thiên đàng đã mất, mọi việc cũng không còn dễ dàng như xưa.

VÕ NGUYỄN GIÁP

(Trích Những năm tháng không thể nào quên)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Quang cảnh Thủ đô Hà Nội, hình ảnh các tầng lớp nhân dân và đặc biệt là hình ảnh của Hồ Chủ tịch trong ngày 2-9-1945 được tác giả nhớ lại và miêu tả trong đoạn hồi kí này như thế nào?
2. Phát biểu những cảm nghĩ của em khi đọc đoạn hồi kí này.

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC (1)

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Sẵn về thường chén thịt rừng quay.
Non xanh nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt chè tươi (2) mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa hạc cũ (3) với xuân này.

1947

HỒ CHÍ MINH

Chú thích :

(1) Khoảng đầu năm 1947, sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Chính phủ kháng chiến do Hồ Chủ tịch lãnh đạo từ Thủ đô tạm rời lên chiến khu Việt Bắc. Hội đồng Chính phủ đã họp lần đầu trong một cái miếu trên đường đi giữa hai huyện miền núi. Đồng chí Hoàng Hữu Nam — Thứ trưởng Bộ Nội vụ — lúc đó vừa đem một con lợn rừng mới săn được về. Vào khoảng chín, mười giờ đêm, Hồ Chủ tịch đi ngựa đến với một đồng chí đi theo. Các vị trong Chính phủ kháng chiến đốt lửa

ngay ở miếu, nướng ngô ăn. Sau bữa cơm có thịt lợn rừng, Hồ Chủ tịch đã làm bài thơ trên để tặng mọi người. Ngoài ra, mỗi vị còn được tặng ít thịt để mang về. Sau đó thì Hội đồng Chính phủ họp.

Bài thơ trên của Hồ Chủ tịch có tác dụng giáo dục, động viên nội bộ rất khéo léo, gây được một niềm lạc quan cách mạng ngay trong bộ phận đầu não cuộc kháng chiến của dân tộc ta trong những ngày đầu ở chiến khu Việt Bắc.

(2) Rượu của đồng bào miền núi nấu theo lối tự nhiên; và nước uống hãm bằng lá chè xanh.

(3) Hạc: loài chim cao cổ, mỏ nhọn, cổ dài. Mai (hoa) và hạc (chim) là những thi liệu quen thuộc trong thơ cổ, thường được coi như những người bạn thân thiết của các nhà thơ xưa trong cảnh sống ẩn dật thanh tao.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm tư tưởng chủ đề của bài thơ.
2. Bài thơ gây được hứng thú sâu sắc cho người đọc (đặc biệt là cho đối tượng được Hồ Chủ tịch làm tặng bài thơ này — xem phần chú thích). Vì lẽ: nó vừa mang phong cách mộc mạc, giản dị với một nội dung hiện đại, vừa mang phong cách dân tộc cổ kính của thơ xưa. Hãy tìm những chi tiết, hình ảnh thơ, và ý thơ để chứng minh.
3. Liên hệ với câu thơ « Trong bầu dãi, cổ phong lưu » của Nguyễn Trãi, nhà yêu nước và nhà thơ lớn của dân tộc ta xưa kia, để so sánh và tìm hiểu tâm hồn của Hồ Chủ tịch qua bài thơ này. Rút ra bài học thực tiễn đối với mọi người chúng ta ngày nay.

ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG Đáy

Dòng sông lặng ngắt như tờ,
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo,
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan.
Lòng riêng riêng những bần hoàn,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.

Mùa thu năm 1949

HỒ CHÍ MINH

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bằng những nét bút hết sức sinh động, bốn câu thơ đầu miêu tả bóng dáng con thuyền chạy trên sông giữa đêm khuya trong một khung cảnh bao la quanh quẽ, nhưng hồi hã khẩn trương. Hãy phân tích và chứng minh qua các hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu của đoạn thơ.

2. Qua hai câu thơ tiếp theo, chúng ta được biết cảnh vật đó đã tác động đến tâm tư của người chiến sĩ yêu nước đồng thời là nhà thơ như thế nào?

3. Phân tích sự chuyển biến mau lẹ của khung cảnh thiên nhiên và tâm tư con người qua hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu của hai câu thơ cuối (so sánh với đoạn thơ trên). Từ đó hãy nhận xét xem: những hình ảnh thơ ở đây có thể gợi lên ý nghĩa tượng trưng rộng lớn như thế nào ngoài ý nghĩa tả thực của nó?

4. Qua bài thơ này, em được hiểu biết gì thêm về tâm hồn của Hồ Chủ tịch? Về nghệ thuật thơ của Người? (Liên hệ với thơ tả cảnh và tả tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều mà ở đây ta có thể bắt gặp đôi nét bóng dáng).

ĐỒNG CHÍ

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
Anh với tôi: biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

1948

CHÍNH HỮU

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục bài thơ.

2. Tình đồng chí chiến đấu gắn bó giữa những người chiến sĩ dựa trên những cơ sở nào? Em hãy tìm những chi tiết, những hình ảnh thơ được tác giả khắc họa ở trong bài thơ để chứng minh.

3. Hình ảnh « đầu súng trăng treo » ở cuối bài thơ gợi cho em những cảm nghĩ gì?

BAO GIỜ TRỞ LẠI

Các anh đi
Ngày ấy đã lâu rồi
Xóm làng tôi còn nhớ mãi.
Các anh đi
Bao giờ trở lại
Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong.
Làng tôi nghèo
Nho nhỏ bên sông,
Gió bắc lạnh lùng
Thổi vào mái rạ.
Làng tôi nghèo
Gió mưa toi tả,
Trai gái trong làng vất vả ngược xuôi.
Các anh về mái ấm nhà vui
Tiếng hát câu cười
Rộn rã xóm nhỏ.
Các anh về tung bừng trước ngõ
Lớp lớp đàn em hôn hờ theo sau,
Mẹ già bịn rịn áo nâu
Vui đàn con ở rừng sâu mới về.
Từ lưng đeo

Đốc núi mù che.
 Các anh về
 Xôn xao làng tôi bé nhỏ.
 Nhà lá đơn sơ,
 Nhưng tấm lòng rộng mở,
 Nồi cơm nấu dõ
 Bát nước chè xanh
 Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau.
 Anh đi đánh giặc nơi đâu
 Chiềng Vang, Vụ Bản hay vào Trị — Thiên?
 Làng tôi thắng lợi vụ chiêm,
 Lúa ngô xanh ngon, khoai lên thăm vồng
 Giảm tô hai vụ vừa xong,
 Đêm đêm ánh đuốc dân công rực đường
 Dầu rằng núi gió, đèo sương
 So anh máu nhuộm chiến trường thấm chi.
 Bấm tay tính buổi anh đi
 Mẹ thường vẫn nhắc: biết khi nào về?
 Lúa xanh xanh ngắt chân đê
 Anh đi là để giữ quê quán mình
 Cây đa, bến nước, sân đình
 Lời thề nhớ buổi mít tinh lên đường
 Hoa cau thơm ngát đầu nương
 Anh đi là giữ tình thương dạt dào
 Các anh đi
 Khi nào trở lại
 Xóm làng tôi
 Trai gái vẫn chờ mong
 Chờ mong chiến dịch thành công
 Xác thù chất núi, bên sông đỏ cờ.
 Anh đi chín đợi, mười chờ
 Tin thường thắng trận, bao giờ về anh?

HOÀNG TRUNG THÔNG

(Rút trong tập *Thơ ca kháng chiến* —
 Nhà xuất bản Giáo dục)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích cách kết cấu và âm điệu của bài thơ. Tác dụng của nó trong việc biểu hiện nội dung tình cảm.
2. Đoạn hồi tưởng lại cảnh mừng đón bộ đội về làng gây cho người đọc nhiều cảm xúc, vì sao?
3. Phân tích tình cảm của nhân dân đối với đội quân cách mạng qua nỗi nhớ nhung, mong đợi của dân làng.

BÀI CA VỠ ĐẤT

Chúng ta đoàn áo vải
 Sống cuộc đời rừng núi bấy nay
 Đồng xanh ta thiếu đất cày
 Nghe rừng lâm đất lên dây với rừng
 Tháng ngày ta góp sức chung
 Vun từng luống đất, cuốc từng gốc cây.
 Đường xa ta tới đây
 Trên đồi cây khát nắng
 Giữa hai dòng suối vắng
 Đoàn ta vui cấy cày.
 Bàn tay lao động
 Ta gieo sự sống
 Trên từng đất khô:
 Bàn tay cần cù
 Mặc dù nắng cháy
 Khoai trồng thăm rẫy
 Lúa cấy xanh rừng:
 Hết khoai ta lại gieo vừng
 Không cho đất nghỉ, không ngừng tay ta.
 Suối chảy quanh ta
 Tiếng suối ngân nga
 Hòa theo gió núi,
 Ta đào mương mở suối
 Tuổi ta là những tuổi đầu tranh.
 Cho dù bạc áo nông binh (1)
 Vẫn còn vỡ đất cấy xanh núi đèo.

Chim reo trong lá
 Hòn đá cheo leo
 Chúng ta một lớp người nghèo
 Giữa chiều nắng gió
 Phạt gai, cuốc cỏ
 Tĩa đổ, trồng khoai.
 Ngày còn dài
 Còn dài sức trẻ
 Cuộc càng khỏe
 Càng dễ cây sâu.
 Hát lên! Ta cuốc cho mau
 Nhanh tay ta cuốc, ta đào đất lên.
 Bàn tay ta làm nên tất cả
 Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.
 Ta vui mùa lúa thơm
 Ta mừng ngày quả chín
 Gửi ra người tiền tuyến
 Diệt quân thù, gởi đất năm sương.
 Máu ai nhuộm thấm sao vàng
 Mồ hôi ta đổ xuống hàng rau tươi.
 Rừng xanh xanh cả máu người
 Còn mùa lúa tốt, còn tươi áo chàm.

1948

HOÀNG TRUNG THÔNG

(Trích Tuyển tập thơ Việt Nam 1945 — 1960)

Chú thích:

(1) Nông binh: bộ đội làm nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm chủ đề và bố cục của bài thơ.

2. « Bàn tay lao động

Ta gieo sự sống

Trên từng đất khô... »

Ý chí, sức mạnh bàn tay lao động và niềm lạc quan của người nông binh đã được biểu hiện sinh động bằng hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu

trong bài thơ như thế nào? Chứng minh bài thơ thực sự mang phong cách của một bài ca lao động.

3. « Bàn tay ta làm nên tất cả

... Có sức người sỏi đá cũng thành cơm... »

Từ việc « gieo sự sống » cho đất đai đồi núi khô cằn và gai góc, ý chí và sức mạnh bàn tay lao động của người nông binh đã chuyển hóa sự sống của đất đai thành sự sống của con người, hơn nữa thành sức mạnh chiến thắng quân thù như thế nào? Phân tích các hình ảnh thơ ở phần cuối bài để chứng minh.

4. Bài thơ gợi cho em những cảm nghĩ gì về đất nước ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay?

THĂM LÚA

Mặt trời càng lên tỏ
 Bông lúa chín thêm vàng
 Sương treo đầu ngọn cỏ
 Sương lại càng long lanh
 Bay vút tận trời xanh
 Chiến chiến (1) cao tiếng hót
 Tiếng chim nghe thánh thót,
 Văng vẳng khắp cánh đồng.
 Đứng chống cuốc em trông,
 Em thấy lòng khắp khởi,
 Bởi vì em nhớ lại
 Một buổi sáng mai ri (2)
 Anh tình nguyện ra đi
 Chiến chiến cùng cao hót
 Lúa cũng vừa sậm hót (3)
 Em tiễn anh lên đường.
 Chiếc xác mây anh mang.
 Em nách mo cơm nếp
 Lúa niu anh trật dệp
 Anh cúi sữa vôi vàng
 Vượt cánh đồng tắt ngang
 Đến bờ ni (4) anh bảo:
 — « Ruộng mình quên cây xáo (5)

Nên lúa chín không đều
Nhớ lấy đề mùa sau
Nhà (6) cố làm cho tốt ».
Xa xa nghe tiếng hát
Anh thấy rộn trong lòng
Sắp đến chỗ người đồng
Anh bảo em ngoái lại (7).

Cam ba lần có trái
Bưởi ba lần ra hoa
Anh bước chân đi ra
Từ ngày đầu phòng ngự.
Bước qua kì cầm cự
Anh có gửi lời về
Cầm thư anh mân mê
Bụng em giữ (8) pháp phối
Anh đang mùa thắng lợi
Lúa em cũng chín rồi
Lúa tốt lắm anh ơi
Giải thị đưa em giặt.

Xòe bàn tay bấm đốt
Tính đã bốn năm ròng
Người ta bảo không trông
Ai cũng nhủ đừng mong
Riêng em thì em nhớ
Chuối đầu vườn đã lổ (9)
Cam đầu ngõ đã vàng
Em nhớ ruộng nhớ vườn
Không nhớ anh rằng (10) được!

Mùa sau kể mùa trước
Em vác cuốc thăm đồng
Lúa sây (11) hạt nặng bông
Thấy vui vẻ trong lòng
Em trông ngày chiến thắng.

1-1-1950

TRẦN HỮU THUNG

1. *Chiến chiến*: một loại chim đồng nhỏ vừa bay thật cao vừa hót, tiếng nghe rất vui. 2. *Ri*: (tiếng địa phương) như thế này. 3. *Sậm hột*: nói về màu hạt lúa lúc đã bắt đầu chín. 4. *Ni*: (tiếng địa phương) này. 5. *Cây xáo*: cây lai để xáo trộn đất lên cho xốp trước khi làm mùa. 6. *Nhà*: đại từ, chồng dùng gọi vợ hay ngược lại. 7. *Ngoái lại*: quay cõ lại, đây dùng nghĩa rộng: quay trở về. 8. *Giữ*: bấy giờ, giờ đây. Cũng nói là *chừ*. 9. *Lổ*: trổ hoa, trổ bắp lên. 10. *Rằng*: sao, thế nào, tiếng địa phương. 11. *Sây* (hay là: sai): nhiều hạt, nhiều quả.

Bài này trích trong tập thơ *Đồng tháng Tám* của Trần Hữu Thung. Tập thơ gồm phần lớn những bài thơ tác giả làm trong kháng chiến chống Pháp, phản ánh cuộc sống ở nông thôn từ sau Cách mạng tháng Tám. Đề tài các bài thơ thường xoay vào những mặt sinh hoạt của nông dân trong kháng chiến, nhằm ca ngợi tinh thần đấu tranh dũng cảm chống đế quốc và phong kiến của nông dân.

Thơ Trần Hữu Thung giàu tính nhân dân và tính dân tộc; lời thơ giản dị, trong sáng, mang hơi thở của những điệu dân ca địa phương Nghệ Tĩnh (hát giặm, hát phường vải).

Bài thơ *Thăm lúa* này đã được tặng thưởng huy chương vàng tại Đại hội liên hoan sinh viên và thanh niên quốc tế họp tại Buy-ca-rét năm 1953.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tình cảm của người phụ nữ nông thôn đối với chồng đi chiến đấu ở đây đã được phản ánh như thế nào? (qua việc phân tích bức tranh tả cảnh, hồi ức về buổi tiễn đưa và nỗi niềm tâm sự). Chúng ta tìm thấy ở đây những nét gì tiêu biểu cho tình cảm cách mạng của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại hiện nay?

2. Nghệ thuật vận dụng những truyền thống thơ ca dân gian của tác giả ở trong bài thơ này đã thành công ở những điểm nào (cách biểu hiện tâm trạng theo thể *hưng* của ca dao, cách tính thời gian theo sự thay đổi của cây, quả...).

ĐỌC THÊM

VÙNG MỎ

của VÕ HUY TAM

Vùng mỏ là một tác phẩm được giải thưởng văn nghệ năm 1951 — 1952. Chủ đề tác phẩm là một cuộc đấu tranh không khoan nhượng của công nhân vùng mỏ trong thời gian kháng chiến chống Pháp.

Vàng mớ đã nêu lên bộ mặt phản động tàn bạo của bọn đế quốc, từ sản mại bản và sự đoàn kết, nhất trí của anh em phu mới, phu cũ, kiên quyết đấu tranh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, để thoát khỏi cảnh đói rét ốm đau, cơ cực. Vàng mớ đánh dấu một bước tiến của tiểu thuyết Việt Nam trên con đường vận dụng phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa.

KIÊN QUYẾT ĐẤU TRANH

Bảy ngày sau, cuộc bãi công vẫn kéo dài. Tuấn ra chợ đến đây hàng gạo, Den đang khảo gạo, ngừng đầu nhìn anh:

— Hôm nay giá gạo bảy đồng rưỡi.

Chị nói không được bình tĩnh, tay run run, Tuấn lặng nhìn.

— Chết, gạo thế này, cuộc bãi công đến nguy mất!

Có tiếng Tù... tù... tù... tù... tù... tù... từ ngoài biển đưa lại. Mặt Den tươi lên, hất đầu về phía bác hàng gạo.

— Tàu to về ăn than đấy, nhưng không có than nó phải nằm đấy mấy ngày rồi.

Tuấn cũng hớn hờ: « Phu không đi làm, mày còn cứ là nằm đấy mà kêu tù... tù... Ta vận động hai gia đình phu cũ chịu trách nhiệm giúp hai gia đình phu mới, người Nam Định giúp người Thái Bình, người Thái Bình giúp người Thái Bình ».

Bước khỏi hàng gạo, về đến đầu lán phu mới, anh vờ chặt mấy cây dóc (một loại tre) thông lỗ mìn, để nghe tình hình trong lán phu.

Thấy Bảo mặc sơ mi đen, nói to trong đám đông:

— Các anh em cố ăn đói một vài ngày nữa. Chúng ta trồng cây, đã gần đến ngày ăn quả. Hết gạo chúng ta xuống biển bắt cá, đào con móng tay (1) về bán. Còn một số bà con xuống làng làm thuê. Biển sẽ giúp chúng ta sinh sống.

Bảo vui vẻ vỗ tay ra biển:

— Hôm nay tàu to vẫn nằm ở ngoài kia đấy!

Có tiếng phản đối nhao nhao trong anh em:

— Chúng tôi đói lắm rồi!

— Chỉ mai là tôi đi làm.

— Không thể cứ giờ trò thế này mãi, đến chết đói hết.

Tiếng Bảo tin tưởng, tha thiết, nhưng tiếng cãi lại của anh em vẫn gay. Tuấn ước lượng có tới tám mươi phần trăm anh chị em muốn đi làm. Bảo vẫn bình tĩnh. Bỗng có tiếng cãi nhau to ở đầu lán. Bác Khiết bị một cái tát. Thằng áo vàng vừa đi vừa chửi:

— Nghỉ mãi ông cho cứ là nhà pha (*) chặt và chết đói nhân rằng. Tuấn cầm mấy cây dóc đi. Mìn ra đầu phố đón.

— Chết, gạo mỗi ngày lên một giá, bà con đều hết lòng giúp đỡ, nhưng không lại được.

— Giờ ta đi vận động anh em phu cũ nuôi các gia đình anh em phu mới.

Về nhà Tuấn không ăn cơm, lại lên Tài Bá. Qua lán phu mới, tiếng xôn xao vẫn không ngớt. Thấy Bảo đi về phía Tài Bá. Để khỏi bị nghi, Tuấn rẽ vào nhà thông tin bù nhìn để xem tranh ảnh và tin tức. Thấy máy phát thanh của nó rè rè nói: « Quân đội Pháp đã rút khỏi Bắc Cạn, một tỉnh khô cạn không có lợi gì về quân sự và các mặt, ở phía bắc Bắc Việt ». Vừa đến đấy, một anh phu đi qua nhờ nước bọt:

— Bớ chúng nó nói láo, thua chạy lại cộn già mồm! Cụ Thử đập cái lão-lé (s) vào áo một anh!

— Nghe nói quang lâm gì, về mà nghỉ cho nó khỏi mệt. Bắc Cạn khô cạn không có lợi mà lại có mỏ vàng, bíp sao nổi, tôi đã làm tàu quốc ở đấy mãi.

Đám anh em phu về lối phố, Tuấn vẫn nghe tiếng họ vang lại:

Cứ nghỉ cho nó ít lâu, cho nó trắng mắt ra. Tàu Mĩ nó ộp lại, không thấy ông bà ông vải à?

— Giờ anh em đánh mạnh, nó bỏ khu mỏ này, chắc ra-di-ô của nó lại lấp liếm: « Quân đội Pháp đã rút khỏi khu mỏ... ở đấy không có lợi gì về quân sự. Việt Minh đến cũng chẳng làm được cái gì! ».

Một lúc, Tuấn ra khỏi phòng thông tin, nghe phía kho có tiếng nổ và người xô đến đông quá. Tuấn chạy ra đã thấy Bảo trúng đạn nằm chết vật ra đường. Một cái gì đưa lên cổ, Tuấn tưởng nghẹn họng. Có trấn tĩnh, anh quay về. Mìn cầm hộp dầu con hồ đến xoa cho anh. Den cầm nón vào vội vã.

— Ở phố nó vừa giết người, bác Hai phu mới bị một phát súng lựu, Den ngơ ngác nhìn Tuấn.

— Bác Tuấn làm sao thế?

Mìn đáp:

— Anh ấy nhưế đầu.

Không khí nặng nề, ngột ngạt. Den ngẩn ngơ cầm nón ra về. Tuấn Mỳ mùi soa lau mặt. Mìn bảo Tuấn:

— Em lo cho việc của anh em mới lắm, anh Bảo chết, việc bãi công khéo đến...

Tuấn nhìn Min, Min im, Tuấn nói:

— Chúng ta không thể dễ yên được, cô phải đến Tài Bá và Chắt ngay. Bảo họ vận động đi đưa đám.

Min đi. Tuấn nằm xuống, nhắm mắt: « Hơn tám mươi phần trăm đòi đi làm, người trực tiếp lãnh đạo thì bị ám sát, đến nguy mất... »

Không thể thất bại được, tiếng còi tàu vẫn rúc, quái nó kéo còi làm gì nhỉ? ».

Từ... từ... từ...

Anh đứng dậy, đi ra hè, cụ Tiến ở ngoài vào:

— Hân vợ chồng anh Diễm đem cả hai cháu ra chỗ anh phu mới bị bắn. Tội, anh ấy khỏi ngờ, rần rỏi quá, mắt anh ấy trợn ngược lên, nhìn về nhà chủ nhất. Anh Tuấn có ra một tí thì ra, tôi trông nhà cho, bạn áo ngắn với nhau cả, « thân cò cũng như thân chim ».

— Vâng!

Nghe cụ Tiến nói, ruột anh xót như bào. Anh không đợi nữa, đầu trần đi ra đường. Đến nơi người đen ngòm xung quanh Bảo, Bảo đã được đặt trên một tấm chăn. Ba người phu mới và một phu cũ khiêng anh vào lán. Bà Tài Kha đầu bạc phơ, đi sau con, bà không nói và không khóc. Bang (4) Thanh và mấy thằng cảnh sát đương lập biên bản. Người khắp nơi kéo về, nhưng không một tiếng nói. Trời như chóng tối, mưa phùn, đèn đã tỏa sáng choang trên lán và ngoài phố. Còi thiết quân luật đêm đã vang lên. Phố càng vắng. Bà Tài Kha ngồi bên thì hải Bảo dưới ngọn đèn dầu, nét mặt vô cùng đau đớn. Phía đối thông, con cù rúc thâu đêm, điệu nhạc nào nùng như thâu vào trong đầu người thợ mỏ. Tuấn càng nghĩ càng đau, anh vẫn luẩn quẩn ở lán phu mới, anh nhìn ra ngoài trời, buồn, thương như ở cả cảnh vật. Bỗng anh nhìn về phía nhà bà Gái:

« Minh cứ ở đây, mặt thám có thể vào sờ đen thì sao? Không lợi ».

Anh bước ra nhưng mắt còn nhìn Bảo hai ba lần. Anh nghĩ tới năm năm trước, anh cùng Bảo hoạt động cách mạng ở Hải Phòng, anh em đã phải ăn đậu nành trong phân ngựa. Rồi mỗi người một ngả cho đến bây giờ mới được gặp nhau. Cái áo hôm nọ anh đưa Bảo mặc nay đã nhuộm đầy máu, anh như đứt từng khúc ruột.

Anh gõ cửa, bà Gái ra mở.

— Tôi nấu cả cơm anh, nhưng đã nguội rồi.

— Con không ăn đâu bà ạ!

Thấy nét mặt anh đăm chiêu, biết ý, nên bà không ép như mọi ngày, bà chỉ vào giường:

— Thế anh vào mà nghỉ. Chị Min vừa bảo tôi, sáng mai cả hàng phố đi đưa đám ma anh Hai phu mới.

Tuấn vào ở rơm nằm, nhưng không sao chợp mắt được. Anh dậy hút thuốc lá hai ba lần. Có lẽ cả các khu thợ và phu cũ ở cũng không ngủ. Tuấn vẫn nghe thấy tiếng trở mình, tiếng thổi thảo. Xe cảnh sát đi tuần ngoài phố.

Miếng gỗ ngoài cửa mở, chú Lê thò đầu vào.

— Anh Thiết và Tài Bá đã đến.

Chú đưa hai người vào, khép cửa lại, rồi ra đứng canh ngoài bóng tối. Tuấn khoác chăn ngồi dậy:

— Việc Bảo thì ta báo cáo về Thị (5)...

Giọng nói anh thông thả, đau đớn... Gian buồng yên lặng đến hai phút. Bỗng tiếng còi giả cấm vang lên trong đêm sương.

— Tinh thần anh Bảo không chết!

Tuấn nói, tiếng dần trong tiếng còi.

— Cuộc đình công này gặp nhiều trở ngại quá, việc anh em cũ giúp gạo chưa đủ làm cho thắng, giờ các đồng chí định thế nào?

Thiết thông lò, than hồng lên, ánh lửa chiếu vào mặt đỏ như lửa, anh nói, giọng cứng cỏi:

— Anh em cũ cần giúp anh em mới bằng lân công, bãi công, phá hoại trên từng, để sẽ bớt gánh nặng cho nhau, chúng ta nhất định thắng!

Tuấn bóp mạnh vai anh:

— Lân công, phá hoại, bãi công, sở thiếu than, tàu biển năm khăn, phu mới thắng. Tìm được cách giải quyết rồi!

— Nhưng thế đứng của ta còn chưa có chỗ lùi để đánh, ngộ nó biết hết gạo, nó dọa không thuê nữa, làm thế nào?

Tài Bá lật ngửa bàn tay đang hơ trên lò:

— Tâm lí họ nhớ nhà lắm rồi, xoay khâu hiệu, đòi « trả tiền về quê ».

— Vững vàng rồi!

— Chắc chắn rồi đấy!

Nghe tiếng móc lò đập vào than, thấy hiệu chú Lê chạy vào:

— Vâng các anh cứ về, em sẽ truyền tin cho anh Chắt.

Tuấn cầm đèn đất ra lán, đến nơi thấy thì hải Bảo đã nằm trong cái quan tài gỗ gạo, đặt trên cỗ đòn sơ sài, đưa ra. Thợ, phu và đồng bào buồn bán theo sau. Bước trong đám người, Den đi không vững. Bà Gái đưa Den về nhà. Den lại chạy theo. Sở mặt thám nghĩ, chị Minh, chị Tuyến, chị Lê phải đi Den đi tự nhiên, để nó khỏi đề ý. Cảnh sát, mặt thám lảng vảng trên hè, người kéo theo tiếp nhau không ngớt. Trời hơi mưa, anh chị em mượn có ấy nghĩ việc để đi đưa ma. Sau linh

đầu, người nhích đi những bước chậm. Người đông như kiến, không có tiếng trống, tiếng kèn. Chỉ nghe thấy tiếng chân, tiếng dép, tiếng giày trên đường đá. Thăng quan hai ra ngã ba, nó định khùng bố tinh thần phu và thợ bỏ sở, nhưng nó thấy mọi người nghiêm quá, lặng lẽ, không ai nhìn đến nó, nó lại đi về. Đến nghĩa địa, chiếc quan tài đặt xuống tuyết, quan tài vừa đặt xuống, mỗi người một hòn đất, phút chốc đất đã bằng mặt cỏn, rồi đắp thành cái nấm hình chữ nhật. Bà Tài Kha ngồi ở đầu mã, lấy khăn lau nước mắt. Den quý trước mã ôm lấy bà. Một số người đọc kinh cầu nguyện.

Tiếng thút thít khắp trong đám người, không những các chị em mà cả các cụ, các thanh niên, ai cũng không cầm lòng được.

Hàng phố ra về, bà Gái diu Den về nhà. Tuấn theo đoàn người về lán. Anh em phu mới, sau khi đưa đám anh Bảo, số người muốn đi làm rút xuống chỉ còn mười lăm phần trăm. Tuấn về địa điểm số 5. Tài Bá, Tư đã ở đấy. Tư đứng lên, đến gần anh:

— Việc giúp đỡ anh em phu mới, bà con ai cũng hết sức, nhưng gạo cứ mỗi ngày lên một giá. Anh em phu mới nay tinh thần đã lên. Nhưng có anh Hai được việc nhất thì lại chết, gạo thế này khéo...

Tuấn lấy tay vuốt tóc:

— Anh Hai anh ấy chết đánh phẫn anh ấy, nhưng còn những người sống phải có việc của người sống, tôi định thế này, anh Bá liên lạc chặt chẽ với cụ Tài Kha và bác Khiết, cụ ấy ở mỏ đã lâu, thạo, quen thuộc nhiều, có thể giúp đỡ nhiều về chỗ ăn ở của phu mới, nên ai cũng yêu mến, cụ ấy nói bà con rất nể. Anh Tư thì rảo riết vận động cứu tế cho những anh chị em nghèo. Còn việc điều tra tình hình, tôi sẽ tổ chức một bộ phận đặc biệt.

Tuấn và hai người ra, anh lại lên tầng làm.

Ngày thứ ba, tình hình như thường.

Ngày thứ tư, năm mươi phần trăm muốn đi làm.

Ngày thứ năm, năm mươi phần trăm muốn đi làm.

Ngày thứ sáu, sáu mươi phần trăm muốn đi làm.

Ngày thứ bảy, bảy mươi bảy phần trăm muốn đi làm.

Chủ nhật, sáu mươi bảy phần trăm muốn đi làm.

Thứ hai, tám mươi phần trăm muốn đi làm.

Tuấn về nhà, đang ngồi, Min vọt thúng gạo vào nhà.

— Sao, sáng mai họ đi làm à?

Tuấn cố trấn tĩnh. Rồi Tuấn nằm ngả xuống giường. Min đứng yên một lúc. Tuấn lại trở dậy. Min đi theo. Tuấn quay lại:

— Cô ở nhà, chiều đợi tôi bên bà Gái.

Tuấn đến nhà Tài Bá, Tài Bá cũng vừa ở chợ về vẻ mặt thiếu bình tĩnh.

— Đến nguy mất, mai anh em họ đi làm.

Tuấn giơ hai tay ra hiệu, Tài Bá ngừng:

— Anh giới thiệu tôi với cụ Tài Kha để tôi nói chuyện với cụ.

Tài Bá vào nhà trong. Cụ Tài ra gặp Tuấn. Tuấn hỏi thăm về Bảo và nói rõ chuyện ngày trước với Bảo, anh em đã gặp nhau ở Hải Phòng, rồi anh đem việc các anh em phu mới bàn với cụ. Cụ Tài Kha nói:

— Được, việc ấy tôi có thể nhận được!

Tuấn chào cụ, bắt tay Tài Bá, anh em lại vui bình tĩnh về. Đến nhà bà Gái, Tư và Min đã ở đấy. Tư vui hẳn lên:

— Tôi vừa nghe được tin một gia đình anh em phu cũ nhận nuôi một gia đình anh em phu mới, người Thái Bình nuôi người Thái Bình, người Nam Định nuôi người Nam Định và...

Min ngắt lời:

— Và sau khi vận động kết quả, thì anh em phu cũ nhận nuôi các anh em phu mới không kể gì quê hương. Họ cứ nhận bừa là người nhà quê, họ giúp đỡ. Tụi Pháp không thể bỏ tù được cả sở.

Tuấn ngồi vào ghế:

— Nhưng anh em sáng mai họ đi làm!

Min nhún đôi lông mày lại:

— Anh có thể làm thế nào « gượng » lại được không?

Tư thở dài:

— Nếu gượng lại được nửa buổi sáng nữa, thì nhất định thắng. Hôm nọ đến nay mưa mất buổi, anh em cũ làm vờ, phá, nghỉ nhiều, giờ chỉ xáo xạc một ít người, tăng sạt, lò sập, máy xúc xe hỏa tháo tung ra rồi, thợ nghỉ không lên lấp, lâu về ăn than vẫn nằm khàn ngoài biển, nó đang cần than lắm, hôm qua chủ nhất định gọi anh em lại nói chuyện.

Tuấn với cái tấm ở ống:

— Tôi đã có một cách giải quyết, anh cứ làm như cũ chúng ta vẫn còn nhiều hi vọng!

Tư và Min đứng lên:

— Bà nấu cơm mình anh Tuấn ăn thôi, chúng tôi đi về

Hôm nay bà xào đậu hòa lan với thịt cho Tuấn ăn. Anh ăn được nhiều, chưa bao giờ khi lo nhiều mà anh lại ăn ngon miệng như vậy.

Ngoài biển đông ngòm những anh chị em phu mới, đi hoi cá và đánh hà. Các bà con ở biển chỉ cho họ cách bắt cá.

Tuấn ngủ, đến gà gáy, anh dậy đi làm, đến gần lán phu mới.

Anh em phu mới sắp sửa đi làm, đứng đây cả một lần dài đợi một lúc lâu, trong bóng trời còn tối, Bắc Khiết nói:

— Các anh em bà con chú ý, cụ Tài muốn nói chuyện với chúng ta.

Có tiếng nói:

— Cụ dạy gì xin cứ dạy.

Bà đến trước mọi người, dưới một ánh đèn yếu ớt.

— Tôi xin thưa với tất cả các cụ, các ông bà và anh chị em. Con tôi chẳng may bị bắn, tôi xin thay mặt nó để nói với anh em bà con một vài lời. Dù nó đã chết cũng được mất vong hồn.

Bà rút khăn lau nước mắt. Mọi người yên lặng. Mấy chị áo nâu ngồi gần bà, nước mắt chạy quanh, ngẩng nhìn mọi người. Bà nói tiếp:

— Vì người ta lừa dối nên anh chị em, bà con bị khổ, làm ăn vất vả, nhà không có mà ở, giường chiếu, nồi bát không có, ốm sốt rét, ho, sâu quăng, rét, chết. Không chịu được, bà con nghỉ để dời nhà ở, bớt giờ làm để người ta nói giúp cái nút ở cổ chúng ta ra một ít. Vì sốt nắng đến công việc chung, mà con tôi đã phải chết. Nhưng nó chết đi là để anh em, bà con được sống. Bây giờ anh em, bà con đã làm thì làm hẳn chứ cứ đánh rần giữa khúc, thì mỗi ngày một khổ, mà rồi cũng đến chết hết (bà khóc)... Nếu bà con đi làm, thì thật là con tôi chết oan (bà lại khóc)... Anh em, bà con nên nghĩ cho kĩ, rồi hãy đi làm. Con tôi dù bị chết ngay, mà bà con được sống, tôi cũng vui.

Khi đó anh chị em lại âm ỉ:

— Nhất định không đi làm.

— Ai đi làm là vô lương tâm, là phản bội.

— Dù chết cũng không chịu đi làm.

Ủ... Ủ... Ủ... Ủ...

Tầm gọi làm một lượt. Thằng chủ nhất và xếp Kinh đến. Hân đi thẳng vào đoàn người, nói một tràng tiếng Pháp. Xếp thông ngôn:

— Các anh định đi làm phải không?

— Chưa được như lời hứa, chúng tôi phải làm quá sức mình, chúng tôi chưa đi làm.

— Chúng tôi chưa đi làm, ông muốn làm gì thì làm!

Tài Bá máy Khiết, Khiết truyền đi:

— Không được khiêu khích, không được nói láo, anh em tôi anh nói láo ra.

Anh em lòi ra một người:

— Người này không phải của chúng tôi.

Vấn ôn áo. Không còn ai nghe được gì nữa. Thắng chủ nhất xua tay, xếp Kinh nhìn mọi người:

— Đề một người nói.

Anh Khiết mặc áo nâu bạc, đến trước chủ nhất:

— Chúng tôi muốn ông chủ trả lời chúng tôi những điều đã ghi trong đơn.

Chủ nhất nhìn ra ngoài. Bấy giờ tầm một lượt lâu rồi, những phu và thợ cũ vẫn đứng đặc trước lán. Chắt nói khẽ:

— Chúng ta hãy ở đây xem chủ nhất nói chuyện với phu mới.

Chủ Sáng gật đầu. Người mỗi lúc một đông, dần dần biến thành một cuộc đình công để ủng hộ cuộc bãi công lớn. Tuần ra chỗ Tài Bá. Mìn, Den lách trong đám đông. Chủ nhất đứng dậy nhìn ra đám thợ và phu cũ. Họ không sợ, họ vẫn đứng yên nhìn lại, chủ nhất quay lại đám phu mới:

— Nếu các anh không đi làm sở không mượn các anh nữa, các anh nghĩ sao?

Những cánh tay nắm chặt lại giờ lên, cả anh chị em cũ đứng phía ngoài cũng gào thét lẫn trong ấy:

— Phải bồi thường chúng tôi tiền về quê.

— Không mượn, phải trả tiền cho chúng tôi về quê.

— Phải trả liền chúng tôi về quê!

— Phải trả liền chúng tôi về quê! (6)

Trích Vàng mỏ (Chương XIX — XX)

Chú thích:

1. Cây: một loại giống như cua (nhút như cây). Con móng tay: một loại giống như hến nhỏ ở biển, dài như móng tay. 2. Nhà pha: nhà tù. 3. Lắc-lê: biến âm tiếng Pháp, chỉ một dụng cụ để vặn các đinh ốc. 4. Bang: bang tá, một chức quan lại nhỏ, coi việc trật tự, an ninh, có từ sau năm 1930. 5. Thị: tức thị ủy, ban chấp hành đảng bộ thị xã. 6. Khi đọc và bình chú chỉ đọc và bình chú phần in chữ lớn. Phần in chữ nhỏ chỉ dùng cho học sinh tham khảo.

ĐẤT NƯỚC ĐỪNG LÊN

của NGUYỄN NGỌC

Đất nước đừng lên miêu tả cuộc chiến đấu bền bỉ, gian khổ và rất anh dũng của anh hùng Núp cùng với nhân dân Ba Na chống thực dân Pháp xâm lược.

Đất nước đừng lên là cuốn truyện dài được giải nhất giải thưởng văn học của Hội Văn nghệ Việt Nam năm 1954 — 1955.

Đất nước đừng lên không những được đọc rộng rãi trong nước mà còn được dịch ra nhiều thứ tiếng, được nhân dân Cuba và các nước ở châu Mỹ la tinh rất ưa thích.

Tác phẩm có ba phần lớn:

Phần thứ nhất:

Dân làng Kông Hoa do Núp dẫn đầu rời làng đi chống Pháp. Pháp bắt một số bà con, nên cả làng phải trở về nơi ở cũ giả hàng.

Phần thứ hai:

Cách mạng tháng Tám bùng nổ và thắng lợi. Người dân Tây Nguyên lần đầu tiên vui sướng đón chào tự do, độc lập, và biết có Bác Hồ. Nhưng thực Pháp lại quay trở lại.

Được cán bộ của Đảng giác ngộ, Núp lại dẫn dân làng Kông Hoa đi lập làng mới, kháng chiến.

Những khó khăn như thiếu muối, thiếu lương thực..., đã làm cho lập thể đó có lúc dao động. Một số đã trở về làng Hà Ro sống tập trung dưới quyền kiểm soát của giặc. Nhưng Núp đã kiên trì giải thích, giúp đỡ những người đó trở về làng kháng chiến. Họ làm chông, làm bẫy đá... để chống Pháp. Họ vượt mọi khó khăn, thiếu thốn; không có muối phải ăn tro tranh, không có dao, dùng đá để đốn cây, phá rế. Cuối cùng, người dân Kông Hoa đã tổ chức du kích, làm hầm bí mật, rào làng kháng chiến để bảo vệ nương rẫy.

Phần thứ ba:

Núp đi giải thích cho các làng Hà Ro, Đê Pô, Ba Lang cũng làm như làng Kông Hoa để chống Pháp. Phong trào chiến tranh du kích lan rộng ra cả vùng (không còn chỉ riêng ở một làng Kông Hoa nữa). Các dân tộc Tây Nguyên đã đứng cả lên chống Pháp thắng lợi.

NGƯỜI ĐẢNG

... Núp ngồi trong chòi anh Thế, giữa rừng Ba Lang bên sông Xá. Núp nhớ lại hơn mười năm trước đây, đi qua con

mười Đất Hoa, xuống coi Pháp ở An Khê, Núp gặp một ông già, áo khố bị Pháp thả bom cháy cả, phải đeo một miếng vỏ cây trước bụng. Ông già cầm một đứa bé, cha mẹ vừa bị Pháp đánh, về đau rồi chết... Từ đó đến nay đã mười lăm năm. Đứa bé bây giờ đã lớn lên rồi. Nó đen như một hòn than, tóc bù xù không làm tối được đôi mắt rất sáng. Khi nó nói chuyện Pháp, nó như một con beo, găm gù, dữ tợn. Đứa bé đó trùng tên với em Núp. Nó là Xá ngày nay đây.

Xá lớn lên ở Ba Lang. Năm mười tuổi, Xá theo lũ làng đi làm xấu cho Pháp. Pháp đánh, Xá chửi lại rồi bỏ chạy trốn vào núi. Năm mười hai tuổi, nghe ở làng Kông Hoa có anh Núp đánh Pháp, Xá muốn đi tìm mà không biết ở đâu. Xá hỏi anh Khuru là người khá nhất trong làng Ba Lang. Anh Khuru nói:

— Làng Kông Hoa có đề Núp đánh Pháp tốt lắm. Xá hỏi:

— Thế sao anh Khuru không theo anh Núp đánh Pháp?

Khuru vỗ đầu đứa con gái nhỏ của anh, nói:

— Tôi còn cha, còn mẹ, còn đứa con gái này, cái chân còn nặng lắm, không bỏ làng đi được. Đi theo anh Núp thì phải khổ. Con tôi chịu khổ lắm không nổi...

Từ khi có anh Thế lên ở ngoài rừng, bắt liên lạc với anh Khuru, Xá theo anh Khuru ra rừng gặp anh Thế, rồi theo anh Thế, không muốn rời. Năm nay Xá mười lăm tuổi rồi. Xá làm liên lạc giữa anh Núp và anh Thế từ một tháng nay. Cả làng Ba Lang chỉ có một mình Xá được anh Núp chỉ cho biết con đường bí mật vào làng Kông Hoa. Xá không được nói lại với ai, cả với anh Thế nữa. Anh Thế ở một cái chòi ngoài rừng, có gì cần gặp anh Núp thì Xá đi kêu, có gì cần nói anh Núp thì Xá đi nói giùm... Buổi sáng nay, anh Thế nhờ Xá đi kêu anh Núp. Xá đi rất nhanh, bây giờ dẫn anh Núp về đến chòi anh Thế ở đây. Anh Núp ngồi bên cạnh Xá, Xá mở một quyển sổ nhỏ, tay cầm cây viết chì tô theo các nét chữ anh Thế mới phóng cho chiều hôm qua, Núp chống tay lên cằm, ngồi nhìn tay Xá chăm chú. Đợi Xá run run tô xong một vòng tròn trên giấy, Núp hỏi:

— Xá à, anh Thế bày lâu chưa mà Xá làm được cái chữ đây.

Xá ngược lên cười:

— Bày năm ngày rồi, tôi biết chậm quá mà.

Anh Thế đang cúi tìm cái gì trong một cái túi vải, không ngẩng lên, nói:

— Không chậm đâu, Xá học thế nhanh đấy. Học hai tháng nữa đọc được cái giấy đây...

Núp lại ngồi nhìn Xá. Anh nhớ lại những ngày tuổi trẻ của mình. Trong bụng vừa mừng, vừa thương Xá, thương anh Thế. Anh Thế nói:

— Mai một anh Núp cũng học chữ nhé.

Núp cười:

— Tôi già rồi, không học chữ được đâu, học đánh Pháp thôi.

Từ một tháng nay, cứ ba ngày, năm ngày, Núp lại đi đến rừng Ba Lang gặp anh Thế một lần. Càng ngày Núp càng thấy anh Thế giống anh Cầm ngày trước, càng thấy trong bụng mến anh Thế hơn. Mỗi ngày Núp nói cho anh Thế biết thêm một ít tình hình làng Kông Hoa. Mỗi lần gặp nhau nói chuyện, anh Thế cũng bày cho Núp thêm một vài điều mới. Núp nghe lời anh Thế, đã nói được lũ làng chịu làm rẫy chung. Mấy năm trước chưa biết, chỉ người nào cặm cui làm rẫy người nấy, người mạnh thì đủ ăn no, người già, yếu, góa, bỏ côi, một mình không làm nổi, cuối năm đói, lũ làng phải chung gạo, chung bắp lại giúp. Bây giờ biết tập trung lại hết, chia cho từng lớp làm chung, lớp nào cũng có người mạnh, người yếu. Hôm nay kéo hết tới chặt cây đốt rẫy cho bếp này, ngày mai lại kéo hết tới chặt cây đốt rẫy cho bếp khác. Làm rất mau rẫy nào cũng tốt, cuối năm nay chắc bếp (1) nào cũng dư ăn. Trong làng có việc chi khó, Núp đi tìm hỏi, anh Thế đều bày cho làm được tốt hết cả...

Núp vẫn ngồi im nhìn Xá cặm cui viết, rồi quay lại nhìn anh Thế. Xá bây giờ quán quýt lấy anh Thế, ban đêm cũng ở ngoài rừng ngủ chung, ban ngày đi tìm được con ốc, con cua,

con cá dưới suối cũng đem cho anh Thế. Núp nghĩ tới là làng cũ thúc Núp: «Dẫn anh Thế về đi, sao Núp để lâu thế». Thôi, lần này tĩa lúa xong, làng hết củ (2), anh Thế được về Kông Hoa cho lũ làng thấy mặt rồi đấy. Trong bụng nghĩ vậy, nhưng chưa nói gì cho anh Thế biết cả.

Anh Thế rủ Núp ra ngồi dưới một gốc cây kơ pông rất lớn. Cành cây to và dài, lá chùm gửi mọc dày, ngo như cánh tay một con vượn rất lớn đưa sà xuống muốn nhúng hẳn vào dòng suối nhỏ, nước trong chảy lạnh tanh phía dưới.

Hôm nay anh Thế nói chuyện không nên chạy làng nữa. Núp mở to mắt, nhìn cành cây kơ pông:

— Không được anh Thế à, không phải người Kông Hoa muốn chạy mãi đâu. Nhưng ở một chỗ thì đánh không nổi Pháp, nhất định Pháp đánh mình phải thua. Đánh bấy đá, đánh chông được một lần, lần sau nó biết chỗ đánh không được nữa, nó đem máy bay tới thả bom, không có con đường chạy. Người Kông Hoa bây giờ phải như con thú trong rừng, bữa nay ở bụi này, ngày mai ở bụi khác...

Thế hỏi:

— Còn rẫy thì sao?

Núp thở dài:

— Cũng phải chịu thôi. Chạy được gần thì làm rẫy cũ. Khi phải chạy xa thì bỏ luôn thôi. Khắp quanh núi Chư Lây này bây giờ rẫy người Kông Hoa bỏ chỗ nào cũng có đấy... Không phải người Ba Na bụng không biết thương cái rẫy mình làm ra đâu. Đất cái rẫy đó thấm máu cái bàn tay người Kông Hoa, thấm mồ hôi người Kông Hoa. Tiếc lắm, nhưng làm sao!

Thế bứt một cái lá, chậm rãi xé làm đôi, làm tư, làm tám, rồi vò nát, ném xuống đất, phui tay. Thế nói:

— Bok Hồ (3) dạy: phải làm rẫy ăn no thì mới đánh Pháp lâu được. Chạy mãi, bỏ rẫy mãi thì không no được, không đánh lâu được. Bây giờ phải tìm cách ở một chỗ, đánh Pháp làm rẫy, không chạy nữa...

— Cách gì?

— Phải tổ chức làng lại, anh Núp à.

— Tổ chức sao?

Suối ngày hôm đó, anh Thế bàn với Núp cách tổ chức lại làng Kông Hoa thành làng kháng chiến, không chạy nữa, phải tổ chức dân quân, phải làm thêm nhà bí mật, làng bí mật trong rừng già, bót lúa, phải làm đường bí mật cho người già, phụ nữ, con nít rút lui khi Pháp tới, phải làm chông nhiều hơn nữa, canh gác kĩ hơn nữa. Đến chiều, khi ra về, Núp lấy trong túi ra một trái bầu khô đưa cho Thế.

— Cái gì đây?

Núp để trái bầu xuống bên hòn đá, nói:

— Bầu đựng mật con ong đấy. Khi trước anh Cầm lên ở đây cũng có ăn mật con ong này rồi. Lũ làng tôi biết người Kinh biết ăn mật, gửi tôi đem cho anh đấy.

Thế biết phong tục người Ba Na, không từ chối được. Thế nói:

— Tôi gửi anh cái lời bằng miệng thăm tất cả lũ làng, anh Núp nhé!

Trời không có trăng nhưng rất sáng. Các ông sao màu đỏ, màu xanh li ti, li ti như không đứng yên một chỗ, cứ có gió thổi qua là lao xao như rừng... Núp và Thế nằm ngửa, ngừng lên nhìn trời. Đêm nay là đêm đầu tiên Núp ngủ lại giữa rừng với Thế. Núp kể cho Thế biết làng có những gì vào dân quân rồi, nhà bí mật đã làm được năm cái rồi, v.v... Hai anh em nói chuyện rì rầm mãi, không ngủ. Gió nó cũng nói chuyện rì rầm với lá cây trên đầu hai người.

Nói hết các chuyện trong làng rồi, bây giờ Núp nằm im. Núp nhớ lại đêm nằm ngủ chung với anh Cầm cách đây gần bốn năm. Núp trằn trọc hai, ba lần rồi quay lại nhìn Thế hỏi:

— Anh Thế à, anh có ở Kon Tum không?

Thế cũng quay lại:

— Không, sao anh Núp hỏi thế?

— Anh Cầm trước có ở Kon Tum đấy, anh Thế à... Năm
mười một hồi lâu, rồi Núp lại hỏi.

— Anh Thế à, vậy anh có ở chỗ Việt Bắc, chỗ Bok Hồ không?

— Không, Việt Bắc xa lắm. Nhưng cũng có người ở chỗ
đó vào trong này luôn, biết tin đấy.

— Thế à. Thế sao anh không ở gần Bok Hồ mà anh biết
nhiều chuyện đánh Pháp tốt vậy. Không có Bok Hồ ở gần,
ai bày cho?

Thế nói:

— Đảng dạy cho, anh Núp à.

— Đảng gì? Tôi không biết.

— Anh có muốn biết Đảng không, tôi nói anh biết nhé.

Thế ngồi dậy, dựa lưng vào gốc cây, bắt đầu nói. Núp
cũng ngồi trước mặt Thế. Đêm nay Núp biết Đảng là gì rồi.
Núp biết đất nước mình rộng lắm, có nhiều núi, nhiều sông,
có cả chỗ không có núi, có nhiều biển. Con chim bay cũng
không hết được, ngọn gió bay cũng không hết được. Ở đâu
cũng tốt, đất lắm rẫy một năm hai mùa, ba mùa. Hồi lâu
to và tròn. Con người đẹp và tốt. Nhưng người tốt thì nghèo
hết, người xấu thì lại giàu hết. Người xấu đi lấy đất người tốt,
bắt người tốt làm trâu, làm thuê. Thằng Pháp xấu ở đất nước
khác cũng tới lấy đất nước mình. Người khổ tức quá từ ngày
xưa đã đứng dậy chống lại. Nhưng cứ phải thua mãi, thua mãi.
Cho đến khi Đảng chỉ huy mới thắng được tới bây giờ. Đánh
Pháp ngày nay là do Đảng chỉ cho đấy.

— Ở... thế Đảng là Bok Hồ phải không?

— Bok Hồ cũng là người Đảng đấy. Nhưng còn nhiều người
Đảng khác nữa. Bok Hồ là người chỉ huy Đảng ở nước mình.

— Bok Hồ người Đảng, còn ai nữa?

— Còn đông lắm. Ai người nghèo khổ, căm thù Pháp, căm
thù bóc lột, làm ăn tốt, không sợ chết, đánh giặc đánh trước,
làm rẫy làm trước, khó khăn gian khổ chịu được, người đó
người Đảng... Anh Núp à, đánh giặc, không có Đảng nhất định

không hơn được. Người Đảng không phải chỉ làm một mình
giỏi. Người Đảng biết làm sao cho đúng, cho tốt, người Đảng
làm trước rồi còn nói mọi người làm theo nữa. Không có
Đảng thì trong bụng có thù Pháp mấy đi nữa, cũng không
làm trúng được hết, cũng không đánh nổi Pháp.

Núp nằm mở mắt nhìn lên trời và nghĩ không biết bao
nhiều chuyện. Đúng rồi, bây giờ Núp mới hiểu vì sao anh Cầm,
bộ đội, anh Thế người Kinh ở xa như vậy, leo núi khổ như
vậy mà lên tới đây, qua con sông Ba có cá sấu không sợ, ở
ngoài rừng hai tháng nay không biết mệt, không biết nản,
thương người Thượng như thế. Núp hiểu vì sao người Kinh
dưới xa kia lại làm riu rứa (4) gửi lên cho người Thượng trên
này. Đúng rồi, đều là do Đảng chỉ cho cả. Núp nghĩ đến nỗi
khổ của đời Núp, của mẹ, của Liêu, của người Kông Hoa, cũng
đồng, cũng nhiều như các ông sao trên trời vậy. Bây giờ có
Đảng chỉ huy người khổ. Núp muốn đi theo Đảng.

Núp hỏi anh Thế:

— Vậy tôi... anh Thế à, tôi... có được người Đảng không?

Thế nhìn Núp:

— Anh cố gắng, mai một cũng được người Đảng đấy.

— Tôi cố gắng nữa, anh Thế à.

Suốt đêm đó, Núp không ngủ. Chung quanh, thấy toàn là
sao. Trần trở mãi, Núp lại hỏi anh Thế:

— Anh Thế à, anh cũng khổ lắm phải không?

Đến gần sáng, Thế còn kể cho Núp nghe đời mình: khi
nhỏ đi ở cho người giàu, bị nó đánh, không có cơm ăn. Lớn
lên, tức quá, đi theo Đảng làm cách mạng cho tới bây giờ,
chưa có vợ, chưa có con.

Sáng hôm sau trở dậy đi về làng, Núp nắm tay anh Thế nói:

— Đường tới làng tôi bữa nay tốt rồi. Mai tôi dẫn anh đi
thăm người Kông Hoa nhé.

Thế cười hỏi lại:

— Thế hôm nay đường hết đá to, hết con vãi rồi à? —
Núp cũng cười lắc đầu:

— Không, chưa hết đâu. Nhưng tôi biết anh người Đảng rồi, con đường khó mà đi tới chỗ tốt, anh cũng cứ đi được... Tôi cũng làm theo anh đây!...

Thế siết chặt tay Núp. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Thế, chưa bao giờ anh thấy sung sướng bằng hôm nay.

Trích chương I (phần II)

Chú thích:

(1) Một bếp: một gia đình.

(2) Cũ: kiếng.

(3) Bok Hồ: Bác Hồ.

(4) Rìu rựa: dụng cụ dùng để đốn cây, làm rẫy.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Vì sao nhân dân trong nước và nhiều nước trên thế giới yêu thích nhân vật anh hùng Núp và tác phẩm Đất nước đứng lên? Em thích đoạn văn nào trong tác phẩm, vì sao?

2. Tại sao tác giả lại đặt tên cho đoạn văn trích là Người Đảng? Qua lời nói và việc làm của anh Thế, em thấy anh Thế có những phẩm chất gì của người cán bộ cách mạng của Đảng?

3. Qua lời nói và việc làm của anh Núp được miêu tả ở đoạn văn trích, em thấy anh Núp là người như thế nào?

4. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ và cách diễn đạt của anh Núp cũng như của anh Thế trong đoạn văn trích? Hình thức ngôn ngữ ấy có tác dụng gì cho việc khắc họa hình ảnh nhân vật anh Thế và anh Núp?

5. Qua đoạn văn này, em thấy anh Thế, người cán bộ của Đảng, đã được quần chúng tin yêu như thế nào? Thử tìm nguyên nhân tại sao anh Thế lại được quần chúng tin yêu?

MỘT TRUYỆN CHÉP Ở BỆNH VIỆN

của BÙI ĐỨC AI

Một truyện chép ở bệnh viện được Bùi Đức Ai viết xong vào mùa đông năm 1957. Tác phẩm gồm mười chương, ghi lại cuộc đời sống gió của chị Tư Hậu, một người phụ nữ bình thường ở vùng Long Châu

Sa (Nam Bộ). Cũng như ngàn vạn phụ nữ Việt Nam khác, trong kháng chiến chị đã khóc nhiều khi chồng và cha chồng bị địch giết, hai con bị địch bắt. Nhưng chị đã nén đau thương, dũng cảm làm những công tác mà Đảng giao cho: liên lạc đưa cán bộ trong vùng địch hậu, vận động nguy binh. Hòa bình được lập lại ở Đông Dương (1954), chị và hai con được tập kết ra Bắc. Chị làm công nhân dệt và sau một thời gian ngắn, đứng bốn máy vào loại giỏi. Chị mắc bệnh vào nằm ở bệnh viện. Ở nơi đây, chị đã kể cho tác giả nghe cuộc đời của mình.

Một truyện chép ở bệnh viện đã thành công trong việc xây dựng một hình tượng phụ nữ Việt Nam bình thường yêu nước, đầy quả cảm, trưởng thành trong khói lửa của cuộc chiến tranh yêu nước.

TÌNH MẸ CON

... Ban đầu tôi không hiểu thế nào cả. Về sau mới biết mưu mô ác hiểm của chúng nó. Chúng định bao vây bắt tôi và anh Dũng. Không gặp chúng tôi, bọn chúng mới nghĩ ra việc bắt con tôi... Không, nó không giết con tôi đâu anh ạ. Anh có biết tội nó bắt hai con tôi về đồn để làm gì không? Để đánh một miếng đòn ghê gớm vào tâm não tôi, để bức bách tôi vì các con tôi mà phải ra hàng, khai báo cho chúng tất cả những cơ sở ở địch hậu. Nguyên là Tư Bửu bị ta bắt rồi trốn thoát về, nó biết tôi và công việc làm của tôi. Chúng đem chị Lua với con tôi về đồn Long Hưng. Chị Lua bị chúng hiếp rồi thả về. Chính thằng Tư Bửu bảo với con tôi: « Tao bắt tội bây cho con gái mẹ tội bây và đồng đảng lời ra! ». Chúng đánh đập, không cho hai con tôi ăn uống. Bọn nó cố ý hành hạ hai con tôi trước mặt những bà con ở Hiệp Lộ, Hiệp Mỹ bị chúng bắt đi xây bốt. Những việc ấy, bà con về kể lại, thành ra tôi đều rõ hết. Đó là ý định của chúng, mong sao cho tôi nghe rõ từng chi tiết chúng nó hành hạ con tôi... Con Thủy tôi đói quá, đi xin cơm của mấy chị vợ lính về cùng ăn với thằng Nhã. Về sau, tên Tô-ma ra lệnh cấm ngặt mọi người không được cho cơm con tôi. Đến nước con Thủy phải đi bắt chuột về nướng ăn. Mặc dù thế, nhưng đêm đến, các chị vợ lính và mấy người lính tốt vẫn len lút mang cơm cho hai đứa.

Nghe đâu có một lần Tư Bửu tát vào má con Ngọc Thủy, hỏi về tôi. Anh biết con tôi nó nói sao không? Nó bảo: «Má tôi chết rồi!». Tư con tôi tôi biết nó chưa đủ trí khôn để nói thế. Về sau mới biết là anh em linh tốt của mình căn dặn nó nói như thế.

Chiều nào có bà con đi cu li về kể chuyện, ruột tôi như bị trăm ngàn mũi kim châm chích. Về sau không dám gặp mặt họ nữa. Tôi sợ gặp họ, nghe họ nói riết rồi chịu không nổi. Song le vảng tin con một ít lâu thấy khó chịu lạ lùng, lại phải tìm đến bà con mà hỏi thăm. Hỏi thăm biết được sự khổ sở của chúng nó, lại vật vã đau đớn. Cứ thế, tôi bị giày vò từ ngày này qua ngày khác. Có khi trong giấc ngủ, tôi nằm mê thấy con Thủy dắt em về chạy a (1) lại ôm tôi. Tôi mừng quá chưa kịp ôm lấy con, bỗng giật mình tỉnh dậy. Rõ ràng là hai đứa vừa ở trong tay mình mà đã biến đi đằng nào... Hóa ra là chiêm bao. Mơ hồi liền thảo ra khắp người. Tôi cứ nằm khắc khoải cho đến sáng. Nhiều đêm ở trong làng tề, nghe tiếng con người ta khóc tưởng là tiếng con mình, tức thời bị đánh thức dậy ngay.

Nghe nói có một hôm, bọn giặc đi căn về, chúng vò nát với con Thủy tôi:

— Tụi tao vừa bắn chết má chúng bây rồi. Tụi tao đã chặt đầu má bây treo lên một cành sao (2), mai có muốn đi coi tụi tao dặt đi!

Con Thủy vẫn nói:

— Má tôi chết lâu rồi, chắc người nào đó chớ không phải má tôi đâu!

Nghe chuyện đó tôi cười ứa nước mắt. Tôi biết con tôi nó nói tôi chết là buột lòng lắm nó mới nói thế. Người kể chuyện bảo rằng mặc dù con Thủy nghe lời anh em linh nói thế, nhưng nó vẫn lo là tôi chết thực. Sau đó nó dắt thằng Nhã trốn vào xóm tối khóc mũi (3) và khê kêu «... Má ơi, má ơi! Má đừng chết nghe má...!». 80

Anh coi thế có khổ tôi không? Nếu như anh ở vào hoàn cảnh đó thì anh sẽ rõ. Chắc hẳn anh cũng sẽ đau đớn. Có thể cái đau đớn của dân ông, con trai các anh khác hơn bọn phụ nữ chúng tôi, tuy cũng là đau đớn nhưng không bằng chúng tôi đâu. Bởi vì tôi đẻ con tôi ra, ôm ấp chúng nó hằng ngày. Chúng nó là máu thịt của tôi, vì chúng nó mà dòng sữa trong người tôi sáu ngày thai sản chảy không bao giờ cạn... Tôi nói vậy để anh hiểu cho tôi. Bị giày vò quá chịu không nổi, về sau tôi có viết một bức thư gửi ra bót (4) Long Hưng. Anh đoán thử xem tôi viết thế nào. Chắc anh tưởng là lòng dạ tôi đổi thay. Không, tôi không đến nỗi như thế đâu. Trong thư tôi nói: «... Hai đứa đó chính là con tôi, mấy người có tha thì tha, giết nó thì giết đi, chớ đừng đánh đập nó tội nghiệp. Còn tôi, tôi không ra hàng đâu...».

Đấy, đại ý bức thư như vậy. Giờ nghĩ lại thấy buồn cười quá. Kêu nó đừng đánh đập con mình tội nghiệp. Chúng nó mà biết thương đến trẻ con sao nó lại hành hạ con tôi, phải không anh? Tôi viết câu đó thật là ngây thơ lắm. Giả bây giờ có ai chê, tôi cũng xin chịu. Chẳng qua là vì lúc đó tinh thần tôi bị giày vò quá, mới thốt câu van lơn chúng nó. Tôi viết thư gửi cho địch như thế là sai, sau đó tôi đã kiểm thảo. Hay tin tôi viết thư, chị Ba Dương có tìm gặp tôi. Lần đầu tiên chị tỏ vẻ không bằng lòng về hành động tự ý của tôi. Chị Ba Dương không nạt nộ lớn tiếng gì đâu. Gặp tôi, cặp mắt chị nhìn tôi vẫn chăm chăm như mọi khi, nhưng toát đầy vẻ trách móc. Chị im lặng không nói gì cả. Cho đến nửa tiếng đồng hồ như thế. Chính cái im lặng trách móc đó làm tôi hoảng sợ. Hồi lâu tôi khê đến sau lưng chị, ấp úng:

— Chị Ba... chị Ba, em... như vậy là không phải. Lẽ nào chị lại hắt hủi em.

Chị Ba Dương quay lại nhìn tôi giây lâu, cũng chưa nói gì cả. Tôi chạy lại giường ôm mặt khóc. Chập sau, chị bước đến đứng sau tôi nói:

— Sao em lại khóc. Nín đi, đừng có khóc nữa!

Rồi chị ngồi xuống nhẹ đặt bàn tay lên vai tôi:

— Tư à, chị buồn là tại sao em làm việc đó mà không hỏi qua chị một lời nào?

Tôi chùi nước mắt đáp:

— Em không biết lúc đó tại sao em như thế nữa. Nhưng em không nói cái gì trong thư hết mà. Em chỉ nói: «Cố giết con tôi thì giết, tha thì tha, chứ đừng đánh đập chúng nó, còn tôi, tôi không ra hàng đâu...». Em chỉ viết như vậy thôi...

Chị Ba Dương kéo mặt tôi đối diện mặt chị:

— Như chị thì chị có thể tin em. Nhưng người khác nghe em nói, liệu người ta có tin em như chị tin em không?

Tôi cúi đầu bối rối. Thực không ngờ chuyện một bức thư lại đưa tôi đến chỗ bối rối thế ấy. Tôi nói:

— Nếu không tin lời em thì em phải chịu. Từ đây trở đi nếu cơ sở nào bị lộ ngay ở các xã, ở trên có cho em là khai báo với địch, em sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

— Em có gan thiệt, chị khen em giỏi. — Chị Ba Dương nói và nhìn tôi lắc đầu, nhếch miệng cười.

— Sao chị lại khen?

Chị Ba không trả lời, kéo tôi ngồi sát bên chị rồi nói:

— Thôi, không có gì đâu, đừng buồn. Chị nói thế cốt để em biết, sau này cẩn thận hơn. Chứ bức thư em viết chị cũng đã rõ. Nên nhớ là làm công tác cách mạng, nhất là làm công tác địch nguy vận này phải biết thấy trước, để phòng bất trắc. Trong thư em nói: «Tôi không ra hàng đâu» thì có khác nào như em đã tự nhận là chính mình có hoạt động rồi?

— Không nói tui nó cũng đã biết — Tôi đáp.

Chị Ba Dương ngắt lời:

— Đã đành vậy! Nhưng khi địch mới biết một cách mơ hồ, em nói thế tức là xác nhận thêm cho chúng nó một mức cao hơn. Em có thấy đúng như vậy không?

Nghe những lời chị Ba phân tích, tôi không nói vào đâu được nữa. Kể đó chị móc túi lấy ra một mảnh giấy, vừa đưa cho tôi vừa hỏi:

— Nay, em thử coi coi. Có phải bức thư viết hôm nọ đây không?

Tôi vội đón lấy mảnh giấy. Mới nhìn qua, tôi sửng sốt. Vì đúng là bức thư chính tay tôi viết hôm trước.

Tôi kêu lên:

— Ủa phải rồi. Kì quá, chị lượm ở đâu ra?

— Không phải lượm, người ta chuyển về cho chị. Hôm trước em nhờ một anh ở Hiệp Lộ bị bắt đi xây bốt chuyển thư chứ gì. Anh lại nhờ một chị vợ lính trao cho Tư Bửu. Chị vợ lính ấy lại là vợ một anh lính nông cốt của mình. Chị ta nghĩ là thư báo cáo chỉ điểm, liền bí mật chuyển về huyện. Huyện ủy coi thấy không có gì, lại là chuyện mấy đứa con, nên trao cho chị.

Đoạn chị Ba gạt bức thư qua một bên, bảo tôi:

— Thôi, giờ hãy dẹp chuyện cái thư đó lại.

Bụng dạ tôi lúc đó mới yên trở lại.

— Hậu à, chị biết em đau đôn về việc mấy cháu. Chị đâu có thờ ơ, chị lo lắm chứ. Chị tính mãi. Không còn có cách nào hơn là bố trí đánh tháo cho mấy cháu ra.

Nghe nói, tôi trở mắt nhìn chị Ba, hồi hộp. Chị gạt đầu.

— Chỉ có cách đó thôi. Chị đã đề nghị và huyện ủy đã chấp thuận rồi. Giờ em nghĩ thế nào?

Trước những lời nói đó, tôi còn nghĩ thế nào nữa. Tôi sung sướng vì thấy các con tôi có hi vọng được giải thoát, đồng thời rất xúc động. Tôi cứ nghĩ ngợi và ngao nhiên, không ngờ chuyện mẹ con tôi mà trên lại chú ý tìm cách tháo gỡ như thế. Tôi ngập ngừng hỏi:

— Chị Ba, chị nói thật à?

— Chứ sao?

— Đó là một việc khó. Bộ đội, du kích ngày đêm lo đánh giặc lẻ nào phải đi lo chuyện đó cho mẹ con em sao?

Chị Ba nói:

— Lo cho mẹ con em là phải, vì em đã lo cho nhiều người khác.

Tôi không biết nói sao, cứ đặt tin tưởng vào kế hoạch của trên. Nhưng tôi lo lắng hết sức, chỉ sợ nguy hiểm xảy ra.

... Nghe chị Tư Hậu kể tới đây, tôi nóng lòng chớp hỏi:

— Rồi có thực hiện được không? Có cứu được hai cháu ra không?

Chị Tư Hậu gạt đầu, khoát tay ra dấu bảo tôi yên đề chị nói:

— Có, có cứu được hai con tôi... Trên huyện các đồng chí đó thấy không thể để tôi đau đớn tinh thần mãi được. Huyện đội bố trí một tiểu đội đánh tháo cho con tôi. Dem được hai cháu ra cũng không đến nỗi khó khăn lắm. Một phần nhờ anh em linh tay trong giúp. Họ giả cách sai con Thủy tôi đi ra khỏi bốt mua tôm. Bấy lâu linh bốt vẫn hay sai con tôi đi như thế. Mà con Thủy đi thì dắt em theo. Thưa ra lúc đó nó cũng chưa biết người ta đang chuẩn bị cứu nó. Mấy người bán tôm lại chính là du kích mình. Thế là các anh ấy cứ việc công xốc hai đứa lên vai chạy. Chúng nó sợ quá khóc thét. Anh em du kích chạy qua cầu sắt, băng qua tới vườn Hiệp Lộ, bọn địch mới hay, nhưng đuổi theo không kịp.

Chiều đó tôi ra đón tại Gò Cát. Hai anh du kích công con tôi về tới. Gặp con, tôi nghẹn ngào không khóc được, cứ ôm riết hai đứa vào lòng. Lúc đó chỉ nơm nớp sợ con mình lại bị bắt đi nữa.

Chị Hậu vừa nói nét mặt rạng lên. Chị nhếch môi cười. Cái nụ cười của một người từng quen chịu đựng chỉ hé ra có một nửa. Lâu nay qua những buổi chiều tẻ tái, tôi mới được gặp một nụ cười nở ra trên đôi môi người chị đồng hương của tôi. Tôi hớn hở lên và cảm thấy như chính nụ cười ấy đang nở ra, nó giòn giữa tâm hồn tôi.

— Khò cho thân bé bỏng của hai con tôi — Chị Tư Hậu nói tiếp — Chỉ có bốn tháng bị giam lỏng ở bốt mà con Thủy

ôm tòng (5). Thắng Nhã cũng thế. Quần áo chúng nó đều rách mướp ra cả. Dem hai đứa con về tới Hiệp Mỹ, tôi đưa chúng vào nhà anh Mười và gọi lớn:

— Anh Mười chị Mười ơi, hai đứa nhỏ tôi về rồi đây nè!

Vợ chồng anh Mười mừng rồi rít. Chị Mười vội lo làm cơm. Tôi không sao rồi được con Thủy với thằng Nhã ra. Tôi đi tắm cho chúng nó. Chị Mười chạy vay mượn quần áo trong xóm thay cho cháu. Trong bữa cơm, tôi không ăn được, suốt buổi chỉ nhìn chúng nó ăn. Bữa cơm có nhiều thức ăn. Hai đứa ăn có vẻ ngon lành lắm. Con Thủy thì ăn trầm tĩnh hơn, nhưng thằng Nhã thì ăn hâu hâu. Đứng nhìn cảnh tượng đó, tự nhiên nước mắt tôi chảy ròng... Không phải riêng gì con tôi, trẻ con đứa nào cũng vậy anh ạ, thấy chúng nó đói khát, mình thật khổ tâm. Người lớn còn chịu đựng được, chớ trẻ con nó hễ đói là khóc đòi ăn. Ba tháng qua, có lẽ con tôi nó cũng đã nhiều lần khóc vì đói. Giờ đây, nhìn cử chỉ ăn vội vàng của chúng nó, mình xót tui quá.

Hai đứa ăn xong đến bên tôi, mỗi đứa bấu lấy một cánh tay tôi. Thấy tôi khóc, chúng nó gục đầu vào ngực tôi thút thút. Tôi nghẹn ngào hồi lâu mới bảo:

— Thôi mẹ con mình đừng khóc nữa. Từ nay má không để mấy con phải khổ cực nữa đâu...

Tôi nói lời ấy với con tôi rất đúng. Đạo đó tình hình có nhiều thay đổi. Ở ngoài này ta đang tấn công Điện Biên Phủ. Còn trong mình, hẳn anh còn nhớ, đồn bốt cứ bị bức rút liên miên. Địa phương tôi du kích nổi rất mạnh, bốt lớn bốt nhỏ cứ phải giạt dần ra. Có nhiều xã từ địch hậu trở thành xã du kích nhẹ như Hiệp Mỹ, Hiệp Hưng và phân nửa Hiệp Lộ.

Chú thích:

Sau khi cha chồng mất, chị Tư Hậu đưa hai con đến nhà thím Ba Tuất nhờ nuôi hộ rồi đi công tác. Chị đã làm tốt công tác nguy vận. Đã có lần nhờ nội ứng, quân ta đánh úp, bắt sống được Tư Bửu và đồng bọn. Chị được kết nạp vào Đảng. Sau đó thím Ba Tuất bị hi sinh vì địch

đánh mà không khai chỗ giấu con chị Tư Hậu. Chị Tư lại đem con đến nhà cô Lua nhờ nuôi hộ.

Trời tờ mờ sáng, chị vừa ra khỏi nhà cô Lua độ một quãng đi công tác thì nghe tiếng súng nổ. Bọn lính đã ập vào bắt cô Lua và dẫn hai con chị Tư về bắt. Câu chuyện tiếp diễn như ở trong bài.

1. *Chạy a lại*: chạy sấn tới. 2. *Cành sao*: sao là tên một thứ cây. 3. *Khóc mùi*: tiếng địa phương, khóc nhiều nhưng nín tiếng. 4. *Bớt*: bớt đi, biến âm tiếng Pháp. 5. *Ôm tong*: tiếng địa phương, gây yếu quá.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tình mẹ con, tình yêu nước ở đây có những biểu hiện gì làm em cảm động? Mối quan hệ giữa tình gia đình và tình yêu nước ở đây đã được giải quyết như thế nào?

2. Nghệ thuật kể chuyện của tác giả ở đoạn văn này như thế nào? (cách chọn lọc, sắp xếp các chi tiết, sự kiện, cách kết hợp lời kể với lời bộc lộ trữ tình).

MẸ TOM

Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa
Một buổi trưa, nắng dài bãi cát
Gió lồng xôn xao, sóng biển du đưa
Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát...

Mười chín năm rồi. Hôm nay lại bước
Đoạn đường xưa, cát bỏng lưng đồi.
Ôi có phải sóng bồi thêm bãi trước
Hay biển đau xưa rút nước xa rồi?

Hòn Nẹ ta ơi! mắng về chưa đó
Có nhiều không con nục, con thu?
Chào những buồm nâu thuyền câu Diêm Phố!
Nhớ nhau chăng, hỡi Hạnh Cát, Hạnh Cù?

Tôi lại về đây, hỡi các anh
Hỡi rừng sa mộc, khóm dừa xanh
Hỡi đôi cát trắng rung rinh nắng
Hỡi những vườn dưa đỏ ngọt lành!

Như đưa con đi biệt xóm làng
Nửa đời bỗng nhớ bóng quê hương
Nhớ lều rom ướt sương khuya sớm
Bãi vắng đìu hiu lạc dấu đường...

Con đã về đây, ơi mẹ Tôm
Hỡi người mẹ khổ đã dành cơm
Cho con, cho Đảng ngày xưa ấy
Không sợ tù gông, chấp súng gươm!

Nhà ai mới nhả, tường vôi trắng
Thơm phức mùi tôm nặng mấy nong
Ngồn ngộn sân phơi khoai dạt nắng
Giếng vườn ai vậy, nước khơi trong?

Ngơ ngác trông quanh, lạ mấy lần
Hỏi thêm cô gái má bồ quân
Mái đầu tóc xỏa xanh bên giếng
— Vàng, đúng nhà em, bác nghĩ chân.

— Ô kìa, cô bé nói hay sao!
Nhà của tôi, ai lại hỏi chào
Như thể khách đường xa ghé lại
Bỏ đi đâu, hì (1), mẹ đâu nào?

Nhiều đấy ư em, mấy tuổi rồi?

— Hai mươi

— Ở nhĩ, tháng năm trời

Sóng bồi thêm bãi, thuyền thêm bến
Gió lồng đường khơi, rộng đất trời!

— Ông mất năm nao, ngày độc lập
Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao
Bà «về» năm đói làng treo lưới
Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...

Bằng khung chuyện cũ: một chiều thu
Mười chín năm xưa, mấy bạn tù
Vượt ngục, băng rừng, tìm mối Đảng
Duyên may, dây nối, đất Hạnh Cù.

Đầu thôn, cồn vắng, túp lều rơm:
Tổ ấm chim về có mẹ Tom
Hai đứa trai ngày đi cùp dạo
Nồi khoai sớm tối lột thay cơm

Thương người cộng sản, căm Tây, Nhật
Buồng Mẹ, buồng tim, giấu chúng con
Đêm đêm chớ sữa... làng bên động?
Bóng Mẹ ngồi canh lẫn bóng cồn...

Chợ xa, Mẹ gánh mớ rau xanh
Thêm bó truyền đơn gọi đấu tranh
Bãi cát vàng than in bóng Mẹ
Chiều về... Hòn Ne... biển reo quanh...

Sóng hãy gầm lên, gió thét lên!
Triều dâng, Chèo mạnh, thuyền ơi thuyền!
Vui chằng, hỡi Mẹ, đời vui đó
Cờ đỏ ta lay động mọi miền!

Nhưng một đêm mưa, ướt bãi cồn
Linh về, linh trôi cả hai con
Máu con đỏ cát đường thôn lạnh
Bóng Mẹ ngồi trông, vọng nước non!

* *

Ôi bóng người xưa, đã khuất rồi
Tròn đời năm đất trắng chân đời
Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng người!

Đốt nén hương thơm, mát dạ Người
Hãy về vui chút, mẹ Tom ơi!

Nắng tươi xóm ngói, tường vôi mới
Phấp phới bướm dong, nắng biển khơi.

7-1961
TỔ HỮU

Chú thích:

(1) Hìm: con gái (tiếng địa phương một số vùng ở Thanh Hóa).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm chủ đề của bài thơ.

2. Bài thơ được kết cấu thành 4 đoạn. Qua âm thanh, nhịp điệu và các hình ảnh thơ trong đoạn 1, em hãy phân tích diễn biến cảm xúc của nhà thơ khi vừa đặt chân về tới « quê mẹ nuôi xưa ». (Chú ý phân tích ý nghĩa biểu hiện của hình ảnh:

« Ôi có phải sóng bồi thêm bãi trước
Hay biển đau xưa rút nước xa rồi? »

3. Qua các hình ảnh và đặc biệt qua giọng điệu biến đổi trong các câu thơ hỏi và đối thoại đoạn 2, hãy phân tích tâm trạng ngỡ ngàng của nhà thơ khi thoát đất chân tới chốn cũ — đúng như nhà mẹ Tom ở xưa kia.

4. Trong đoạn 3, hình ảnh mẹ Tom — một bà mẹ lao động nghèo khổ, yếu nước, thương cán bộ, căm thù Tây Nhật — đã được khắc họa một cách sinh động qua những nét bút tự sự cô đọng, linh hoạt, giàu sức gợi tả kết hợp với những nét bút trữ tình đậm đà, tình tế, giàu sức gợi cảm. Hãy chứng minh. (Chú ý phân tích giá trị biểu hiện của những hình ảnh: « Tổ ấm chim về. Có mẹ Tom », « Buồng Mẹ, buồng tim, giấu chúng con », « Bóng Mẹ ngồi trông, vọng nước non! », ...). Từ đó hãy nêu rõ tấm lòng của bà Mẹ đối với Cách mạng, với Đảng.

5. « Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng người! »

Nhận xét về ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm của hai câu thơ trên trong phần kết thúc bài thơ (đoạn 4). Từ đó, hãy nêu rõ tấm lòng của nhà thơ đối với bà Mẹ yêu nước, đối với quần chúng cách mạng, cũng như mối tình ân nghĩa thủy chung giữa Đảng với quần chúng.

PHẦN THỨ NĂM

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

«ILIAT — ÔDIXÊ» CỦA HÔME*

Iliat — *Ôdixê* là bản anh hùng ca cổ nhất và mẫu mực nhất trong lịch sử văn học các nước phương Tây. Nó ra đời vào buổi bình minh của lịch sử các dân tộc. Tác giả của bản trường ca ấy là Hôme. Hôme sống ở «thời đại anh hùng» của đất nước Hi Lạp cổ đại. Tương truyền, ông xuất thân từ một gia đình nghèo ở vùng Êôli (Tiểu Á); ông đã đi khắp nơi, qua nhiều đô thị ở Hi Lạp, để đọc bản trường ca của ông. Sau, ông bị mù và ngồi dạy học.

ILIAT

Iliat phản ánh một thời kì lịch sử xa xôi, cách đây khoảng gần ba mươi thế kỉ (tức là vào thời gian từ thế kỉ thứ IX đến thế kỉ thứ VII trước công nguyên). Thời ấy, văn học Hi Lạp phát triển rực rỡ. Đó là thời kì mà người Hi Lạp bắt đầu bước ra khỏi thời đại dã man của lịch sử loài người, để chuyển sang thời đại văn minh. Đó là thời đại đồ đồng chuyển sang thời đại đồ sắt. Xã hội mà Hôme phản ánh là xã hội tổ chức thành bộ tộc, ở đó không có sự thống trị và sự nô dịch. Trong xã hội dân chủ và bình đẳng như vậy, con người có những đạo đức tốt đẹp: tài năng và dũng cảm, tự tôn và cương trực, vô tư và kiên cường.

Iliat là một bản anh hùng ca được xây dựng trên kho tàng thần thoại nên thơ và giàu trí tưởng tượng, giàu tinh thần chiến đấu của nhân dân Hi Lạp.

Tóm tắt «*Iliat*»: Đề tài *Iliat* rút ra từ truyền thuyết chiến tranh *Troia*, hay còn gọi là thành *Iliông* (*Iliat* là bản anh hùng ca về thành

Iliông). Đó là câu chuyện nàng Hêlen, vợ của Mênêlat, người Hi Lạp, bị Parit, người *Troia*, bắt cóc. Vì thế sinh ra cuộc chiến đấu giữa người Hi Lạp và người *Troia*, kéo dài mười năm trời. Hôme không mô tả toàn bộ cuộc chiến đấu. Ông lựa chọn giai đoạn gay go nhất của cuộc chiến đấu, cốt biểu hiện tinh thần dũng cảm của các chiến sĩ.

Dũng tướng Hi Lạp Asin là một nhân vật trung tâm của tác phẩm. Vì căm giận Agamennông, người tổng chỉ huy quân đội Hi Lạp, nên Asin không tham gia chiến đấu. Vắng Asin trên chiến trường, các tướng sĩ hai bên giao chiến với nhau rất kịch liệt: Mênêlat đánh nhau với Parit, Diômet với Ênê... Có lần Agamennông đốc toàn lực đánh vào thành *Troia*, nhưng quân *Troia* xông ra khỏi thành, đánh lui toàn bộ quân đội Hi Lạp và dồn họ xuống biển. Hecto, dũng tướng của *Troia*, giết chết được tướng Patorôclơ, người bạn của Asin. Để báo thù cho bạn, Asin quyết định tham chiến. Asin xuất hiện trên chiến trường như một vị thần, làm cho quân *Troia* hoảng sợ, rút cả vào thành. Hecto một mình ra chiến đấu với Asin. Cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, cuối cùng Hecto đã gục trước ngọn giáo của Asin, Asin buộc xác Hecto vào sau xe ngựa, kéo lê thi hài Hecto chạy xung quanh thành *Troia*. Thương xót thay cho số phận của con, ông già Priam đến trại quân Hi Lạp xin chuộc xác con. Tác phẩm kết thúc bằng cuộc hỏa táng long trọng thi hài Hecto, người anh hùng của thành *Troia*.

Là một bản anh hùng ca chiến trận, *Iliat* đã xây dựng nên những hình tượng bất hủ về lòng gan dạ, về tinh thần quyết chiến quyết thắng của con người. Sự dũng cảm trong chiến trận được xem là lí tưởng của thời đại ấy. Lí tưởng lập chiến công đã hun đúc cho mọi người tinh thần bất khuất, ý chí kiên cường. Tất cả các chiến sĩ trong *Iliat* đều có khát vọng cao quý được trở nên anh hùng. Đó là nội dung của bản anh hùng ca *Iliat*. Hình tượng Asin, Hecto, hay Patorôclơ và cả Parit nữa, xuất hiện trên chiến trường, giống như những «con sư tử, mắt này lửa», chính là hiện thân của những con người dũng cảm mà người xưa trong chế độ thị tộc hằng ca ngợi.

Ngoài ra, *Iliat* còn phản ánh nhiều mặt của đời sống lúc bấy giờ: phong tục tập quán, lễ nghi tôn giáo, cảnh sinh hoạt ở nông thôn (trên cái khiên của Asin), tình bạn hết sức trung thực và cảm động (Asin và Patorôclơ) tình nghĩa vợ chồng thâm thiết (Hecto và Ăngrômac), tình cha con đầm ấm nhất (ông già Priam và Hecto), v.v... *Iliat* thường được đánh giá là «bộ bách khoa toàn thư về đời sống Hi Lạp».

Bản anh hùng ca *Iliat* của Hôme được chia làm 24 phần gọi là 24 khúc ca, trong nguyên bản viết bằng thơ. Đoạn này, dịch ra văn xuôi, trích ở khúc ca thứ XVII, khi Asin xuất hiện trên chiến trường «sáng chói như ngôi sao mới mọc lúc sang thu, thì quân *Troia* hoảng hốt chạy trốn như những con nai con». Chỉ có một mình Hecto dũng cảm đứng đợi

* Homère

Asin ở cổng thành để nghênh chiến. Cụ già Priam, cha của Hecto, và mẹ chàng khóc lóc «van lơn con ở lại, nhưng họ không lay chuyển được chàng». Chàng nghĩ: Để bảo vệ danh dự cho thành Troia, «chỉ còn một cách gặp Asin và giết hắn rồi trở về, hoặc là chết trước thành một cách vinh quang». Trong khi chàng suy nghĩ như vậy thì Asin tiến tới.

ĐỌC VÀ BÌNH CHỮ

CÁI CHẾT CỦA HECTO (1)

... Asin tiến đến gần Hecto, với cây tấn bì trên núi Pên-ông vung lên ở bên vai phải, hung dữ chẳng khác gì Êniat-ốt (2), người chiến sĩ đội cái mũ rung rinh. Quanh người chàng, ánh đồng rực lên như một ngọn lửa hồng hay như ánh mặt trời mới mọc. Trông thấy Asin, Hecto run lên. Chàng không còn đủ sức đứng đợi Asin; chàng rời cổng thành và hoảng hốt bỏ chạy. Vững tin ở đôi chân nhanh nhẹn của mình, con của Pêlê (3) lao theo. Chàng giống như con chim ưng trên núi, một giống chim mau lẹ hơn hết trong các loài chim, dễ dàng đuổi theo một con chim bồ câu run rẩy; chim bồ câu bay trước, con chim ưng thì đuổi đến sát gần, vừa đuổi vừa kêu quang quác; nó nóng lòng bắt cho được con mồi — Asin cũng vậy, chàng hăng hái lao tới; Hecto lấy hết sức bình sinh, chạy trốn dưới bức tường thành Troia. Hai chàng vẫn chạy dưới chân thành, chạy qua chòi canh rồi chạy qua cây đa lay động trước gió; họ rời chân thành, lao ra con đường dành cho xe cộ. Họ chạy đến gần hai con suối rất đẹp, bắt nguồn từ dòng sông Xcamăngđrô cuộn cuộn sóng: một con thì nước ấm, một làn khói bốc lên như tỏa ra từ một ngọn lửa rực cháy; còn con suối kia thì tuôn ra như một cơn mưa đá, và ngay giữa mùa hè, nước cũng giá như tuyết, như băng. Bên bờ suối, có những cái bệ rộng bằng đá rất đẹp. Xưa kia, thuở thanh bình, khi những người Akêen chưa tràn đến, những người vợ và những người con gái Troia kiều diễm thường đến bên suối để giặt áo quần óng ánh. Cả hai chàng chạy qua đấy, người thì chạy

trốn, người thì đuổi theo sau. Phía trước là một người anh dũng, nhưng người chạy sau lại càng anh dũng hơn. Chàng đuổi rất nhanh, không phải để giành lấy một con vật, hay một miếng da bò, những thứ phần thưởng tầm thường trong các cuộc chạy đua, mà vì cuộc sống, vì sự sống còn của chàng Hecto dạy tuần mã.

Cũng như những con ngựa nện móng phóng nhanh quanh bãi đua — mà giải thưởng lớn trong những trận đua ấy là một cái giá ba chân hay một người đàn bà — trong ngày tang lễ một người chiến sĩ (4), hai chàng chạy ba vòng quanh thành của vua Priam.

... Asin chạy nhanh như gió vẫn đuổi gáp Hecto. Thật giống như ở trên núi, cảnh một con chó đuổi con nai con ra khỏi hang và săn nó qua thung lũng và núi đồi khúc khuỷu: nếu con nai ép mình trong bụi rậm để trốn thì con chó còn rượt theo vết nó, cho đến khi bắt được mới thôi. Hecto không thể nào thoát khỏi bàn tay con của Pêlê lướt nhanh như gió được. Mỗi lần Hecto lao về phía cổng Dacđani để băng về phía chân thành kiên cố, với hi vọng tướng sĩ ở trên kia sẽ bắn tên xuống che chở cho chàng, thì Asin đều chạy trước đến bên thành và bức chàng phải chạy ra đồng nội. Hai chàng đuổi theo nhau, một người đuổi mãi vẫn không kịp, một người chạy mãi vẫn không thoát, chả khác gì trong giấc mơ, ta thấy một cuộc đuổi nhau, một bên thì không trốn thoát mà một bên cũng không sao bắt được.

... Chàng Hecto cao thượng đội mũ rung rinh cất tiếng nói trước tiên (5):

«Hỡi con của Pêlê! Ta đã chạy ba vòng quanh đô thị lớn của vua Priam; ta không có can đảm dừng lại để chờ người đến. Nhưng bây giờ, ta không trốn nữa. Dù thắng hay bại, ta cũng quyết giao chiến với người. Vậy, nào chúng ta hãy viện các vị thần linh để giao ước cùng nhau. Các vị thần là những người làm chứng sáng suốt hơn cả, bảo đảm những lời nguyện ước của chúng ta trung thành hơn cả. Nếu thần Đôt (6) cho ta thắng và nếu ta giết được người, thì ta sẽ không băm xác người đâu. Sau khi tước hết vũ khí lưng danh

của người, ta sẽ trao trả xác người cho quân Akêen. Về phía người, người cũng sẽ làm như vậy».

Asin chạy nhanh như gió quắc con mắt dữ tợn nhìn Hecto và trả lời:

«Hỡi Hecto ghê tởm! Chớ nói với ta chuyện giao ước. Bởi vì giữa sư tử và người, không có lời thề nào chắc chắn, chó sói và cừu non không bao giờ có thể yêu nhau mà chỉ suy tính đến việc hại nhau. Giữa ta với người cũng vậy, không thể có tình nghĩa gì, không thể có một lời thề gì, trước khi một trong hai chúng ta ngã xuống, lấy máu mình mà giải khát cho thần Aret, vì thần chiến tranh không bao giờ biết mệt. Vậy người hãy trở hết tài sức ra đi: hôm nay chính là ngày người phải tỏ rõ là một dũng sĩ có tài và một người mãnh tướng. Người không có cách gì lùi bước được đâu. Người hãy coi đây! Thần Palat Atêna (7) sẽ biến vào ngọn giáo của ta và buộc người phải chết! Đồ tàn bạo. Hôm nay, người sẽ trả nợ máu cho tất cả các chiến hữu của ta đã bị ngọn giáo dữ dội của người đâm chết!».

Nói xong, Asin vung cây giáo in bóng rất dài và phóng ra phía trước, Hecto đánh tiếng lấy rừng trông thấy, liền cúi mình xuống. Cây giáo bay ngang trên đầu chàng và cắm phập xuống đất; nhưng thần Palat Atêna liền nhô cây giáo lên và trao lại cho Asin, không để cho Hecto chỉ huy quân sĩ trông thấy. Hecto nói với người con hoản hảo của Pêlê như sau:

«Hỡi Asin tài giỏi như thần! Người nhắm không đúng ta rồi. Như vậy chứng tỏ thần Dớt chưa cho người biết số mệnh của ta. Người huênh hoang rằng người biết hết. Người chỉ là quân bẻm mép, lừa dối ta, để làm cho ta mất hết hăng hái và can đảm. Người chớ đâm giáo sau lưng ta lúc ta chạy trốn. Bây giờ, ta tiến đến trước mặt người đây, người hãy đâm thẳng vào ngực ta, nếu người được một vị thần linh nào cho phép. Và bây giờ, người hãy coi chừng ngọn giáo của ta đây! Ước gì lưỡi giáo cắm ngập vào thịt người! Được như vậy, trong cuộc chiến tranh này, quân Toroa sẽ đổ điều đứng bởi vì người là một hung thần độc ác vô song».

Nói xong, Hecto phóng lên cây giáo dài. Ngọn giáo đâm trúng giữa khiên của con Pêlê, nhưng liền bị văng ra xa. Thấy mất giáo mà chẳng được gì, Hecto rất căm giận. Chàng đứng lại, sửng sốt: chàng không còn cây giáo bằng gỗ tần bì nào khác. Chàng liền cất tiếng gọi Đêiphôbor; nhưng anh chàng này không còn đứng bên cạnh chàng nữa. Hecto bỗng hiểu; chàng kêu lên:

«Than ôi! Thế là các vị thần gọi ta về cõi chết! Ta tưởng rằng Đêiphôbor anh dũng đến giúp ta, ngờ đâu hắn vẫn đang ở trong thành; ta đã bị nữ thần Atêna lừa dối. Bây giờ, ta đã đến ngày tận số. Cái chết khủng khiếp đã đến nơi rồi mà ta chẳng có cách nào trốn tránh. Có lẽ thần Dớt và con của thần Dớt, vị thần hắc tên xa muôn dặm, quyết định như thế đã lâu rồi. Trước kia các vị thần đó đã giúp ta, nhưng bây giờ ta phải chết. Dù sao, có chết ta cũng phải chết gan dạ, chết vinh quang, ta phải lập một chiến công oanh liệt để lưu danh cho hậu thế».

Nói xong, chàng rút thanh đoản kiếm vừa nhọn vừa dài, vừa chắc, đeo lưng lẫn bên sườn. Chàng thu mình lại, rồi bỗng xốc tới, trông chẳng khác gì một con chim phượng hoàng đang bay cao, bỗng vượt mây mù sà xuống cánh đồng để bắt một con cừu non hay một con thỏ dại khờ. Hecto vung cây kiếm nhọn xông lên; Asin cũng nhảy ra nghênh chiến, lòng hùng hực một ngọn lửa căm hơn man rợ. Chàng đưa cái khiên rất đẹp, chạm trổ công phu ra che lấy ngực: trên đầu chàng, cái mũ lông lân, có bốn chóp, rung lên; những tua chỉ bằng vàng, do thần Hêphaixtôt (8) đính lên nhiều vô kể quanh túm lông cũng tung bay. Asin vung lên một cây kiếm long lanh sáng ngời như ngôi sao Vexpe, ngôi sao đẹp nhất trong các vì sao trên bầu trời. Chàng quyết giết cho được Hecto thần thánh, và tìm xem trên người kẻ địch chỗ nào có thể hạ thủ được dễ dàng hơn cả. Nhưng Hecto đã được che chở khắp nơi với những thứ vũ khí bằng vàng tước được của Patorôclơ khi hắn ta bị chàng giết chết; chỉ còn lại một nơi hở ở cuống họng, nơi gần xương quai xanh, giữa vai và cổ, là chỗ hiểm nhất mà thôi, Asin hăng hái, liền thọc ngọn giáo vào ngay đấy. Cây giáo

xuyên qua cỏ Hecto, nhưng vì cuống họng chưa bị cây tần bí mũi bọc đồng cát đứt, nên Hecto còn nói được đề trả lời Asin. Hecto ngã vật xuống đất đầy cát bụi.

HÔME

(Theo bản dịch của PHAN THỊ MIỄN,
Iliat và Ôđixê, Nhà xuất bản Giáo dục
Hà Nội — 1983)

Chú thích

1. Đọc đoạn trích trên, chúng ta cần hiểu rằng trong điều kiện của xã hội Hi Lạp thời cổ, cả Asin lẫn Hecto đều được coi là anh hùng vì họ đã chiến đấu dũng cảm, đã sống chết cho bộ tộc của mình. Không phải đua giết nhau là anh hùng mà vì hành động chiến đấu cụ thể của Asin cũng như của Hecto thể hiện tính chất dũng cảm của người anh hùng ở chiến trận chiến đấu cho quyền lợi và danh dự của bộ tộc. Có như vậy, mới hiểu câu nói của Hecto: «Dù sao có chết ta cũng phải chết gan dạ, chết vinh quang» và ý nghĩ của Asin: «Chàng đua rất nhanh, không phải để giành lấy một con vật hay miếng da bò, nhưng như phần thưởng tâm thưởng trong các cuộc chạy đua, mà vì cuộc sống, vì sự sống còn của Hecto». 2. Enialiot, thần chiến tranh trong thần thoại Hi Lạp, còn có tên là Aret. 3. Asin là con của nữ thần Thetis và Pelê, vua xứ Pêlôpônêz; Asin là một dũng sĩ rất khỏe, chạy nhanh như gió. 4. Thời ấy, trong đám tang, người ta thường tổ chức những cuộc đua ngựa. 5. Trong anh hùng ca Iliat, mỗi tướng sĩ đều có một vị thần hộ mệnh; Asin được nữ thần Athena bảo vệ. Thấy Asin không đuổi kịp Hecto, nữ thần liền biến dạng thành Deiphobos, em trai Hecto và nói với Hecto hãy dừng lại để hai anh em cùng đánh Asin; Hecto tưởng người em can đảm đã ở trong thành ra giúp sức, liền đứng lại và tiến đến gần Asin. 6. Trong thần thoại Hi Lạp, có cả một hệ thống thần thánh đông đảo; Đot đứng đầu tất cả các thần, Đot là thần của ánh sáng, của bầu trời, của sấm sét. 7. Palat Athena, nữ thần, con gái của thần Đot và Metis. Trong cuộc chiến tranh này, Athena đứng về phía người Hi Lạp, che chở cho Asin. 8. Hephæstos, thần lửa và thần của thợ rèn. Trước khi Asin ra trận, Hephæstos rèn cho chàng áo giáp và một cái khiên chạm trổ rất đẹp.

ÔDIXÊ

Tóm tắt «Ôđixê»: Sau cuộc chiến thắng ở Troia, quân Hi Lạp trở về xứ sở. Uylitxơ gặp bão táp trên mặt biển, giạt từ đảo này qua đảo khác, đến bờ biển châu Phi, rồi trôi về phía tây Địa Trung Hải.

Chàng cùng các bạn đồng hành lạc vào đảo «Người một mắt», cập bến xứ sở của những người khổng lồ, đến đất nước của mù phủ thủy Xiécxê, trôi vào xứ Thần mặt trời, v.v... Qua các cuộc phiêu lưu ấy, bạn bè của Uylitxơ dần dần chết hết. Chỉ còn một mình Uylitxơ, nhờ có dũng khí và mưu trí tuyệt vời, thoát khỏi mọi gian nguy, chàng giạt vào đảo của nàng tiên Calixô, rồi trên đường trở về quê hương, chàng gặp một trận bão ghê gớm đưa chàng đến đất Phêaxi. Người Phêaxi giúp chàng một con thuyền «lướt nhanh hơn gió» và chàng đã cập bến Itacô, quê hương của chàng.

Trong khi Uylitxơ phiêu bạt nơi đất khách quê người, thì vợ chàng là Pênelôp ở nhà bị một bọn vương tôn công tử ép duyên. Nàng tìm mọi cách để chống lại, quyết tâm chờ chồng, Uylitxơ về đến nơi, giết sạch một trăm linh tám kẻ cầu hôn láo xược ấy, gia đình đoàn tụ vui vẻ.

Ôđixê ca ngợi lí trí tuyệt vời của con người. Uylitxơ là hình ảnh cụ thể của trí thông minh, lòng quả cảm, lòng kiên trì, không sức mạnh nào có thể khuất phục được. Nhờ tài trí của chàng, chàng đã vượt qua phong ba bão táp, đã thắng được cái chết, đã thoát được bao lưới giăng ra để dụ dỗ, đe dọa chàng. Ôđixê còn là bản trường ca, ca ngợi cuộc sống nơi biển cả. Cuộc đời phiêu bạt của Uylitxơ tượng trưng cho một thời kì nhân loại mở rộng địa bàn hoạt động của mình, trên những vùng biển xa xôi, với bao cảnh tượng mĩ lệ, giàu có, lạ kì. Uylitxơ không chỉ là một người giàu mưu trí, chàng còn là một người tha thiết yêu quê hương, yêu gia đình, Uylitxơ không vì vinh hoa, phú quý mà quên người vợ yêu, đứa con nhỏ Pênelôp, vợ chàng, là một tấm gương không phai mờ về tấm lòng chung thủy.

Bản anh hùng ca Iliat — Ôđixê phản ánh đầy đủ và trung thực cuộc sống, lí tưởng, đạo đức của người Hi Lạp trong một dĩ vãng xa xôi, đầy thơ mộng. Nó là hình ảnh tốt đẹp của tuổi thơ ấu lạnh mạnh của nhân loại, khi mà xã hội loài người chưa phân chia thành giai cấp. Xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta đang khôi phục lại giá trị chân chính của con người, trên một phạm vi rộng lớn và sâu sắc hơn nhiều.

ĐỌC VÀ BÌNH CHƯ

XICLÔP

...Tôi cầm một bát rượu đỏ thắm, đi đến bên hắn và nói:

«Hỡi Xiclôp! Ngài ăn thịt người đã chán, bây giờ mời ngài hãy uống thử thứ rượu này để xem rượu của chúng tôi

ngon đến chừng nào cho biết. Tôi mời ngài uống bát rượu này với hi vọng là ngài sẽ thương xót đến tôi mà để cho tôi trở về quê quán. Hồi người độc ác kia! Sự tàn bạo của ngài thật là khủng khiếp. Loài người đông vô kể, nhưng ngài đã bất chấp cả pháp luật như vậy, thì từ nay còn ai dám đến với ngài».

Nghe tôi nói, hắn cầm lấy bát rượu, nốc cạn một hơi. Được uống một thứ rượu ngon như vậy, hắn sung sướng quá. Hắn bèn xin tôi thêm nữa:

«Người cho ta nữa đi, và nói ngay cho ta biết tên người là gì, vì ta muốn biếu người một vật có thể làm cho người vừa ý. Đành rằng mặt đất phì nhiêu đã vì người Xiclôp chúng ta mà sản sinh ra những chùm nho nặng trĩu làm ra rượu và mọng lên dưới những cơn mưa của thần Dot, nhưng rượu của người quả là một thứ rượu thần, thơm ngon như mật».

Hắn nói dứt lời, tôi liền lấy bình rượu rục lên như ánh lửa, rót thêm cho hắn một bát đầy. Tôi rót thêm cho hắn ba lần và, ngu ngốc thay! lần nào hắn cũng nốc cạn.

Khi hắn đã ngã ngà say, tôi bèn nói với hắn những lời đường mật sau đây:

«Hỡi Xiclôp! Ngài muốn biết tên tôi ư? Vậy tôi sẽ nói cho ngài biết, rồi ngài hãy biếu tôi một con vật gì để tỏ tình mến khách như lời ngài đã hứa. Tên tôi là «Không ai cả». Mẹ tôi, bố tôi và tất cả các bạn bè của tôi đều gọi tôi là «Không ai cả».

Tôi vừa dứt lời, hắn liền lạnh lùng nói:

«Này, «Không ai cả», ta sẽ ăn thịt người sau cùng, khi đã ăn hết các bạn của người. Đó là lẽ vật mà ta sẽ biếu người để tỏ tình mến khách».

Nói xong, hắn nắm vật xuống, bụng kênh lên trời, cái cổ to lớn của hắn nghẹo lại một bên, thế rồi hắn lăn ra ngủ, không tài nào cưỡng nổi. Hắn say quá, nôn ra cả rượu lẫn thịt người. Tôi lùi cái cốc xuống lớp tro dày cho đến khi nóng bỏng. Tôi dùng lời cổ vũ các bạn tôi, vì tôi e họ sợ quá mà bủn rủn tay chân đi chẳng. Khi cái cốc bằng gỗ cảm lạnh còn tươi đã gần bốc

cháy, tỏa một luồng ánh sáng rất ghê rợn, tôi liền kéo nó ra khỏi lửa và đem đến bên thặng Xiclôp kia. Các bạn tôi đều đứng cả quanh tôi vì thần thánh đã đun dúi cho họ trở nên vô cùng gan dạ. Họ nắm lấy cái cốc, giở đầu nhọn vào mắt hắn, còn tôi thì dùng hết sức bình sinh để xoay nó xuống. Khi muốn khoan một chiếc thuyền thì người ta lấy một sợi dây da cuộn vào khoan và người ta kéo hai đầu sợi dây để làm cho cái khoan quay mãi một chỗ. Chúng tôi cũng cầm cái cốc đã nung và xoay mãi vào mắt của tên khổng lồ kia như vậy. Máu vọt lên chung quanh cái cốc nóng bỏng, trông con mắt của hắn cháy xèo xèo, tràn ra cả mi mắt, cả lông mày và cháy lách tách cho đến tận gốc rễ. Khi người thợ rèn nhúng vào nước là một cái riú lớn hay một cái búa để làm cho nó cứng lại thì sắt xèo lên một tiếng lớn, nhưng sau đó nó trở nên rất cứng. Con mắt của con quỷ đó cũng kêu rít lên chung quanh cái cốc bằng gỗ cảm lạnh như vậy. Hắn hét lên một tiếng vang trời, tiếng hét dội vào núi đá và lan ra cả chung quanh. Sợ quá, chúng tôi liền chạy trốn. Hắn rút cái cốc dầm máu ra khỏi mắt và như điên, như dại, quăng nó ra xa. Thế rồi hắn thét gọi những tên Xiclôp khác ở những cái hang quanh đây, trong những ngọn núi đứng chênh vênh giữa gió. Bọn này nghe tiếng kêu của hắn, liền từ bốn phía chạy lại, vây lấy hang của hắn, và hỏi vì sao mà hắn kêu như vậy.

«Pôliphem, tại sao trong đêm tối thiêng liêng, anh kêu thét lên như vậy để chúng tôi phải thức giấc? Một người trần nào đã cướp mất sức vật của anh chẳng? Hay có kẻ dùng mưu hoặc sức mạnh để giết anh thế?».

Pôliphem sức lực phi thường nằm trong hang trả lời:

«Các bạn hỏi ai giết ta à? «Không ai cả» dùng mưu giết ta, chứ không dùng sức mạnh».

Bọn kia liền nói với hắn những lời có cánh sau đây:

«Nếu không có ai ức hiếp anh và nếu trong ấy chỉ có một mình anh thì có lẽ là thần Dot đã đem lại cho anh một bệnh mà anh không thể nào thoát được. Vậy anh hãy cầu cứu bố chúng ta là Pôdêidông có uy quyền rất lớn đi».

Nói xong, chúng bỏ ra về.

Thấy cái tên vờ và mưu kế tài tình của tôi đánh lừa được chúng, tôi cười thầm mãi không thôi. Chẳng Xiclôp đau quá rên ầm lên. Thế rồi hần giờ tay sờ soạng, nhấc tảng đá lên và ngồi chặn ngang trước cửa, dang tay ra với ý định nếu có người nào đi ra cùng với đàn cừu thì tóm lấy. Hần tưởng đâu tôi khờ đến như vậy. Tôi suy nghĩ, tìm mưu kế để cứu các bạn tôi và ngay chính bản thân tôi một cách chắc chắn nhất. Tôi suy đi, tính lại rất cẩn thận, đặt mưu này, bày mưu khác, bởi vì đó là việc sống chết của chúng tôi, mà tai họa lại ở ngay bên cạnh. Tôi nghĩ ra được một cách mà tôi cho là chắc chắn nhất, cách ấy như sau: những con cừu đực của thằng Xiclôp vì được nuôi nấng cẩn thận, nên con nào cũng có một bộ lông rất tốt. Đó là những con cừu đẹp và to lớn có một bộ lông quăn tít như mây. Không một tiếng động, tôi lấy những sợi mây mà thằng Xiclôp con quỷ không biết pháp luật là gì đó, đã đan lại để nằm ngủ rồi buộc cừu lại với nhau, cứ ba con làm một. Con cừu đi chính giữa mang theo một người, còn hai con đi hai bên thì bảo vệ cho người đó. Cứ ba con cừu là mang được một người ra. Đến lượt tôi, vì trong đàn cừu có một con to lớn hơn những con khác rất nhiều, nên tôi ôm lấy lưng con cừu đó, nằm nép mình dưới cái bụng dày lông của nó và tôi bám chắc lấy nó, không chút hoảng sợ.

Chúng tôi cố chịu đựng để chờ trời sáng. Hôm sau, khi nàng Rạng đông với những ngón tay hồng xuất hiện, con quỷ đó thả đàn cừu đực đi ăn, còn những con cừu cái, vì chưa vắt sữa nên hần vẫn nhốt trong chuồng. Vú chúng căng phồng lên và chúng kêu be be luôn miệng. Tên chủ của chúng đau nhức nhối vô cùng. Hần sờ lưng tất cả những con vật, nhưng hần ngạc nhiên, không ngờ đến mưu kế của chúng tôi và hần không biết rằng các bạn tôi đang nằm dưới những bộ lông cừu, trước bụng. Con cừu của tôi đi ra sau hết. Vì lông nó quá dày và vì còn phải mang thêm một người xảo quyết là tôi, nên hần đi rất nặng nề. Sau khi sờ nắn con vật, Pôliphem nói:

«Chú cừu yêu quý của ta ơi! Sao chú mày lại đi ra sau cùng như vậy? Thường ngày chú mày có bao giờ chịu ra sau, những con khác đâu nào? Dù để chạy đi ăn những bông hoa

mềm trên đồng cỏ, hay uống nước suối, hay về chuồng lúc chiều hôm, bao giờ chú mày cũng đi trước. Thế mà hôm nay chú mày lại đi sau cùng. Hay chú mày thương tiếc cho con mắt của chủ chú mày đã bị một thằng nham hiểm với những bẻ bạn khốn nạn của hần đâm thủng, sau khi đã phục rượu cho chủ chú mày chẳng? Cái thằng «Không ai cả» đó, ta cam đoan hần chưa ra khỏi chốn này đâu. Ước gì chú mày hiểu nỗi đau đớn của ta và nói được để nói cho ta biết hần trốn nơi nào nhỉ? Nếu được thế thì ta sẽ vờ lấy hần quật hần xuống đất, cho sọ hần vung vãi khắp cái hang này; có trả thù được thằng «Không ai cả» trời tru đất diệt như vậy, ta «mới mát lòng mát dạ».

Nói xong, hần đẩy con cừu ra. Đi khỏi hang và cái sân một đoạn, tôi buông con cừu, rồi cởi trói cho tất cả bạn của tôi. Không để chậm một phút, chúng tôi lùa bầy cừu mập mạp, có những bộ giò mảnh khảnh kia đi quanh co một đoạn rất dài, rồi chúng tôi trở về thuyền. Các trai bạn của tôi thấy bạn bè của mình thoát chết thì mừng rỡ vô cùng, nhưng nghĩ đến những người đã bỏ mạng, họ đều khóc than thảm thiết. Tôi cau mày, ra hiệu cấm mọi người khóc và tôi ra lệnh lùa đàn cừu có bộ lông dày đó xuống thuyền, và chèo ngay ra biển. Các bạn của tôi lên vội và lên thuyền và ngồi xuống bên những cọc chèo. Họ ngồi ngang hàng thẳng lối và đập chèo vào mặt nước cuộn cuộn sóng.

Đi được một đoạn không xa, bên này nói, bên kia còn nghe được, tôi liền gọi tên Xiclôp, nói những lời chế giễu như sau:

«Hỡi Xiclôp! Thì ra bạn của những người mày đã ăn thịt một cách hung tàn và man rợ trong hang của mày kia, không phải là một thằng hèn dạn nhỉ? Đồ tàn ác! Mày không sợ ăn thịt những người khách của mày ngay tại nhà mày, vì vậy thần Dớt và các vị thần khác đã báo thù mày, mày đã bị trừng phạt vô cùng xứng đáng».

HÔME

(Bản dịch của PHAN THỊ MIÊN, *Iliat và Ôdixê*
Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội — 1963)

LÃO HÀ TIỆN

của MOLIÈRE ★

Molière (1622 — 1673) là một nhà viết kịch Pháp sống dưới triều đại Lu-i XIV. Ông có một địa vị quan trọng trong lịch sử văn học các nước phương Tây; ông là cha đẻ của nền hài kịch nước Pháp. Xã hội Pháp hồi thế kỉ thứ XVII phân chia làm nhiều giai cấp. Trên hết là giai cấp quý tộc cùng bọn tăng lữ; chúng chiếm nhiều đặc quyền đặc lợi, cha truyền con nối. Dưới giai cấp quý tộc là giai cấp tư sản mới hình thành; bọn này cùng với giai cấp quý tộc là những kẻ thống trị quốc gia. Cuối bậc thang xã hội, là những người sản xuất nhỏ, thợ thủ công và nông dân. Họ chiếm tuyệt đại đa số trong nhân dân và cũng là những người cực khổ nhất.

Molière để lại gần bốn mươi vở hài kịch. Ông đã dùng tiếng cười làm vũ khí đấu tranh chống cường quyền và áp bức. Những tác phẩm của ông là một bức tranh phong phú và trung thực về đời sống nước Pháp hồi thế kỉ thứ XVII. Ông chế giễu bọn quý tộc ăn bám, hèn nhát, tàn bạo. Ông tố cáo lòng tham vô đáy, tính ích kỉ, sự bóc lột của giai cấp tư sản. Ông có cảm tình sâu sắc với những người xuất thân từ quần chúng nhân dân. Trong hài kịch của ông, vai trò của những người lao động bình thường, của các cô sen, cậu nhỏ, khá quan trọng. Tiếng cười trong hài kịch của Molière khi thì nhẹ nhàng, khi thì chua chát, lắm khi đau xót vì nó phản ánh một tình trạng xã hội xấu xa và tàn nhẫn.

Lão hà tiện là một trong những vở hài kịch nổi tiếng của Molière. Trong vở này, Molière công kích giai cấp tư sản ích kỉ, độc ác và ngu ngốc. Acpagông, nhân vật chính của vở kịch, là một trong những điển hình nổi tiếng trên thế giới về người hà tiện.

Acpagông là một lão tư sản giàu có, hám vàng, chuyên sống bằng nghề cho vay nặng lãi. Lão đối đãi với con cái hết sức tàn nhẫn. Lão muốn gả con gái là Elidor cho một ông cụ già có nhiều của; lão muốn cưới cho con trai là Clăngtơ, một mụn gái hóa có lắm tiền bạc. Còn lão thì lão định lấy một cô vợ kẻ trẻ măng là Marian, người yêu của chính con trai lão: La Flesơ, anh đầy tớ của Clăngtơ, rình lấy được của lão một cái tráp đầy bạc chôn ngoài vườn. Mất của, lão kêu cha kêu mẹ. Clăngtơ hứa sẽ trả lão cái tráp bạc, nếu lão bằng lòng cho anh lấy Marian. Acpagông đành chịu «nhường» Marian để lấy lại tráp bạc. Kết thúc vở kịch, Clăngtơ sẽ lấy được Marian và Elidor sẽ lấy được người yêu của mình là Valerơ.

Lão hà tiện có một ý nghĩa xã hội to lớn: Molière tố cáo sự làm giàu bất nhân của giai cấp tư sản và vạch rõ những tác hại ghê gớm của đồng tiền.

★ Molière.

Acpagông làm giàu trên xương máu của mọi người. Lão cho vay với một số lãi rất nặng; lão còn tìm trăm phương nghìn kế để cắt xén số tiền lão cho vay. Acpagông giàu có, nhưng lại keo kiệt, bần thủ. Lão tìm mọi cách để bắt người làm phải nhin ăn. Người ta đồn rằng lão đã lên vào chuồng ngựa để ăn cắp thóc của ngựa, và có lần lão phát đơn kiện một con mèo vì mèo đã ăn vụng một miếng thịt. Lòng tham vàng của Acpagông làm cho gia đình lão tan nát. Lão vô cớ đánh đuổi kẻ ăn người làm. Vì tiền, lão đã ép duyên con vào những nơi không vừa đôi phải lứa.

Acpagông chỉ biết có tiền. Đồng tiền làm mờ mắt lão, làm cho tâm hồn lão trở thành cần cỗi, độc địa. Đồng tiền đã phá hoại hạnh phúc gia đình lão và đe dọa cuộc đời của mấy người con vô tội.

Với vở Lão hà tiện, Molière đã vạch trần những nguy hại của đồng tiền, đồng tiền ngự trị trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

ĐỌC VÀ BÌNH CHỮ

ACPAGÔNG MẤT CỦA

ACPAGÔNG (lão kêu là mất trộm từ ngoài vườn, đều không nữa) Ồi kẻ trộm! Ồi kẻ trộm! Ồi quân giết người! Ồi quân sát nhân! Trời đất ơi, pháp lí ơi! - Tôi chết mất, nó giết tôi, nó ăn trộm tiền của tôi. Đứa nào thế? Nó ra sao rồi? Nó ở đâu? Nó trốn đâu? Làm thế nào để tìm thấy nó? Chạy ngả nào? Đừng chạy ngả nào? Nó có ở kia không? Nó có ở đây không? Đứa nào thế? Đứng lại giả tiền tao đây, đồ vô lại... (lão tự nắm lấy tay mình). Á! Hóa ra là mình! Óc mình loạn rồi, mình không biết mình ở đâu, mình là ai, mình làm gì nữa. Trời đất ơi, tiền tội nghiệp của tôi ơi, tiền tội nghiệp của tôi ơi, bạn yêu quý của tôi ơi, chúng nó cướp mất mày của tao đi rồi. Mất mày, tao mất nơi nương tựa, mất niềm an ủi, mất nguồn vui sướng; thôi thế là đời tao hết mọi hi vọng, tao chẳng còn ở đời này làm gì nữa. Không có mày tao không sao sống nổi. Thế là xong, tôi kiệt sức rồi; tôi sắp chết đây, tôi chết rồi, người ta chôn tôi rồi. Có ai muốn cứu cho tôi sống lại, mà trả cho tôi món tiền tri kỉ của tôi, hay là mách cho tôi biết đứa nào lấy tiền của tôi không? Hử? Ngài bảo gì? Chẳng có ai

nói gì cả. Bất kì đứa nào đã làm vỡ này, hẳn nó phải làm công trình mò đúng lúc, nó lừa, đúng khi tôi mới nói chuyện với thằng con trời đánh của tôi mà lấy. Ta đi ra đi thôi. Tôi muốn kiện ra tòa, cho người ta tra khảo tất cả nhà này: đây tớ gái, đây tớ trai, con trai, con gái, với cả tôi nữa. Sao người ta tụ tập đông thõ kia? Nhìn ai, tôi cũng thấy ngờ vực, người nào cũng hình như là đứa ăn trộm tiền của tôi; kia, đằng kia nói chuyện gì đấy? Nói đến thằng ăn trộm tiền của tôi đấy à? Trên kia, cái gì mà rầm rầm lên thế? Có phải thằng kẻ trộm của tôi, nó ở trên ấy không? Van các ông, các bà ai biết tâm hơi thằng ăn trộm thì làm phúc bảo giùm tôi. Nó có lẫn ở chỗ các ngài không? Người ta lại nhìn cả vào mình, người ta lại phá lên cười. Chắc là họ lại có phần trong món ăn trộm của tôi chứ chẳng chơi. Mau mau ông cầm, lính tuần tra, hiến binh, quan tòa, đồ tra khảo, giá treo cổ, dao phủ nữa. Tôi muốn treo cổ tất cả mọi người, và nếu tôi không tìm thấy tiền, thì tôi cũng treo cổ nốt cả tôi nữa!

(Hồi VI, lớp I)
Bản dịch của ĐỖ ĐỨC HIẾU

ACPAGÔNG LỤC KHÁM LA FLESO

Acpagông. La Fleso

ACPAGÔNG — Bước ngay khỏi nhà này, đừng cãi gì hết! Kia! Cút ngay khỏi nhà tao quân trộm ăn cắp, đồ đáng chết treo!

LA FLESO (Nói một mình) — Chưa từng thấy ai quái ác như cái lão chết tiệt này, nói chứ hẳn lão ta bị ma làm chứ chẳng chơi đâu.

ACPAGÔNG — Mày làm bằm cái gì?

LA FLESO — Tại sao ông đuổi cháu?

ACPAGÔNG — Đồ chết giấm, mày lại còn phải hỏi lí do tao nữa à? Cút ngay, không ông nện chết bây giờ.

LA FLESO — Cháu làm gì ông nào?

ACPAGÔNG — Làm cái tao muốn mày cút thẳng đi.

LA FLESO — Cậu chủ cháu bắt cháu phải đợi cậu ấy chứ.

ACPAGÔNG — Cút ra ngoài đường mà đợi, đừng có đứng sừng sừng như cái cột trong nhà tao mà dò xét, mà lợi dụng mọi cái. Tao không muốn lúc nào cũng có một thằng mặt thám nhòm ngó công việc của tao, một quân gian, việc gì tao làm, cũng trô trố đôi mắt khốn nạn mà nhìn đề nuốt tươi của cải của tao, mắt thì lăm la lăm lét ngó tứ phía, xem có gì ăn cắp được không.

LA FLESO — Gớm, ông bảo cháu làm thế quái nào mà ăn cắp được của ông? Ông có phải là người dễ ăn cắp được đâu. Vật gì ông cũng cất cũng khóa, ông canh phòng suốt ngày suốt đêm còn gì?

ACPAGÔNG — Tao muốn cất giấu cái gì, tao muốn canh phòng thế nào, mặc tao. Đây, đây, cái quân mặt thám, ở nhà này ai làm gì mà nó chẳng đề ý đến sao. (Nói khẽ một mình) Chỉ sợ nó nghi tôi có tiền. (Nói to) Có phải mày đã khảo chuyện là tao có tiền cất giấu trong nhà phải không?

LA FLESO — Ông có tiền cất giấu à?

ACPAGÔNG — Không đâu, đồ xỏ lá, tao có bảo thế đâu. (Nói một mình) Đến phát điên lên mất! (Nói to) Tao hỏi có phải mày có ác ý bịa đặt ra cái tin tao có tiền không đấy.

LA FLESO — Hừ, ông có tiền hay không có tiền thì việc gì đến chúng cháu? Có hay không thì chúng cháu cũng thế thôi.

ACPAGÔNG — Mày giở lí sự. Tao lại cho mày cái lí sự này vào mang tai bây giờ (Giơ tay tát). Tao bảo mày một lần nữa: cút ngay.

LA FLESO — Vâng thì cút.

ACPAGÔNG — Thong thả. Mày có cuôm gì của tao không thế?

LA FLESO — Cháu cuôm gì của ông?

ACPAGÔNG — Lại đây tao xem. Đưa hai tay tao xem.

LA FLESO — Đây ạ.

ACPAGÔNG — Tay khác kia,

LA FLESO — Tay khác?

ACPAGÔNG — Ủ.

LA FLESO — Đây ạ.

ACPAGÔNG — (Chỉ vào quần cộc của La Fleso) mày không giấu gì trong này chứ?

LA FLESO — Ông khám lấy xem.

ACPAGÔNG sờ ống quần La Fleso — Ống quần rộng thùng thình thế này, đích thị là để chứa đồ ăn cắp đây. Tao chỉ muốn người ta treo cổ một thằng quần ống rộng mới xong.

LA FLESO, nói một mình — Hừ! Một lão như thế này có mất cắp mới đáng đời! Mình mà ăn cắp được của lão ta cái gì mới hả dạ.

ACPAGÔNG — Hừ?

LA FLESO — Sao ạ?

ACPAGÔNG — Mày nói ăn cắp ăn trộm gì thế?

LA FLESO — Châu bảo là ông khám kĩ khắp người cháu để xem cháu có ăn cắp gì không.

ACPAGÔNG — Đó là việc tao đang muốn làm (Lục túi La Fleso).

LA FLESO, nói một mình — Mồ cha cái thói keo kiệt và những quân keo kiệt.

ACPAGÔNG — Cái gì? Mày bảo cái gì?

LA FLESO — Châu bảo gì ấy à?

ACPAGÔNG — Ủ, mày bảo thói keo kiệt, quân keo kiệt thế nào?

LA FLESO — Châu bảo là mồ cha cái thói keo kiệt và những quân keo kiệt.

ACPAGÔNG — Mày muốn nói ai?

LA FLESO — Những quân keo kiệt.

ACPAGÔNG — Thế quân keo kiệt ấy là ai?

LA FLESO — Là những đứa bần tiện, keo bần.

ACPAGÔNG — Nhưng ý mày định nói ai mà mày bảo thế?

LA FLESO — Ông bần khoản về cái đó làm gì?

ACPAGÔNG — Việc gì đáng bần khoản thì tao bần khoản.

LA FLESO — Thế ông tưởng là cháu muốn bảo ông phải không?

ACPAGÔNG — Tao tưởng gì mặc tao, nhưng tao muốn hỏi mày khi mày nói như thế là mày nói với ai?

LA FLESO — Cháu nói... nói với đầu gối cháu.

ACPAGÔNG — Còn tao, để tao nói với cái đầu lâu mày nhé.

LA FLESO — Thế ông cấm cháu rửa những người keo kiệt à?

ACPAGÔNG — Không, nhưng tao cấm mày nói ba láp, nói hỗn. Câm ngay.

LA FLESO — Cháu không gọi đến tên ai cả.

ACPAGÔNG — Mày còn mở mồm thì ông cho một trận nên thân bây giờ.

LA FLESO — Rõ có tặc giạt mình.

ACPAGÔNG — Có câm ngay không?

LA FLESO — Bất câm thì cháu đánh câm vậy.

ACPAGÔNG — Hừ! Hừ!

LA FLESO, chỉ một túi áo nil — Ông này, còn một túi nữa: ông thỏa mãn chưa?

ACPAGÔNG — Thôi cứ giả tao, đừng để tao phải khám nữa.

LA FLESO — Giả gì kia ạ?

ACPAGÔNG — Mày đã lấy gì thì giả tao.

LA FLESO — Cháu chẳng lấy gì sất!

ACPAGÔNG — Thậ không?

LA FLESO — Thật ạ.

ACPAGÔNG — Thôi bước! Đồ ma bắt!

LA FLESO — Thế là mình được tống cổ đi thực sự.

ACPAGÔNG — Thì ít ra mày nghĩ xem tại mày hay tại ai. Đứa ăn đũa ở chết toi gì mà khó chịu quá, thấy cái thằng chó què ấy mà bực cả mình.

(Hồi 1, lớp 3)

Bản dịch của ĐỖ ĐỨC HIỆU

Môlière — Tuyển tập kịch, tập II

(Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội — 1964)

HAMLET

của SÊCXPIA

Uyliam Sêcxpia (1564 — 1616) là nhà thơ và nhà soạn kịch vĩ đại của nhân dân Anh và toàn thể nhân loại tiên bộ. Ông sinh ra và lớn lên trong phong trào văn hóa Phục hưng ở Tây Âu (thế kỉ XVI), trong thời đại mà Angghen gọi là « bước ngoặt tiên bộ vĩ đại nhất » của loài người từ trước cho đến lúc bấy giờ. Trào lưu tư tưởng và nghệ thuật chủ yếu hồi ấy là chủ nghĩa nhân văn, nhằm đề cao và bảo vệ con người chống lại mọi thế lực đen tối trong xã hội. Sêcxpia lên án chế độ phong kiến trung cổ và giáo lí phản động của nhà thờ. Ông căm ghét bọn lãnh chúa phong kiến muốn chia cắt đất nước, tổ cáo bọn bạo quân, bạo chúa đập lên xác người để thống trị. Đồng thời Sêcxpia cũng thấy được bản chất vô nhân đạo của những quan hệ tư sản đang phát triển ở các nước Tây Âu lúc ấy. Ông vạch rõ sức mạnh ma quái của đồng tiền trong xã hội, kịch liệt chống lại chủ nghĩa cá nhân của giai cấp tư sản. Sáng tác của Sêcxpia là tiếng nói của công lí, của chính nghĩa, chan chứa lòng tin vào sự nghiệp lâu dài của nhân dân, cho nên rất gần gũi với chúng ta ngày nay.

Sêcxpia sinh năm 1564 tại thị trấn Xtơatphơ on Ấyvon, miền Tây Nam nước Anh. Vì gia đình sa sút, ông sớm phải bỏ học để tự lập. Khoảng 1590, ông vào làm cho một rạp hát ở Luân Đôn và từ đây gắn liền cuộc đời mình với kịch trường Anh. Sêcxpia sáng tác thành công nhiều loại kịch khác nhau. Trong 37 vở mà ông để lại, có nhiều kiệt tác lớn như: *Giấc mộng đêm hè*, *Rômêô và Juliet*, *Otêlô*, *Macbet*, *Hamlet*, v.v... *Hamlet* (1601) là bi kịch lớn nhất của Sêcxpia. Câu chuyện của hoàng tử Hamlet, giả điên để tìm cách trả thù cho bố, đã có từ lâu trong truyền thuyết của nhân dân Đan Mạch. Nhưng Sêcxpia đã biến Hamlet thành con người của thời đại Phục hưng, đem vào tác phẩm những vấn đề tư tưởng và xã hội của thời đại đó.

Hamlet đang học ở Đức thì được tin vua cha mất. Chàng trở về Đan Mạch để chịu tang. Nhưng chưa đầy một tháng sau, mẹ chàng đã vội tái giá, lấy chú chàng là Clôđiut, vừa kế ngôi vua. Hamlet buồn sầu, đau khổ trong khi ở triều đình mọi người yến tiệc, vui chơi. Bỗng hồn ma của vua cha hiện về, nói cho chàng biết sự thật về cái chết của nhà vua: chính Clôđiut đã giết anh để chiếm ngôi và lấy chị dâu. Hamlet càng suy nghĩ, băn khoăn. Té ra xung quanh chàng là một xã hội thối nát, đầy xấu xa và tội ác. Đối với chàng « thế giới là một nhà tù » mà « nước Đan Mạch lại là nhà tù ghê tởm nhất ». Cuộc chiến đấu thầm lặng bắt đầu, Hamlet muốn tìm ra chân lí và trừng phạt kẻ phạm

tội. Chàng giả điên để đánh lừa nhà vua và bọn cận thần tay sai. Chàng gạt bỏ tình yêu của Ôphêlia, con gái của tên nịnh thần Pôlôniut: vì ngày thơ, nàng đã ngoan ngoãn vâng theo lời kẻ thù của Hamlet. Trong cuộc chiến đấu của mình, Hamlet đơn độc và không có cái ưu thế của kẻ thù. Câu hỏi nổi tiếng của Hamlet « sống hay không sống » bộc lộ một cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt trong tâm hồn chàng. Sống để chiến đấu hay rời bỏ sự sống và đồng thời rời bỏ đấu tranh? Sống như thế nào cho ra sống? Sống như thế nào cho đáng sống? Hamlet, cuối cùng đã chọn con đường hành động. Phải tiêu diệt cho bằng được kẻ thù, phải thủ tiêu điều ác trong xã hội, phải giải phóng loài người khỏi những gông cùm tàn bạo. Hamlet cương quyết cầm vũ khí để làm nhiệm vụ. Chàng đâm chết Pôlôniut trong phòng hoàng hậu, tướng đây là tên vua Clôđiut. Bị kẻ thù âm mưu đưa đi Anh để hãm hại, chàng tìm cách thoát ra, vượt biển trở về tiếp tục chiến đấu. Trong trận đấu kiếm cuối cùng với Laocơ, con trai Pôlôniut, do sự bố trí hiểm độc của Clôđiut, Hamlet đã ngã xuống. Nhưng Hamlet tử thương đã vạch mặt kẻ thù và dùng mũi kiếm của mình xử tội tên vua độc ác. Hamlet đã hi sinh như một người anh hùng trên chiến trận.

Vở kịch *Hamlet* của Sêcxpia là một bản hùng ca rực rỡ, ca ngợi tinh thần dũng cảm của một người biết đem cuộc đời mình hiến dâng cho nghĩa lớn, cho sự nghiệp giải phóng của nhân loại,

ĐỌC VÀ BÌNH CHỮ

HAMLET QUYẾT TÂM HÀNH ĐỘNG (1)

HỒI IV

Cảnh 2 — Một gian phòng khác trong lâu đài
Hamlet ra.

HAMLET — Giấu như thế là khéo (2).

RÔDENCARAN — GHINĐONXTON (3), từ bên trong
Hamlet! Hamlet Điện hạ! (4).

HAMLET — Suyt, tiếng gì vậy? Ai gọi Hamlet đây?
A, bọn chúng kia rồi.

Rôdencran và Ghinđonxtơn
cùng với những người khác ra

RÔDENCARAN — Điện hạ đã đem cái tử thi ấy làm gì rồi?

* William Shakespeare

HAMLET — Trả nó về cát bụi, nơi nó đã sinh ra (5).

RÔDENCRA — Điện hạ hãy nói đề ở đâu cho chúng tôi đến lấy đề khiêng tới giáo đường.

HAMLET — Chớ có tin như vậy nhé.

RÔDENCRA — Tin gì cơ?

HAMLET — Rằng, ta có thể giữ điều bí mật của các người, chứ không phải của chính ta (6). Mà con một ông vua bị cái hạng bọ bèo cặn vụn thì phải trả lời như thế nào nhỉ?

RÔDENCRA — Điện hạ coi tôi là hạng bọ bèo ư?

HAMLET — Đúng đấy thưa ngài, bọ bèo thấm dấm ân huệ, bổng lộc, quyền hành của nhà vua, nhưng cuối cùng thì hạng quan lại ấy cũng được việc cho nhà vua đấy: như một con khỉ nhà vua giữ họ ở góc hẻm, thoát đầu còn ngấm, sau rồi mới tuột; khi cần những thứ gì mà họ đã thu nhặt được, vua chỉ cần vắt một cái, thì bọ bèo ơi, mi lại xác khô!

RÔDENCRA — Thưa Điện hạ, tôi không hiểu Người định nói gì?

HAMLET — Càng hay: lời khôn ngu lại tại dân (7).

RÔDENCRA — Thưa Điện hạ, xin nói cho chúng tôi hay, cái tử thi ấy Người để ở đâu, và xin mời Điện hạ cùng chúng tôi đi gặp Chúa thượng.

HAMLET — Tử thi cũng ở với Chúa thượng đấy, nhưng Chúa thượng lại không cùng ở với tử thi (8). Chúa thượng là một đồ...

GHINDONXTON — Thưa Điện hạ, là một đồ?

HAMLET — Đồ vô dụng. Hãy đưa ta tới gặp ông ấy. Cao ơi, trốn đi, và mọi người đuổi bắt nó đi! (9).

Vào cả.

Cảnh 3 — Một gian phòng khác trong lâu đài

Vua cùng các hầu cận ra.

VUA — Trẫm đã sai người đi triệu thái tử và tìm cái tử thi. Đồ cho con người ấy tự do thật là nguy hiểm lắm thay!

Nhưng lại không thể dùng luật pháp để nghiêm trị y được! Bọn dân ngu dân kia tin yêu y lắm, mà lại chỉ tin yêu qua đôi mắt chứ không biết suy xét cho tường tận. Chúng chỉ cân nhắc việc trừng phạt kẻ có tội như thế nào, chứ không nhìn đến tội trạng. Muốn mọi sự êm thấm, việc đưa y đi bất thành linh như thế này phải làm ra vẻ đã được thu xếp chu đáo từ lâu. Bệnh đã đến lúc tuyệt vọng thì phải dùng đến những phương thuốc tuyệt vọng mới trị nổi, nếu không cũng hỏng.

Rôdencran ra.

Thế nào, có chuyện gì không?

RÔDENCRA — Tàu bệ hạ, tử thi giấu ở đâu, thái tử nhất định không cho biết.

VUA — Thế thái tử đâu?

RÔDENCRA — Tàu bệ hạ, ở ngoài kia, đang bị canh giữ, chờ lệnh bệ hạ.

VUA — Dẫn y vào.

RÔDENCRA — Nay Ghindonxtôn, dẫn thái tử vào đây.

Hămlet và Ghindonxtôn ra.

VUA — Thế nào Hămlet, Pôlôniut Tướng công đâu?

HAMLET — Đang ăn bữa tối.

VUA — Ăn bữa tối? Ở đâu?

HAMLET — Không phải ở nơi hân ăn đầu, mà ở nơi hân đang bị ăn kia. Một bầy dòi bọ đang đục khoét hân. Về cái khoa ăn này, chỉ có dòi bọ mới thực là đế vương. Chúng ta nuôi béo gia súc để ăn cho béo, mà ăn cho béo chỉ để làm mồi cho dòi bọ. Ông vua béo với anh hành khát gày chỉ là hai món ăn khác nhau trên cùng một bàn tiệc: rút cục là thế đấy!

VUA — Chao ôi! Chao ôi!

HAMLET — Một gã lấy con bọ đã xoi thịt vua làm mồi câu cá, rồi lại ăn thịt con cá đã xoi mồi bọ.

VUA — Nhà người nói thế là có nghĩa gì?

HĂMLET — Có nghĩa gì đâu, chẳng qua cũng chỉ muốn nói về ngài hay, một ông vua đã ngự giá chu du như thế nào trong bao tử của một anh hành khất.

VUA — Pôlôniut đâu?

HĂMLET — Ở thiên đường ấy, cho người lên đó mà tìm. Nếu sứ giả của ngài chẳng tìm thấy y trên đó thì ngài hãy đích thân tìm y ở chỗ khác (10). Nhưng quả thật, nếu nội trong tháng này mà không tìm thấy y, ngài sẽ nghĩ thấy mùi y mỗi khi lên cầu thang bước vào long thất.

VUA, nói với hầu cận — Tôi ngay đó tìm Tướng công.

HĂMLET — Ông ấy đang chờ bọn người đến.

Bọn hầu cận vào.

VUA — Hămlet, Trăm lo lắng cho sự an toàn của bản thân con, cũng như rất buồn về việc làm vừa rồi của con, việc ấy buộc con phải rời khỏi chốn này ngay tức khắc. Con khá sửa soạn đi, thuyền đã sẵn, gió đã thuận, bạn đồng hành đang chờ con, mọi thứ đã sẵn sàng cho cuộc hành trình sang Anh quốc (11).

HĂMLET — Sang Anh quốc?

VUA — Phải, Hămlet ạ.

HĂMLET — Tốt.

VUA — Tốt thật đấy, nếu con rõ được ý ta.

HĂMLET — Tôi thấy một vị thiên thần thấy được ý ấy (12).
Nào thì đi; sang Anh quốc! Xin vĩnh biệt mẹ thân yêu.

VUA — Cha yêu quý của con nữa, Hămlet ạ.

HĂMLET — Mẹ tôi! Cha với mẹ là vợ và chồng; vợ chồng là cùng chung xác thịt; vì thế xin chào mẹ tôi (13). Đi nào, sang Anh Cát Lợi.

Hămlet vào.

VUA, nói với Rôdencran và Ghinđonxtôn — Theo y sát gót, giục y xuống thuyền cho nhanh, không được chậm trễ. Ta muốn y phải đi khỏi đất này đêm nay. Đi ngay! Mọi việc đều đã thu xếp xong đâu vào đấy. Mong các khanh hãy gấp gáp đi cho.

Rôdencran và Ghinđonxtôn vào.

Hỡi Anh quốc, nếu người quan tâm đến lòng chiều cố của ta, — mà uy lực to lớn của ta buộc người phải hay điều đó vì lưỡi gươm Đan Mạch đã từng để lại trên mình người vết thương còn tươi máu và người đã kinh sợ mà tỏ lòng thần phục — thì người không thể thờ ơ coi thường lệnh của Đại vương. Chiếu chỉ của ta đã dặn dò cặn kẽ: phải hạ thủ ngay Hămlet. Anh quốc, hãy thi hành lệnh đó, vì như cơn sốt y làm máu ta sôi lên và người phải chữa cho ta khỏi. Chứng nào ta chưa được tin việc đó đã làm xong, thì dầu sao chẳng nữa lòng ta cũng chưa thể nào biết được niềm vui.

Vào.

Cảnh 4 — Một cánh đồng Đan Mạch

Fortinbrat (14), một viên đại úy và binh lính đi qua.

FORTINBRAT — Người khá chuyển lời chào mừng của ta tới đức vua Đan Mạch. Hãy thưa lại, được Người hứa sẽ thuận tình cho phép, Fortinbrat này xin mượn đường hành quân qua vương quốc của Người. Người đã rõ nơi ta hẹn gặp. Nếu Đức vua có ý muốn cùng ta đàm đạo, ta sẽ đích thân tới bệ kiến để tỏ lòng tôn kính. Khá tâu trình cho rõ điều đó.

ĐẠI ÚY — Tâu Điện hạ, xin tuân lệnh.

FORTINBRAT — nói với binh lính — Hãy từ từ mà tiến lên.
Fortinbrat và binh lính vào, Hămlet, Rôdencran, Ghinđonxtôn và một số người khác ra.

HĂMLET — Chào ngài, chẳng hay quân binh này của ai?

ĐẠI ÚY — Thưa ngài, của nước Na Uy.

HĂMLET — Nhằm mục đích gì đó, thưa ngài?

ĐẠI ÚY — Nhằm tiến đánh một nước nào đó trên đất nước Ba Lan.

HAMLET — Ai là người chỉ huy họ thừa ngài?

ĐẠI ÚY — Hoàng tử Fortinbra, diệt nam lão vương Na Uy.

HAMLET — Thừa ngài, nhằm thẳng trung tâm của Ba Lan hay chỉ đến một biên thùy nào đó?

ĐẠI ÚY — Thành thực mà nói với ngài, không thêm không bớt, chúng tôi đi đánh chiếm một mảnh đất con, chỉ có đánh mà chẳng có lợi gì. Giá chỉ phải trả có năm đồng đu-ca, năm đồng thôi, tôi cũng chẳng thèm thuê đất ấy làm gì. Mà ngay có đem bán đứt đi nữa thì nó cũng chẳng đem lại cho Na Uy hay Ba Lan được giá cao hơn.

HAMLET — Sao nếu thế thì người Ba Lan sẽ chẳng bao giờ bảo vệ nó làm gì?

ĐẠI ÚY — Có chứ, họ đã chuẩn bị canh phòng rồi.

HAMLET — Hai ngàn sinh mệnh và hai vạn đồng đu-ca cũng chẳng đủ để thanh toán cái vấn đề rơm rác ấy. Đây là cái ung nhọt căng đầy của cái xã hội, nó vỡ mủ bên trong chẳng lộ ra ngoài, nên khó biết tại sao con người lại chết. Xin kính cảm tạ ngài.

ĐẠI ÚY — Cầu Chúa phù hộ cho ngài.

Vào.

RÔDENCRA — Thừa Điện hạ, Người vui lòng đi thôi chứ?

HAMLET — Người cứ đi trước, ta theo kịp ngay mà.

Vào cả, trừ Hamlet.

Sao mà mọi sự việc đều nhằm chống lại ta, thúc giục chỉ phục thù đã nhứt của ta. Con người còn ra gì, nếu đem tất cả phần tính tủy và giá trị đời mình vào việc ăn, việc ngủ? Chỉ là con vật không hơn. Thật thế! Ông tạo phủ cho ta trí suy xét, mãi tiếp biết lường trước tính sau, phải đầu là để cho cái năng khiếu ấy, cái lí trí thần thánh ấy bị hốt ở trong ta mà không được dùng tới. Phải chăng ta lãng quên đi như loài thú vật hay là do lo ngại đến hèn, mà ờ

băn khoăn, tính toán chi li đến kết quả của việc làm? Ý nghĩ ấy, đem chia tư chỉ được một phần là khôn ngoan, còn ba phần là hèn nhát. Chính ta cũng chẳng hiểu tại sao ta còn sống để nói: « Việc này cần làm », trong khi ta có đủ lí do, đủ chí khí, đủ sức mạnh, đủ phương tiện để làm việc đó. Bao tấm gương rõ ràng, sờ sờ như trái đất, khích lệ ta. Hãy trông đạo quân kia, đông là thế, tráng bị tổn kém là thế, mà chỉ có một chàng hoàng tử hào hoa, yếu mềm thống lĩnh. Tâm hồn y tràn ngập tham vọng cao xa, nên y nhạo cười tương lai mù mịt, đem cái phù du, cái mong manh đương đầu với số mệnh, với tử thần và hiểm nguy, chỉ để lấy một cái vỏ trứng suông. Thật sự vĩ đại thì không hành động khi không có lí do vĩ đại, nhưng khi danh dự bị xúc phạm thì chỉ cần một việc như cái rơm cái rác cũng ra tay. Ta có thể chịu đựng được nỗi cha bị sát hại, mẹ bị ô nhục, trí óc ta, máu ta sôi sục mà đành để mọi việc ngủ lãng đi sao? Ta hồ thẹn thấy hai vạn sinh linh sắp lao vào cõi chết, chỉ vì một ảo tưởng, một trò đùa của danh vọng, dẫn thân xuống năm mộ như đi vào giường ngủ, chiến đấu chỉ vì một mảnh đất nhỏ bé, chẳng cần phải mang một số đông người như thế để xâm chiếm, một nơi chẳng đủ chỗ đắp mồ cho những kẻ trận vong. Ôi! Từ giờ phút này, ý nghĩ ta phải đậm máu, nếu không sẽ chẳng có giá trị gì!

Chú thích:

(1) Dựa theo bản dịch của Đào Anh Kha, Bùi Ý, Bùi Phụng trong *Tuyển tập kịch Sécopia*, Nhà xuất bản Văn hóa, 1963.

(2) Sau khi giết chết Pôlôniut, Hamlet lòi xác hân đi giấu ở một chỗ kín.

(3) Rôdencran và Ghinđonxton là bạn cũ của Hamlet, nhưng nay đã trở thành người tin cẩn của nhà vua làm nhiệm vụ theo dõi và ám hại Hamlet.

(4) Điện hạ là từ dùng để xưng hô đối với những người quyền quý.

(5) Ở đây Hamlet vẫn tiếp tục giả điên, nói những câu mơ hồ, khó hiểu nhưng rất thâm thúy để ám chỉ kẻ thù. Chú ý đến tất cả những câu loại này của Hamlet trong đoạn sau.

(6) Ý nói: nếu ta giữ được bí mật của các người — chuyện các người làm do thám cho nhà vua nhằm ám hại ta — mà không thêm nói ra thì ta cũng có thể giữ được bí mật của ta, tức là không để lộ nơi giấu tử thi của Pôlôniut. Câu này cũng có thể hiểu một cách rộng hơn: Hămlet nói về những bí mật trong triều đình và những bí mật trong lòng mình.

(7) Thành ngữ Anh có nghĩa là kẻ đần ngu không thể hiểu được những câu nói thông minh, quá ác nhằm đá kích mình.

(8) Ý nói: xác chết của Pôlôniut ở cùng một nơi với nhà vua vì được giấu kín trong lâu đài nhưng nhà vua thì hiện đang sống mà lại không biết xác chết nằm ở đâu nên không ở cùng xác chết.

(9) Một câu nói trong trò chơi ú tím của thiếu nhi. Ở đây Hămlet ám chỉ hoàn cảnh của mình.

(10) Nghĩa là ở địa ngục. Câu này, cũng như câu trên, là một lời cảnh cáo của Hămlet đối với Clôdiut.

(11) Trong lịch sử, từ cuối thế kỉ thứ VIII cho đến đầu thế kỉ thứ XI, quân Đan Mạch thường sang đánh phá và xâm chiếm đất Anh. Trong khoảng thời gian ấy, nước Anh nhiều lần phải thần phục vua Đan Mạch.

(12) Ngạn ngữ Anh, có nghĩa là: tôi biết ít nhiều về chuyện đó.

(13) Chú ý Hămlet, trước khi ra đi chỉ chào có mẹ. Đây là một thủ lí luận do Hămlet bịa ra để khỏi phải chào vua Clôdiut là kẻ thù của mình.

(14) Hoàng tử Na Uy, đã được phép hành quân qua đất Đan Mạch.

CÁI CHẾT ANH HÙNG CỦA HĂMLET (1)

Hồi V — Phần cuối cảnh 2

VUA — Hãy mang rượu bày trên bàn kia cho ta. Nếu Hămlet đâm trúng đòn thứ nhất hay đòn thứ nhì hoặc trả đòn thắng lợi lần thứ ba, các khanh hãy ra lệnh cho tất cả các khẩu thần công nổ ran lên cùng một lúc. Bấy giờ Chúa thượng sẽ nâng cốc uống mừng sức khỏe của Hămlet, người sẽ bỏ vào cốc rượu một viên ngọc quý giá hơn tất cả mọi viên ngọc đính trên vương miện (2) của bốn đời vua Đan Mạch

liên tiếp kể truyền. Hãy mang cốc ra đây cho ta! Tiếng trống sẽ báo truyền cho tiếng kèn, tiếng kèn truyền cho súng thần công ở ngoài, súng thần công truyền báo lên trời xanh, trời xanh lại truyền báo xuống mặt đất, rằng: «Chúa thượng đang uống mừng Hămlet!». Nào, bắt đầu đi — còn chư khanh, các giám quan, khá chú mục nhìn!

HĂMLET — Nào, mời tiên sinh.

LAOCTO — Nào, mời Điện hạ.

Họ giao đấu.

HĂMLET — Một nhé.

LAOCTO — Không.

HĂMLET — Giám quan đâu?

ÔXRIC (2) — Một đòn rồi, rõ là một đòn rồi.

LAOCTO — Được, tiếp đi.

VUA — Ngừng lại! Để cho trăm nông dân Hămlet, ta mừng viên ngọc này cho con đây. Ta nâng cốc chúc mừng con đây.

Tiếng kèn vang lên, một loạt súng nổ ran.

Các người khá mang cốc rượu này cho thái tử.

HĂMLET — Để ta đấu xong hiệp này đã. Cứ để rượu đây, chốc nữa. Nào.

Họ giao đấu.

Lại đòn nữa. Tiên sinh nói sao?

LAOCTO — Trúng rồi, trúng rồi, tôi nhận.

VUA — Con trai chúng ta ắt thắng.

HẬU — Người nó đây đã, sắp hết hơi mất. Này lại đây, Hămlet con ơi, cầm lấy tấm khăn này mà lau trán đi. Mẹ sẽ uống mừng con thắng cuộc, Hămlet ạ.

HAMLET — Đợi ơn lòng tốt của Lệnh bà!

VUA — Giết trút ái khanh, chớ có uống!

HẬU — Tàu Bệ hạ, thiếp phải uống chứ. Xin Bệ hạ lượng thứ cho.

VUA, nói một mình — Cốc rượu ấy có thuốc độc; chậm quá mất rồi!

HAMLET — Thừa Lệnh bà, thần chưa dám uống. Xin để cho lát nữa.

HẬU — Lại đây, mẹ lau mặt cho con.

LAOCTOR — Tàu Bệ hạ, thần sẽ đâm trúng hân lân này.

VUA — Ta không fin.

LAOCTOR, nói một mình — Tuy nhiên, hầu như trái với lương tâm ta.

HAMLET — Nào, hiệp ba, Laoctor. Nhưng tiên sinh chỉ đùa thôi. Xin tiên sinh trở hết tài nghệ đi cho. Tôi e tiên sinh chỉ coi tôi như một đứa trẻ.

LAOCTOR — Sao lại nói vậy? Nào!

Họ giao đấu.

OXRIC — Không, chẳng bên nào trúng cả.

LAOCTOR — Này, đến lượt Điện hạ đây!

Laoctor đâm Hamlet bị thương. Liền đó, họ xông lên, cướp đổi lấy gươm của nhau, rồi Hamlet cũng đâm Laoctor bị thương.

VUA — Quân bay, cản họ ra! Họ nổi nóng cả rồi!

HAMLET — Không, cứ tiếp đi.

Hoàng hậu gục ngã.

OXRIC — Ô kia, hãy trông hoàng hậu kia!

HORATIO — Cả hai bên đều bị đổ máu! Điện hạ có làm sao không?

OXRIC — Laoctor, công tử có làm sao không?

LAOCTOR — Ôi, Oxric tiên sinh, tôi có khác gì con gà rừng mắc phải bẫy của chính nó. Tôi bị giết, chính vì sự phản bội của tôi! (4).

HAMLET — Hoàng hậu làm sao thế?

VUA — Nhìn thấy máu đỏ, hậu ngất đi đấy.

HẬU — Không phải, không phải. Rượu kia, rượu kia! Ôi! Hamlet con yêu của mẹ ơi! Rượu kia! Rượu kia! Mẹ bị đầu độc rồi!

Chết?

HAMLET — A... khốn nạn! Quân đâu! Đóng kín hết cửa lại. Phản bội! Tìm ra kẻ phản bội cho ta!

LAOCTOR — Nó đấy, Hamlet! Hamlet ơi, anh bị giết rồi, không còn phương thuốc nào trên đời này cứu nổi anh! Anh không còn sống được đến nửa giờ nữa đâu. Cái vật phản bội đang nằm trong tay anh đó: mũi gươm không bịt và bị tẩm thuốc độc! Sự lừa dối hèn mạt đã quay lại giết hại tôi đấy! Hỡi ơi! Tôi sẽ nằm xuống đất này, chẳng bao giờ còn trở dậy được nữa. Mẹ anh đã bị đầu độc. Tôi kiệt sức rồi! Tên vua, tên vua kia là thủ phạm đó!

HAMLET — Mũi gươm cũng bị tẩm độc à? Thế thì, độc được ơi, làm nhiệm vụ của mi đi thôi.

Đâm nhà vua.

TẤT CẢ — Phản trắc! Phản trắc!

VUA — Ôi, các bạn, hãy hộ vệ ta! Ta chỉ mới bị thương thôi!

HAMLET — Này đây, tên Đan Mạch khốn kiếp, loạn luân, sát nhân, uống nốt cốc rượu này đi. Mi thấy viên ngọc của mi trong đó chứ? (5) Hãy đi theo mẹ ta.

Vua chết.

LAOCTO Đáng tội y lắm. Chính tay y đã pha thuốc độc ấy Hăm cao quý! Chúng ta hãy cùng tha thứ cho nhau. Cái chết của tôi và của cha tôi không do anh gây nên, cũng như chết của anh không phải là tội của tôi.

Laoclor chết.

HĂMLET Cầu Chúa giải thoát cho anh! Tôi cũng theo anh. Tôi ở đây. Hôraxiô ơi! Mẫu hận bất hạnh, xin vĩnh biệt mẹ! Những người đang run sợ và xanh xám mục kích cuộc biến này, những vai cầm hay những khán giả suông tã tận thẳm kịch này, phải chỉ ta còn có thời gian ta sẽ cho các người nghe — Nhưng than ôi! Tử thần là sứ giả, nào có hề chậm trễ bao giờ! Thôi, đành vậy. Hôraxiô bạn ơi tôi chết đây. Bạn hãy sống, để biện hộ cho tôi sự việc của tôi trước những người không hay biết.

HÔRAXIÔ Xin điện hạ đừng nghĩ thế. Tôi là một người cô La Mã, là một người Đan Mạch. Rượu độc còn lại một ít (6).

HĂMLET — Cầu bạn là một người chân chính, xin hãy đưa cho tôi cốc rượu. Buông ra! Trời, tôi phải giành lấy mới được! Ôi Hôraxiô tốt lành, danh dự của tôi sẽ bị hoen ố nhục nhã để hể nào nếu như tôi chết đi mà thiên hạ vẫn còn chưa bị rõ mọi điều âm mưu kia. Nếu như lòng bạn đã từng thi thiết với tôi, xin hãy nán lại phút giây cực lạc, kéo dài thêm ít nữa cuộc sống nhọc nhằn trên cõi đời ô trọc này, để kể rõ ngọn ngành câu chuyện của tôi (7).

Có tiếng nhạc binh từ xa và hàng loạt súng nổ.

Tiếng gì ồn ào như chinh chiến vậy!

ÔXRIC — Đó là Fortinbrat vừa chinh phục Ba Lan thắng trận trở về, và lệnh bản đại bác để nghênh tiếp các sứ thần Anh quốc.

HĂMLET — Tôi chết, Hôraxiô! Thuốc độc ác nghiệt ngấm sâu làm trí tuệ của tôi rồi! Tôi không còn sống để

nghe tin từ Anh quốc. Nhưng tôi tiên đoán, Fortinbrat sẽ được tuyền lên ngôi báu, lời giới giảng của tôi cũng là để tán đồng việc đó. Hãy kể lại với chàng, dù ít dù nhiều, những việc đã gây nên tình cảnh này. Còn lại bây giờ chỉ là lịch mệnh vô biên!

Chết.

HÔRAXIÔ — Một trái tim cao cả vừa tan vỡ. Thái tử kính yêu ơi, xin vĩnh biệt Người. Cầu xin các thiên thần cử khúc hoan tống để Người yên giấc ngàn thu.

Tiếng nhạc binh ở trong.

Sao lại có trống vào đây?

(Fortinbrat, các sứ giả Anh quốc và các tùy tùng ra theo sau có trống và cờ xí rực rỡ)

FORTINBRAT — Cảnh tượng này là nơi đâu?

HÔRAXIÔ — Ngài muốn được thấy gì? Nếu là đau buồn và kinh ngạc, thì khỏi tìm dân xa nữa.

FORTINBRAT — Đồng thời hải kia đang réo lên tàn sát. Ôi tử thần kiêu bạc! Người muốn mở hội hè yến tiệc gì trong cái nhà mồ muôn thuở của người mà chỉ mới giảng một đôn thôi, người đã làm đổ máu bấy nhiêu người trong hoàng tộc?

MỘT SỨ GIẢ — Cảnh tượng này thật là kinh khủng. Chúng tôi mang tin từ Anh quốc đến đây chậm quá mất rồi. Đồi tai lẽ ra phải nghe những lời tâu bày của chúng tôi, giờ đây đã vô tri vô giác rồi. Nếu chúng tôi nói rằng mệnh lệnh đã được thừa hành, Rôdencran và Ghinđonxtôn đã bị xử quyết, thì chúng tôi biết nhận lời cảm tạ của ai? (8)

HÔRAXIÔ — Không phải do miệng ông ta nói ra đâu, dù cho ông ta có còn sống để nói lời cảm tạ. Ông ta có ra lệnh giết họ bao giờ? Nhưng vì các ngài đến đúng lúc xảy ra cuộc đổ máu này, thừa các ngài từ mặt trận Ba Lan trở về, và thừa các ngài từ Anh quốc sang đây — xin các ngài

hãy ra lệnh cho mang những thi hài này đặt cao trên linh sàng trước mặt mọi người, để cho tôi đây có thể kể lại với tất cả những người chưa hay chưa biết, đầu đuôi sự việc đã xảy ra. Các ngài sẽ được nghe nói đến những hành động bất nhân bất nghĩa, đâm máu, tàn bạo, những án quyết bất thường, những vụ giết chóc không ngờ; những cái chết mà nguyên nhân là sự lừa đảo và sự cưỡng bức; rồi, đến khi kết thúc, những âm mưu đen tối thất bại và rơi trở lại vào đầu những kẻ chủ mưu. Tất cả những điều đó, tôi đây có thể kể lại tường tận đúng sự thật.

FORTINBRAT — Chúng ta hãy nhanh lên để nghe kể lại. Hãy cho vởi các bậc quyền quý nhất lại nghe. Ta đây thật lấy làm đau lòng mà được hưởng vinh hoa. Tại vương quốc này ta có những quyền lợi mà mọi người còn nhớ và cơ hội tốt lành đang xui ta đòi lại.

HORAXIÔ — Về điều đó, tôi cũng có trách nhiệm phải nói lại lời giới giảng của một người mà tiếng nói còn lời cuốn được nhiều tiếng nói khác. Nhưng ta chớ nên tri hoãn, giữa lúc tâm trí mọi người đang hoang mang, để cho những mưu mô và nhăm lăm không gây thêm nhiều tai họa khác.

FORTINBRAT — Hãy cho bốn sĩ quan khiêng thi hài của Hămlet như một vị võ tướng đặt lên bệ cao. Nếu có lên ngôi trị vì, Người ắt xứng là một bậc vương giả. Khi rước Người đi, nhạc binh sẽ cử lên và việc an táng Người sẽ tiến hành theo thủ tục của quân lễ. Khá dọn các thi hài này đi. Một cảnh tượng như thế này chỉ để nơi chiến địa, ở đây, không thích hợp. Hãy ra lệnh cho quân sĩ bắn pháo lên đi.

(Họ từ từ đi vào.)

Một tràng đại bác nổ ran).

Chú thích :

(1) Đây là cảnh cuối cùng của vở kịch. Nhà vua bố trí cho Laocơ và Hămlet đấu kiếm với nhau nhằm giết chết Hămlet, mũi kiếm của Laocơ đã được tẩm thuốc độc từ trước.

(2) Một thứ mũ bằng vàng bạc thường được chạm trổ tinh vi và trang sức rực rỡ tượng trưng cho quyền lực của vua chúa.

(3) Giám quan : làm trọng tài trong trận đấu.

(4) Laocơ đồng lõa với nhà vua trong âm mưu giết Hămlet. Nhưng chính Laocơ lại chết vì mũi kiếm tẩm thuốc độc của mình.

(5) Trên kia, khi Clôđiut tuyên bố bỏ một viên ngọc vào cốc rượu để mừng thắng lợi của Hămlet, thực ra hắn đã bỏ thuốc độc vào đó.

(6) Horaxiô tỏ ý muốn làm người trung thành uống rượu độc để chết theo Hămlet.

(7) Hămlet tuy sắp chết nhưng vẫn thiết tha với sự thật, muốn sự thật được đưa ra ánh sáng.

(8) Trên đường sang Anh, Hămlet đã lừa lấy được chiếu chỉ của vua Clôđiut, chữa lệnh giết mình thành lệnh giết Rôđencran và Ghin-donxon.

MỤC LỤC

	Trang		Trang
PHẦN THỨ BA		Đi thuyền trên sông Đáy	
VĂN HỌC CỔ		(Hồ Chí Minh)	53
(tiếp theo)		Đồng chí (Chính Hữu)	54
CHƯƠNG II		Bao giờ trở lại (Hoàng Trung Thông)	55
Văn học viết từ thế kỉ XVI		Bài ca vỡ đất (Hoàng Trung Thông)	57
đến giữa thế kỉ XVIII		Thăm lúa (Trần Hữu Thung)	59
Khái quát về giai đoạn văn học	3	Đọc thêm: <i>Vùng mỏ</i>	
Thơ Nguyễn Bình Khiêm	8	(Võ Huy Tam)	61
— <i>Thời đại</i>	11	Đất nước đứng lên (Nguyễn Ngọc)	71
		— <i>Người Đảng</i>	71
		Một truyện chép ở bệnh viện	
		(Bùi Đức Ái)	73
		— <i>Tình mẹ con</i>	79
PHẦN THỨ TƯ		Mẹ Tôm (Tổ Hữu)	86
VĂN THƠ HIỆN ĐẠI		PHẦN THỨ NĂM	
(Chủ đề về cách mạng		VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI	
và kháng chiến chống Pháp)			
Còn sống còn làm việc (Phạm Hùng)	13	Iliat — Ôđixê của Hôme.	
Đọc thêm: <i>Ngục Kontum</i>		Iliat	90
(Lê Văn Hiến)	20	Đọc và bình chú: <i>Cái chết của Hecto</i>	92
Sóng gầm (Nguyễn Hồng)	28	Ôđixê	96
— <i>Một ngày gió</i>	28	Đọc và bình chú: <i>Xiclop</i>	97
Vỡ bờ (Nguyễn Đình Thi)	35	Lão hà tiện (Môliêrô)	102
— <i>Trong xà lim</i>	36	Đọc và bình chú:	
Nhân dân ta rất anh hùng		— <i>Acpagông mất của</i>	103
(Hồi kí cách mạng)	41	— <i>Acpagông lục khám La Flesơ</i>	104
— <i>Luồng điện sáng Tám</i>	41	Hămlet (Sêcxpia)	108
Bác Hồ đọc <i>Tuyên ngôn độc lập</i>		Đọc và bình chú:	
(Võ Nguyên Giáp)	48	— <i>Hămlet quyết tâm hành động</i>	109
Cảnh rừng Việt Bắc (Hồ Chí Minh)	52	— <i>Cái chết anh hùng của Hămlet</i>	116

nuongmaitruongxua.v

VĂN HỌC 10 P.T.

TẬP HAI

In 20000 bản,

khô 14,5 x 20,5cm,

tại Nhà máy in Trần Phú,

Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy phép số 12-KHTH, ngày

18-1-1988, của Cục xuất bản,

Bộ Thông tin.

In xong và nộp lưu chiểu

tháng 11 năm 1988.

Giá : 330đ00